KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập TOÁN 4

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập
TOÁN 4

TẬP HAI

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

Bài 38. Nhân với số có một chữ số 4

Bài 39. Chia cho số có một chữ số 6

Bài 40. Tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân 10

Bài 41. Nhân, chia với 10, 100, 1 000, ... 14

Bài 42. Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng 17

Bài 43. Nhân với số có hai chữ số 21

Bài 44. Chia cho số có hai chữ số 25

Bài 45. Thực hành và trải nghiệm ước lượng trong tính toán 29

Bài 46. Tìm số trung bình cộng 31

Bài 47. Bài toán liên quan đến rút về đơn vị 34

Bài 48. Luyện tập chung 37

Bài 49. Dãy số liệu thống kê 42

Bài 50. Biểu đồ cột 45

Bài 51. Số lần xuất hiện của một sự kiện 50

Bài 52. Luyện tập chung 53

Bài 53. Khái niệm phân số 56

Bài 54. Phân số và phép chia số tự nhiên 59

Bài 55. Tính chất cơ bản của phân số 62

Bài 56. Rút gọn phân số 64
Bài 57. Quy đồng mẫu số các phân số 66
Bài 58. So sánh phân số 68
Bài 59. Luyện tập chung 71
Bài 60. Phép cộng phân số 75
Bài 61. Phép trừ phân số 80
Bài 62. Luyện tập chung 84
Bài 63. Phép nhân phân số 88
Bài 64. Phép chia phân số 93
Bài 65. Tìm phân số của một số 97
Bài 66. Luyện tập chung 100
Bài 67. Ôn tập số tự nhiên 104
Bài 68. Ôn tập phép tính với số tự nhiên 108
Bài 69. Ôn tập phân số 111
Bài 70. Ôn tập phép tính với phân số 114
Bài 71. Ôn tập hình học và đo lường 117
Bài 72. Ôn tập một số yếu tố thống kê và xác suất 120
Bài 73. Ôn tập chung 122

BÀI 38 NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

12 305 × 4	20 318 × 5	391 507 × 2
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Đ, S ?

a) 13 128 × 3 = 93 384 ☐

b) 61 500 × 4 = 246 000 ☐

c) 150 000 × 5 = 650 000 ☐

3 Người ta sử dụng 2 xe bồn chở nước để rửa đường và tưới cây. Biết mỗi xe bồn chở 20 000 *l* nước. Hỏi cả hai xe bồn chở bao nhiêu lít nước?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bác Dương mua 6 bình nước, mỗi bình nước có giá 60 000 đồng. Biết phí giao hàng là 30 000 đồng. Hỏi bác Dương phải trả tất cả bao nhiêu tiền?

A. 360 000 đồng B. 390 000 đồng C. 420 000 đồng

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

16 015 × 4	71 206 × 5	191 832 × 3
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cô Hoa có 250 000 đồng. Cô Hoa mua 3 chiếc khăn trải bàn, mỗi chiếc có giá 70 000 đồng. Hỏi cô Hoa còn lại bao nhiêu tiền?

A. 20 000 đồng B. 40 000 đồng C. 60 000 đồng

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) 214 728 + 391 028 × 2	b) 920 312 – 18 021 × 5
=	= .....
=	= .....

4 Anh Khoai khắc số lên các đốt tre theo quy tắc: đốt tre thứ nhất khắc số 1, đốt tre thứ hai khắc số 2, đốt tre thứ ba khắc số 4 và cứ như vậy, số khắc ở đốt tre sau gấp đôi số khắc ở đốt tre trước đó. Biết rằng ở đốt tre thứ mười tám, anh Khoai khắc số 131 072. Hỏi anh Khoai khắc số bao nhiêu lên đốt tre thứ hai mươi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 39

CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

253 719 : 3	721 520 : 4	809 516 : 7
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 a) Đ, S ?

Bạn Việt thực hiện hai phép chia như sau:

```
58 321 | 6
 4 3   | 972
   12
    01
```

58 321 : 6 = 972 (dư 1) ☐

```
137 045 | 5
  37    | 2 749
   2 0
     045
       0
```

137 045 : 5 = 2 749 ☐

b) Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

Với phép tính bạn Việt thực hiện sai, em hãy sửa lại cho đúng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Bác Vân có 150 000 đồng. Sau khi mua 4 kg cam thì bác còn lại 30 000 đồng. Hỏi mỗi ki-lô-gam cam có giá bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Sóng vô tuyến được phát ra từ điểm A đi thẳng đến điểm B rồi quay ngược trở lại thẳng về điểm A và dừng lại. Biết rằng, sóng vô tuyến đã đi được 982 250 km. Hỏi điểm A cách điểm B bao nhiêu ki-lô-mét?



A. 491 125 km B. 982 250 km C. 1 964 500 km

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

382 820 : 5	301 537 : 4	281 972 : 6
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hai số có tổng và hiệu của chúng lần lượt là 23 400 và 3 400.

a) Số bé là:

A. 15 000 B. 13 400 C. 10 000 D. 3 400

b) Số lớn là:

A. 10 000 B. 13 400 C. 15 000 D. 23 400

3 Cứ 6 viên thuốc đóng được 1 vỉ thuốc. Hỏi 412 739 viên thuốc đóng được nhiều nhất bao nhiêu vỉ thuốc như vậy và còn thừa mấy viên thuốc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có 300 000 kg hàng hoá. Người ta chia số hàng hoá đó thành ba phần bằng nhau rồi cho một phần lên chiếc tàu màu xanh, lượng hàng hoá còn lại được cho lên chiếc tàu màu trắng. Hỏi người ta đã cho bao nhiêu ki-lô-gam hàng hoá lên chiếc tàu màu trắng?

A. 100 000 kg　　B. 150 000 kg　　C. 200 000 kg

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Kết quả của phép tính ghi bên cạnh mỗi món quà là giá tiền của món quà đó (đơn vị: đồng). Nam có thể mua được món quà nào?



A.



42 800 : 2

B.



65 400 : 3

C.



115 200 : 6

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 40 TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN

Tiết 1

1 Nối hai phép tính có cùng kết quả.

1 300 × 5	62 × 4	2 910 × 3	105 × 7
7 × 105	5 × 1 300	4 × 62	3 × 2 910

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 6 × 9 = 9 × .....

b) 8 × 12 = ... × 8

c) 632 × 2 = ... × 632

d) 31 140 × 7 = 7 × .....

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dùng tính chất giao hoán để tìm kết quả của phép tính: 3 × 215.

Ta có:

3 × 215 = 215 × .....

Đặt tính:

.....

.....

.....

Vậy 3 × 215 = ...

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Học sinh đứng xếp thành 12 hàng, mỗi hàng có 8 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh đứng xếp hàng?

A. 20 học sinh B. 86 học sinh C. 96 học sinh D. 168 học sinh

Tiết 2

1 Tính bằng hai cách (theo mẫu).

Mẫu: $4 \times 3 \times 2 = ?$

Cách 1: $4 \times 3 \times 2 = (4 \times 3) \times 2 = 12 \times 2 = 24$.

Cách 2: $4 \times 3 \times 2 = 4 \times (3 \times 2) = 4 \times 6 = 24$.

a) $3 \times 2 \times 5 = ?$

Cách 1: $3 \times 2 \times 5 = (3 \times 2) \times 5 =$ .....

Cách 2: $3 \times 2 \times 5 = 3 \times (2 \times 5) =$ .....

b) $8 \times 3 \times 2 = ?$

Cách 1: $8 \times 3 \times 2 =$ .....

Cách 2: $8 \times 3 \times 2 =$ .....

c) $7 \times 2 \times 4 = ?$

Cách 1: $7 \times 2 \times 4 =$ .....

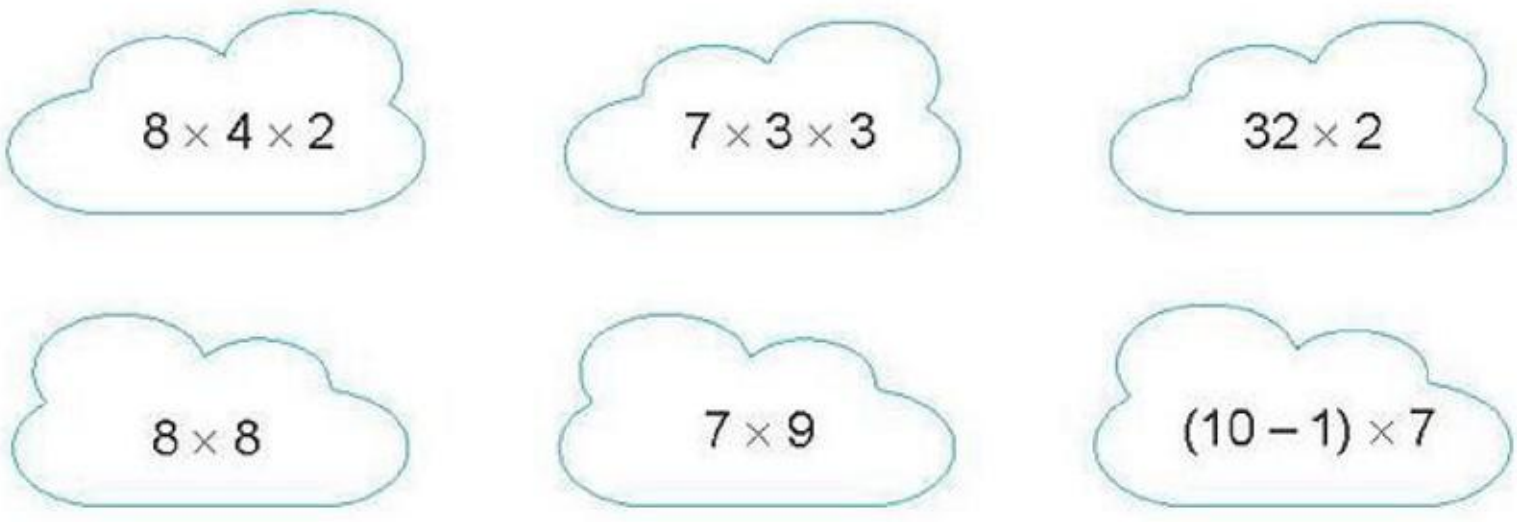
Cách 2: $7 \times 2 \times 4 =$ .....

d) $5 \times 3 \times 3 = ?$

Cách 1: $5 \times 3 \times 3 =$ .....

Cách 2: $5 \times 3 \times 3 =$ .....

2 Tô cùng màu các đám mây ghi biểu thức có giá trị bằng nhau.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Đội hoạt náo viên xếp thành 8 hàng, mỗi hàng có 5 người, mỗi người cầm 2 bông tua. Hỏi đội hoạt náo viên cầm tất cả bao nhiêu bông tua?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức nào có giá trị lớn nhất?

A. 12×9 B. $8 \times 5 \times 2$ C. $4 \times 3 \times 8$

b) Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức nào có giá trị bé nhất?

A. 12×9 B. $8 \times 5 \times 2$ C. $4 \times 3 \times 8$

Tiết 3

1 Số ?

a	b	c	$a \times b$	$b \times a$	$(a \times b) \times c$	$a \times (b \times c)$
10	2	3				
9	5	2				
6	2	4				

2 Biết $8 \times 35\,610 = 284\,880$ và $284\,880 \times 3 = 854\,640$.

Không thực hiện phép tính, em hãy viết ngay giá trị của mỗi biểu thức sau vào chỗ chấm và giải thích tại sao.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

a) 35 610 × 8 = ...

Giải thích: .....

b) 3 × 284 880 = ...

Giải thích: .....

c) 8 × 35 610 × 3 = ...

Giải thích: .....

d) 3 × 8 × 35 610 = ...

Giải thích: .....

3 a) Viết chữ cái thích hợp vào ô trống.

Biết mỗi chữ cái tương ứng với giá trị của mỗi biểu thức như sau:

A: 20 × 3 × 3 H: 6 × 20 × 5 N: 50 × 2 × 4 U: 2 × 25 × 4

	600	200			400	180	400
C			V	Ă			

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ô chữ nhận được ở câu a là: .....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 129 × ..... = 3 × 129

b) 3 × 25 = (..... + 20) × 3

c) (12 × 7) × 20 = 12 × (..... × 20)

d) 16 × 4 × 2 = 2 × ..... = 8 × .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 41 NHÂN, CHIA VỚI 10, 100, 1 000,...

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

$23 \times 10 =$ ..... $1\,729 \times 100 =$ .....

$381 \times 1\,000 =$ ..... $4\,810 : 10 =$ .....

$628\,000 : 100 =$ ..... $123\,000 : 1\,000 =$ .....

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Chú Hải chạy 10 vòng quanh hồ. Biết mỗi vòng quanh hồ dài 350 m. Hỏi chú Hải đã chạy bao nhiêu mét vòng quanh hồ?

A. 3 500 m B. 35 000 m C. 350 000 m

3 Học sinh xếp hàng đều nhau ở hai bên lối đi. Biết mỗi bên lối đi có 10 hàng và mỗi hàng đều có 6 học sinh. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh đứng xếp hàng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nam, Việt, Mai và Rô-bốt tham gia một cuộc thi chạy tiếp sức. Mỗi bạn cần chạy 100 m. Hỏi đoạn đường chạy tiếp sức dài bao nhiêu mét?

A. 40 m B. 400 m C. 4 000 m



Tiết 2

1 Số ?

Số bị chia	250	37 800	21 000	3 920		
Số chia	10	100			17	279
Thương			1 000	10	1 000	100

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 400 kg = ... tạ b) 90 kg = ... yến

600 yến = ... tạ 300 kg = ... tạ

12 000 kg = ... tấn 10 000 kg = ... tấn

3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $3\,829 \times 2 \times 5$ = ...

b) $5 \times 2 \times 30\,293$ = ...

c) $2 \times 326 \times 5$ = ...

d) $5 \times 92 \times 2$ = ...

4 Đoàn lạc đà có 15 con đang di chuyển trên sa mạc theo một hàng dọc. Người ta sử dụng các con lạc đà từ con thứ 3 đến con thứ 12 để chở hàng. Biết mỗi con lạc đà đó chở 150 kg hàng. Hỏi đoàn lạc đà chở tất cả bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

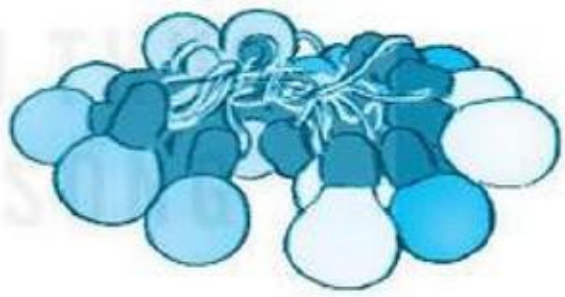
.....

.....

.....

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trên một đoạn dây đèn nháy dài 2 m, cứ 10 cm lại có một bóng đèn. Biết cả hai đầu đoạn dây đều có bóng đèn. Hỏi trên đoạn dây đó có bao nhiêu bóng đèn?



A. 19 bóng đèn

B. 20 bóng đèn

C. 21 bóng đèn

D. 200 bóng đèn

BÀI 42 TÍNH CHẤT PHÂN PHỐI CỦA PHÉP NHÂN ĐỐI VỚI PHÉP CỘNG

Tiết 1

1 Tính bằng hai cách (theo mẫu).

Mẫu: $26 \times (5 + 4) = ?$

Cách 1:

$26 \times (5 + 4) = 26 \times 9$

$= 234.$

Cách 2:

$26 \times (5 + 4) = 26 \times 5 + 26 \times 4$

$= 130 + 104 = 234.$

a) $25 \times (3 + 4) = ?$

Cách 1:

.....

.....

Cách 2:

.....

.....

b) $(15 + 9) \times 8 = ?$

Cách 1:

.....

.....

Cách 2:

.....

.....

2 a) Tính giá trị của biểu thức với $m = 4$, $n = 2$, $p = 7$.

$m \times (n + p) =$ .....

$(m + n) \times p =$ .....

$m \times n + m \times p =$ .....

$m \times p + n \times p =$ .....

b) Đ, S ?

Trong câu a, ta có:

- $m \times (n + p) = (m \times n) + p.$ ☐
- $m \times (n + p) = m \times n + m \times p.$ ☐
- $(m + n) \times p = m + n \times p.$ ☐
- $(m + n) \times p = m \times p + n \times p.$ ☐

3 Có 5 túi cam và 4 túi xoài, mỗi túi đều có 12 quả. Hỏi cả cam và xoài có bao nhiêu quả?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Với a = 50, b = 30, c = 20, giá trị của biểu thức $36 \times (a + b + c)$ là: .....

Tiết 2

1 Tính bằng hai cách (theo mẫu).

Mẫu: $34 \times 8 + 34 \times 2 = ?$

Cách 1:

$34 \times 8 + 34 \times 2 = 272 + 68$

$= 340.$

Cách 2:

$34 \times 8 + 34 \times 2 = 34 \times (8 + 2)$

$= 34 \times 10 = 340.$

a) $37 \times 4 + 37 \times 3 = ?$

Cách 1:

.....

.....

Cách 2:

.....

.....

b) $103 \times 4 + 103 \times 6 = ?$

Cách 1:

.....

.....

Cách 2:

.....

.....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $76 \times 7 + 76 \times 3$ b) $136 \times 80 + 136 \times 20$ c) $41 \times 5 + 59 \times 5$

....

....

3 Tính.

a) $417 \times 5 + 417 \times 2 + 417 \times 3 =$ .....

b) $87 \times 3 + 87 \times 6 + 87 =$ .....

4 Cô giáo mua cho lớp học vẽ 5 hộp bút chì màu loại 55 000 đồng một hộp và 5 hộp bút chì màu loại 45 000 đồng một hộp. Hỏi cô giáo đã mua hết tất cả bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 3

1 a) Tính.

$24 \times (8 - 4) =$ ..... $24 \times 8 - 24 \times 4 =$ .....

= ..... = ...

$(9 - 3) \times 8 =$ ..... $9 \times 8 - 3 \times 8 =$ .....

= ..... = ...

b) **>; <; =** ?

$24 \times 8 - 24 \times 4 \square 24 \times (8 - 4)$ $9 \times 8 - 3 \times 8 \square (9 - 3) \times 8$

$15 \times 6 - 15 \times 4 \square 15 \times (6 - 3)$ $25 \times (10 - 5) \square 25 \times 10 - 25 \times 5$

2 a) Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu) rồi viết dấu >; < hoặc = thích hợp vào chỗ chấm.

a	b	c	a × (b – c)	a × b – a × c
5	9	2	5 × (9 – 2) = 35	5 × 9 – 5 × 2 = 35
18	7	2		
36	4	3		

Ta có: a × (b – c) ..... a × b – a × c.

b) Nối mỗi biểu thức với giá trị của biểu thức đó.

17 × 5 – 17 × 3	48	(41 – 35) × 8
41 × 8 – 35 × 8	34	17 × (5 – 3)

3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 125 × 8 – 125 × 7

.....

.....

b) 208 × 9 – 108 × 9

.....

.....

4 Cửa hàng văn phòng phẩm có 100 hộp bút màu, mỗi hộp có 12 chiếc bút màu. Cửa hàng đã bán 90 hộp bút màu như vậy. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc bút màu loại đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 43 NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

48×32	208×44	$3\,207 \times 26$
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Nối mỗi phép tính với kết quả của phép tính đó.



3 Cửa hàng có 25 bao gạo, mỗi bao chứa 45 kg gạo. Cửa hàng đã bán được 12 bao gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 **>; <; =** ?

a) $107 \times 18 \square 18 \times 107$

b) $74 \times 25 \square 74 \times 13 + 74 \times 11$

Tiết 2

1 Số ?

Thừa số	271	109	6 604
Thừa số	56	32	22
Tích			

2 Tính.

$72 \times 30 =$ ..... $63 \times 40 =$ ..... $85 \times 60 =$ .....

$230 \times 70 =$ ..... $2\,050 \times 70 =$ ..... $7\,400 \times 50 =$ .....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Diện tích S của hình chữ nhật có chiều dài a và chiều rộng b được tính theo công thức: $S = a \times b$ (a, b cùng đơn vị đo).

a) Với a = 35 dm, b = 23 dm thì S = ... dm^2.

b) Với a = 76 m, b = 470 dm thì S = ... m^2.

4 Một người mang trứng gà và trứng vịt ra chợ bán. Người đó đã bán được 35 quả trứng gà với giá 4 000 đồng một quả và 45 quả trứng vịt với giá 3 500 đồng một quả. Hỏi người đó đã thu về được bao nhiêu tiền bán trứng gà và trứng vịt?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

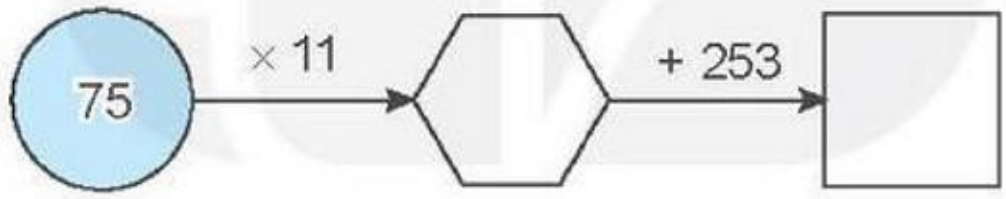
.....

Tiết 3

1 a) Đặt tính rồi tính.

62×37	45×29	315×46
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

b) Số ?



2 Số ?

Thừa số	Thừa số	Tích
74	21	2 494
43	58	1 554

Từ các thừa số và tích đã cho, lập các phép nhân thích hợp là:

□ × □ = □ □ × □ = □

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Hộp A đựng 22 gói kẹo chanh, mỗi gói có 24 cái kẹo. Hộp B đựng 18 gói kẹo dừa, mỗi gói có 25 cái kẹo. Hỏi số kẹo ở hai hộp hơn kém nhau bao nhiêu cái?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 a) Đ, S ?



$$\begin{array}{r} 64 \\ \times\ 11 \\ \hline 64 \\ 64 \\ \hline 704 \end{array}$$ ☐

$$\begin{array}{r} 64 \\ \times\ 11 \\ \hline 64 \\ 64 \\ \hline 128 \end{array}$$ ☐



b) Số ?

Khi nhân một số với 11, Nam đã đặt hai tích riêng thẳng cột với nhau nên kết quả sai là 42.

Kết quả đúng của số đó nhân với 11 là ☐.

BÀI 44

CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

1 288 : 28	1 554 : 42	3 109 : 35
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Nối mỗi phép tính với kết quả của phép tính đó.

450 : 50	560 : 80	4 340 : 70
7	62	9
140	910	249
72 800 : 80	74 700 : 300	126 000 : 900
25		

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Trong một hội trường, người ta xếp đều 432 cái ghế vào 36 dãy. Hỏi mỗi dãy đã xếp bao nhiêu cái ghế?

Bài giải

.....

.....

.....

4 **>; <; =** ?

a) 384 : 24 ☐ 384 : 12

b) 960 : 24 ☐ 480 : 12

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

2 294 : 31	4 896 : 24	17 850 : 34
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
		.....

2 Tính giá trị của biểu thức.

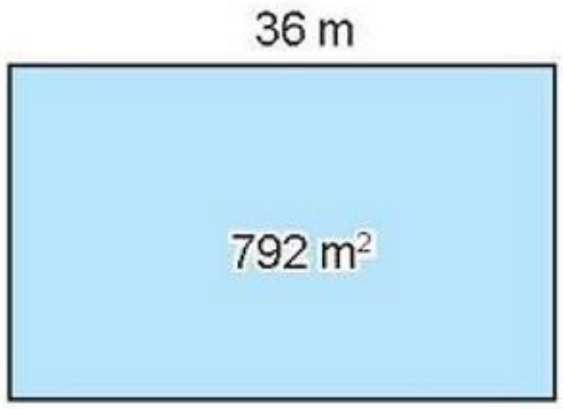
a) 84 : (2 × 3)	84 : 2 : 3	84 : 3 : 2
.....	.....	.....
.....	.....	.....
b) (64 × 48) : 16	(64 : 16) × 48	64 × (48 : 16)
.....	.....	.....
.....	.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Một mảnh vườn hình chữ nhật có diện tích 792 m^2, chiều dài 36 m.

a) Tính chu vi của mảnh vườn đó.

b) Nếu giữ nguyên chiều dài và tăng chiều rộng thêm 3 m nữa thì diện tích mảnh vườn đó tăng thêm bao nhiêu mét vuông?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Số ?

Thừa số	86	74	
Thừa số			28
Tích	3 870	3 996	1 288

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

Số bị chia	Số chia	Thương	Số dư	Viết là
3 875	45	86	5	3 875 : 45 = 86 (dư 5)
15 820	54			15 820 : 54 = ☐ (dư ☐)

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một đội đồng diễn xếp thành 36 hàng, mỗi hàng có 16 người. Hỏi nếu đội đồng diễn đó xếp thành 24 hàng thì mỗi hàng có bao nhiêu người?

A. 16 người B. 20 người C. 24 người D. 36 người

4 Nếu xếp 16 người lên một ô tô thì tất cả số người xếp vừa đủ lên 11 ô tô như vậy. Hỏi nếu xếp tất cả số người đó lên ô tô, mỗi ô tô 24 người thì cần nhiều nhất bao nhiêu ô tô như vậy và còn thừa ra mấy người?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 45

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM ƯỚC LƯỢNG TRONG TÍNH TOÁN

1 Số ?

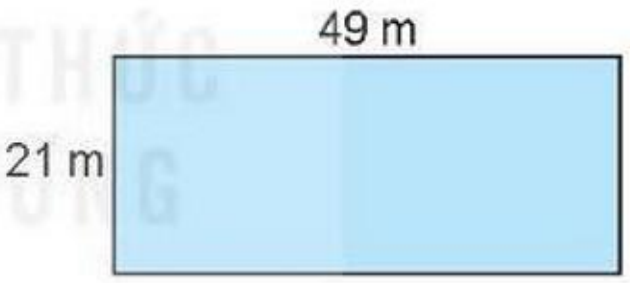
a) Trong hai tuần đầu tháng Tư, trang trại của bác Ba lần lượt bán được 3 890 và 2 950 con cá dầy giống. Trong hai tuần đó, bác Ba đã bán được khoảng ☐ nghìn con cá dầy giống.

b) Ước lượng kết quả mỗi phép tính.

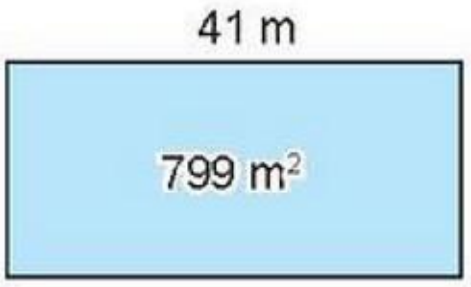
- 7 025 + 4 870 khoảng ☐ nghìn.
- 8 952 – 2 095 khoảng ☐ nghìn.
- 38 971 + 19 458 khoảng ☐ chục nghìn.
- 60 813 – 21 344 khoảng ☐ chục nghìn.

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Khu nuôi ếch của bác Năm có kích thước như hình bên. Nếu làm tròn chiều dài mỗi cạnh đến hàng chục thì khu nuôi ếch có diện tích khoảng ..... m^2.



b) Ao thả ba ba của bác Năm có diện tích và chiều dài như hình bên. Làm tròn diện tích đến hàng trăm và chiều dài đến hàng chục, em ước lượng chiều rộng của cái ao được khoảng ..... m.



c) 713 × 29 có kết quả khoảng ..... nghìn.

804 : 41 có kết quả khoảng ..... chục.

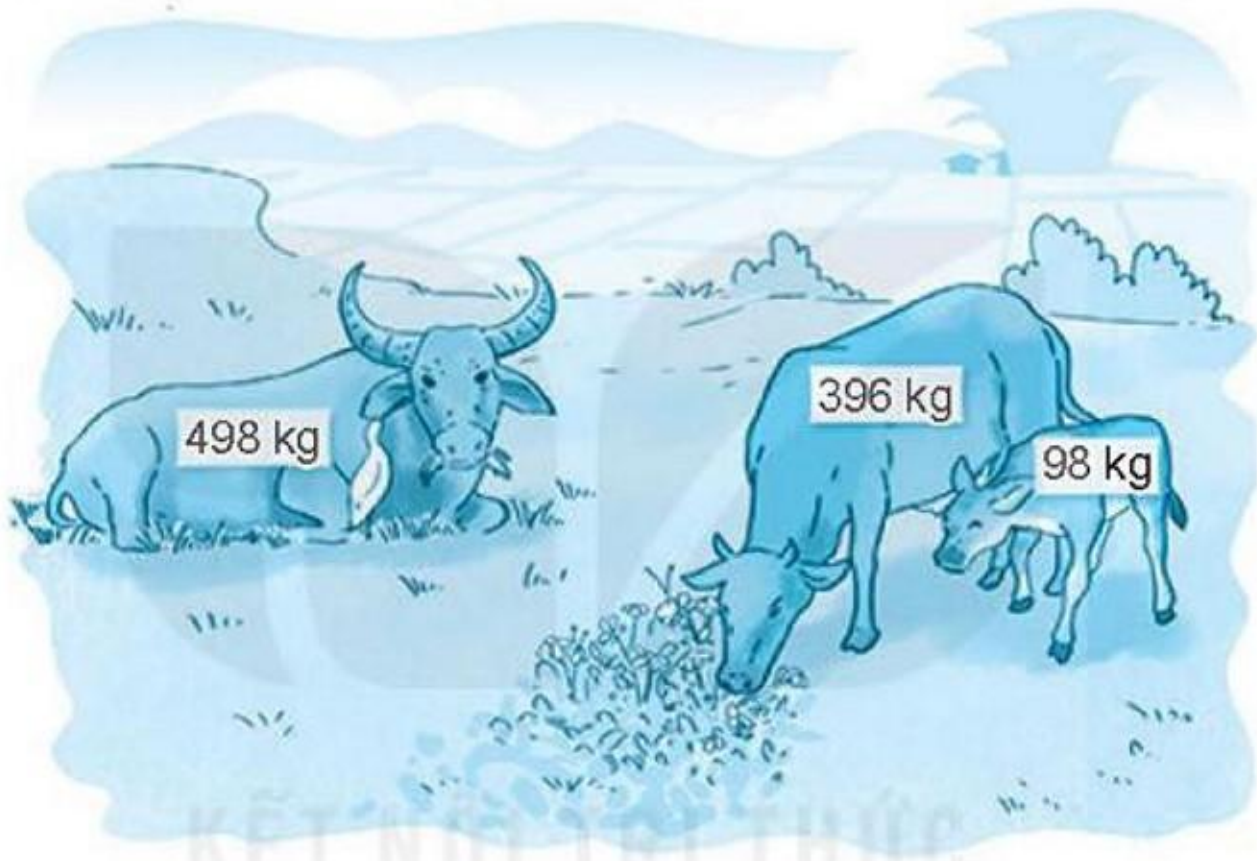
3 Đ, S ?

a) 4 878 + 3 901 = 9 079 ☐ b) 9 050 – 2 855 > 6 000 ☐

c) 82 × 105 > 7 910 ☐ d) 928 : 29 < 30 ☐

4 Số ?

Số cân nặng của mỗi con trâu, con bò, con bê được ghi trong hình dưới đây.



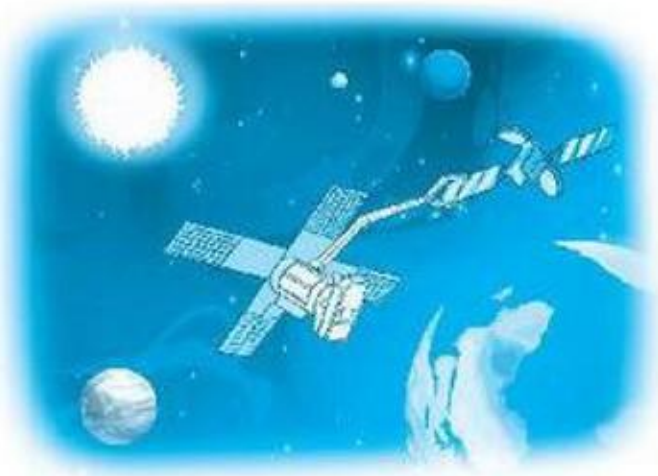
a) Cả bò và bê cân nặng khoảng ☐ tạ.

b) Bò cân nặng hơn bê khoảng ☐ tạ.

c) Cân nặng của trâu gấp khoảng ☐ lần cân nặng của bê.

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một tên lửa mang 30 vệ tinh lên vũ trụ, trong đó có 10 vệ tinh, mỗi vệ tinh nặng 69 kg và 20 vệ tinh, mỗi vệ tinh nặng 71 kg. Làm tròn cân nặng mỗi vệ tinh đến hàng chục, tổng cân nặng các vệ tinh mà tên lửa đó mang khoảng ..... tạ.



BÀI 46 TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

Tiết 1

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Số trung bình cộng của hai số 10 và 20 là: .....

b) Số trung bình cộng của ba số 20, 40 và 60 là: .....

c) Số trung bình cộng của ba số 3, 11 và 16 là: .....

2 Cân nặng của 4 học sinh lần lượt là 27 kg, 30 kg, 32 kg và 35 kg. Hỏi trung bình mỗi bạn nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

3 Số học sinh xuất sắc của các lớp khối Bốn ở một trường trong năm học vừa qua được cho như bảng sau:

Tên lớp	Số học sinh xuất sắc
4A1	15
4A2	12
4A3	16
4A4	13

Hỏi trong năm học vừa qua, trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh xuất sắc?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

Chiều cao của 5 cầu thủ trong đội bóng đá thiếu niên – nhi đồng của Trường Tiểu học Thành Công được cho như bảng sau:

Cầu thủ	Chiều cao (cm)
An	125
Hùng	130
Dũng	132
Mạnh	133
Hải	135

Chiều cao của 5 cầu thủ trong đội bóng đá thiếu niên – nhi đồng của Trường Tiểu học Quyết Thắng được cho như bảng sau:

Cầu thủ	Chiều cao (cm)
Phương	125
Trường	131
Đạt	133
Luân	136
Tài	140

Không thực hiện phép tính, em hãy cho biết chiều cao trung bình của một cầu thủ trong đội bóng đá thiếu niên – nhi đồng của trường nào cao hơn. Tại sao?

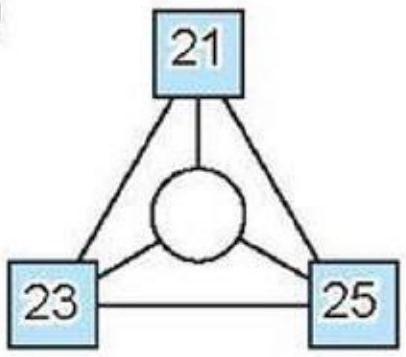
.....

.....

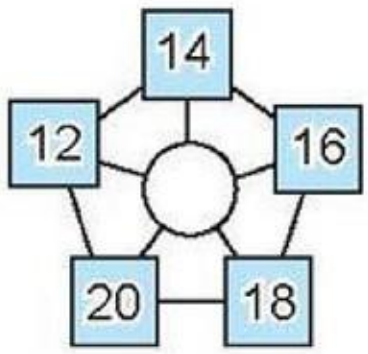
Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào mỗi hình tròn, biết số ghi ở hình tròn bằng trung bình cộng của các số ghi ở hình vuông.

a)



b)



2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Chú Luân có 6 chai nước nắp màu xanh và 8 chai nước nắp màu trắng. Các chai nước có nắp màu xanh chứa tất cả 1 320 ml nước, các chai nước có nắp màu trắng chứa tất cả 1 480 ml nước. Hỏi trung bình mỗi chai nước của chú Luân đựng bao nhiêu mi-li-lít nước?

A. 150 ml B. 250 ml C. 200 ml

3 Ngày thứ nhất, Nam đạp xe được 1 500 m. Ngày thứ hai, Nam đạp xe được nhiều hơn ngày thứ nhất là 500 m. Hỏi trung bình mỗi ngày Nam đạp xe được bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mai có hai ngăn để sách. Ngăn trên có 15 quyển sách. Biết rằng, trung bình mỗi ngăn có 20 quyển sách. Hỏi ngăn dưới có bao nhiêu quyển sách?

A. 40 quyển sách B. 35 quyển sách C. 25 quyển sách

BÀI 47 BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ

Tiết 1

1 Có 72 hộp sữa chua chia đều vào 12 vỉ. Hỏi 5 vỉ như vậy có bao nhiêu hộp sữa chua?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

2 Mẹ cắm đều 54 bông hoa cúc vào 6 lọ và cắm đều 45 bông hoa hồng vào 9 lọ khác. Hỏi:

a) 5 lọ hoa cúc như vậy có bao nhiêu bông?

b) 4 lọ hoa hồng như vậy có bao nhiêu bông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Số ?

a)

Số quyển vở	5	2	6
Số tiền mua (đồng)	42 500		

b) Số tiền mua 6 quyển vở gấp ☐ lần số tiền mua 2 quyển vở.

Tiết 2

1 Mẹ mua 4 kg cam phải trả tất cả 100 000 đồng. Hỏi nếu mẹ có 125 000 đồng thì mua được mấy ki-lô-gam cam loại đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 Có 84 chiếc bánh được đóng đều vào 14 hộp. Hỏi 54 chiếc bánh cùng loại đó sẽ đóng được bao nhiêu hộp như vậy?

Bài giải

.....

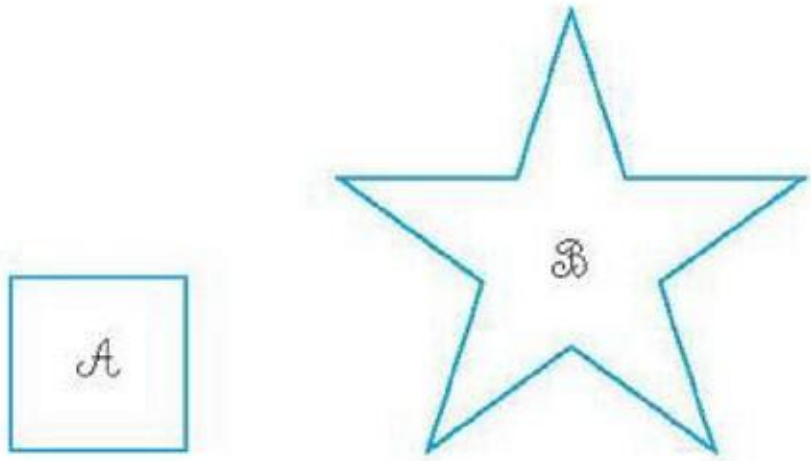
.....

.....

.....

.....

3 Từ một đoạn dây nhôm dài 52 cm, Việt gấp được một hình vuông (hình $\mathcal{A}$). Hỏi nếu Mai muốn gấp một hình ngôi sao (hình $\mathcal{B}$) thì phải dùng đoạn dây nhôm dài bao nhiêu xăng-ti-mét? Biết độ dài cạnh hình vuông bằng độ dài cạnh ngôi sao.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Đội áo đỏ có 100 người xếp đều vào các hàng thì được 20 hàng.

a) Nếu đội áo xanh có 85 người cũng xếp hàng như đội áo đỏ thì được bao nhiêu hàng?

b) Đội áo vàng có số người nhiều hơn đội áo xanh là 50 người. Hỏi nếu cũng xếp hàng như đội áo đỏ thì đội áo vàng có số hàng nhiều hơn đội áo xanh bao nhiêu hàng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 48 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

a) 52 613 × 10 = ...
8 482 × 100 = ...
9 358 × 1 000 = ...

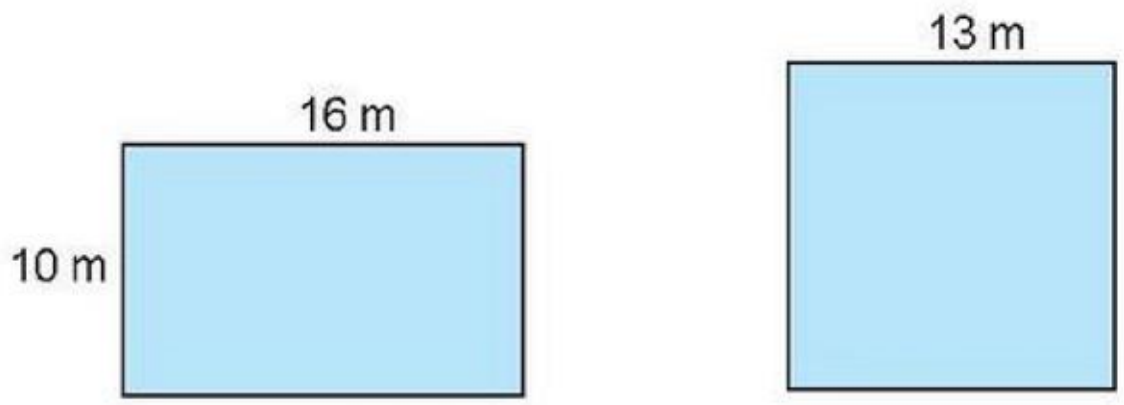
b) 235 400 : 100 = ...
943 700 : 10 = ...
740 000 : 1 000 = ...

2 Đặt tính rồi tính.

81 207 × 6	41 072 : 8	3 512 × 54	159 200 : 67
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

3 Đ, S ?

Trường Tiểu học Nguyễn Trãi có hai mảnh vườn trồng hoa. Mảnh vườn trồng hoa hồng dạng hình chữ nhật có chiều dài 16 m, chiều rộng 10 m. Mảnh vườn trồng hoa cúc dạng hình vuông có cạnh 13 m.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

a) Chu vi của hai mảnh vườn bằng nhau. ☐

b) Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng bằng diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc. ☐

c) Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng bé hơn diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc. ☐

4 Khối 4 của Trường Tiểu học Hoà Bình gồm 6 lớp, mỗi lớp có 35 học sinh và 3 lớp, mỗi lớp có 32 học sinh. Hỏi trung bình mỗi lớp khối 4 của trường đó có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính giá trị của biểu thức.

89 175 – 37 076 : 46 × 100 = ...

= .....

Tiết 2

1 Tính nhẩm (theo mẫu).

a) Mẫu:

20 × 30 = ?

Nhẩm: 2 × 3 = 6

20 × 30 = 600

30 × 30 = ...

60 × 50 = ...

700 × 20 = ?

Nhẩm: 7 × 2 = 14

700 × 20 = 14 000

300 × 20 = ...

800 × 60 = ...

b) Mẫu:

600 : 30 = ?	1 200 : 400 = ?
Nhẩm: 60**0** : 3**0** = 60 : 3 = 20	Nhẩm: 1 2**00** : **400** = 12 : 4 = 3
800 : 20 = ...	4 800 : 800 = ...
270 : 90 = ...	35 000 : 500 = ...

2 Một cửa hàng hoa quả nhập về 765 kg quả vú sữa được đóng đều vào 17 thùng. Cửa hàng đã bán hết 9 thùng. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam quả vú sữa?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

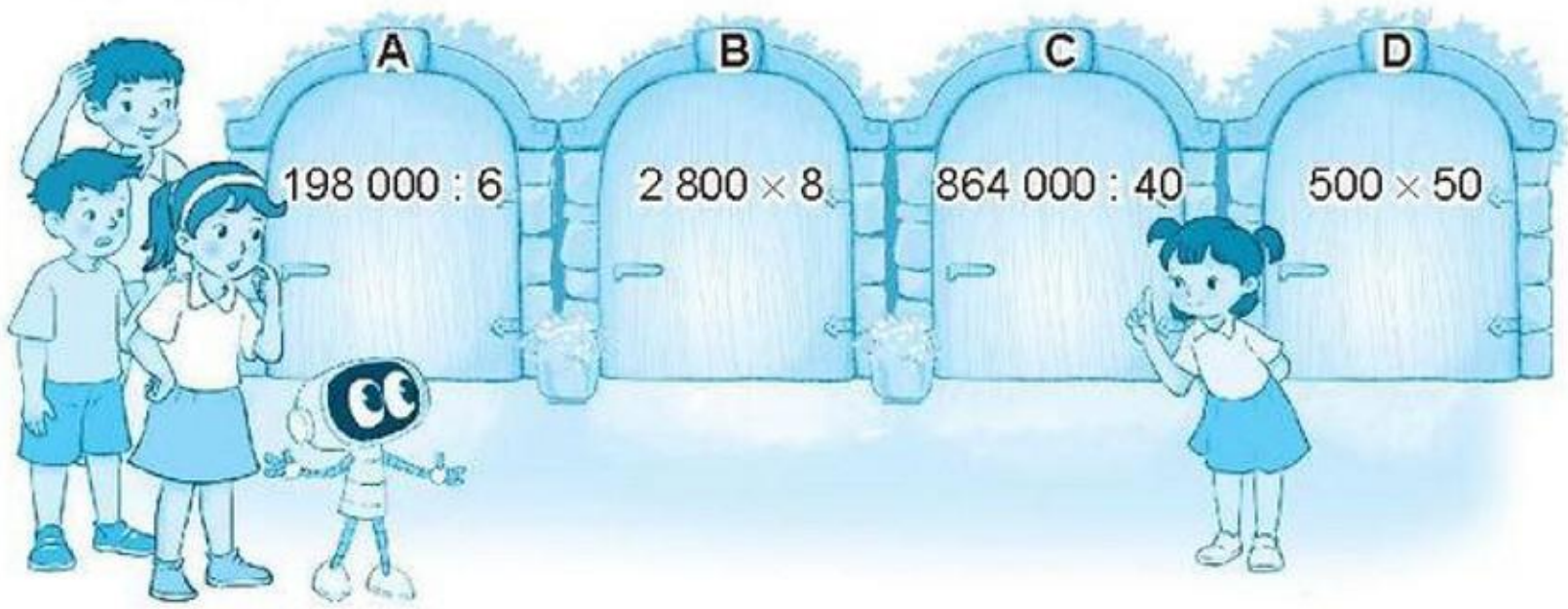
.....

.....

.....

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mi đã đặt một món quà sau ô cửa ghi phép tính có kết quả bé nhất. Mai, Việt, Nam và Rô-bốt theo thứ tự đi vào các ô cửa A, B, C, D. Hỏi bạn nào nhận được món quà của Mi?



Bạn ..... nhận được món quà của Mi.

4 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $416 \times 25 \times 4 =$ .....

b) $125 \times 53 \times 8 \times 30 =$ .....

Tiết 3

1 Đ, S ?

a)
$$\begin{array}{r} 121\,304 \\ \times \quad 7 \\ \hline 749\,128 \end{array}$$ ☐

b)
$$\begin{array}{r} 4\,703 \\ \times \quad 38 \\ \hline 37\,624 \\ 14\,109 \\ \hline 51\,733 \end{array}$$ ☐

c)
$$\begin{array}{r|l} 970\,410 & 46 \\ \hline 50 & 21\,095 \\ 4\,41 & \\ 270 & \\ 40 & \end{array}$$ ☐

2 Số ?

a) ☐ $\times 6 = 15\,078$ b) ☐ $: 35 = 918$

3 Có 56 cái áo xếp đều vào 7 hộp. Hỏi nếu 765 cái áo cùng loại đó thì xếp được bao nhiêu hộp như thế và còn thừa mấy cái áo?

Bài giải

.....

.....

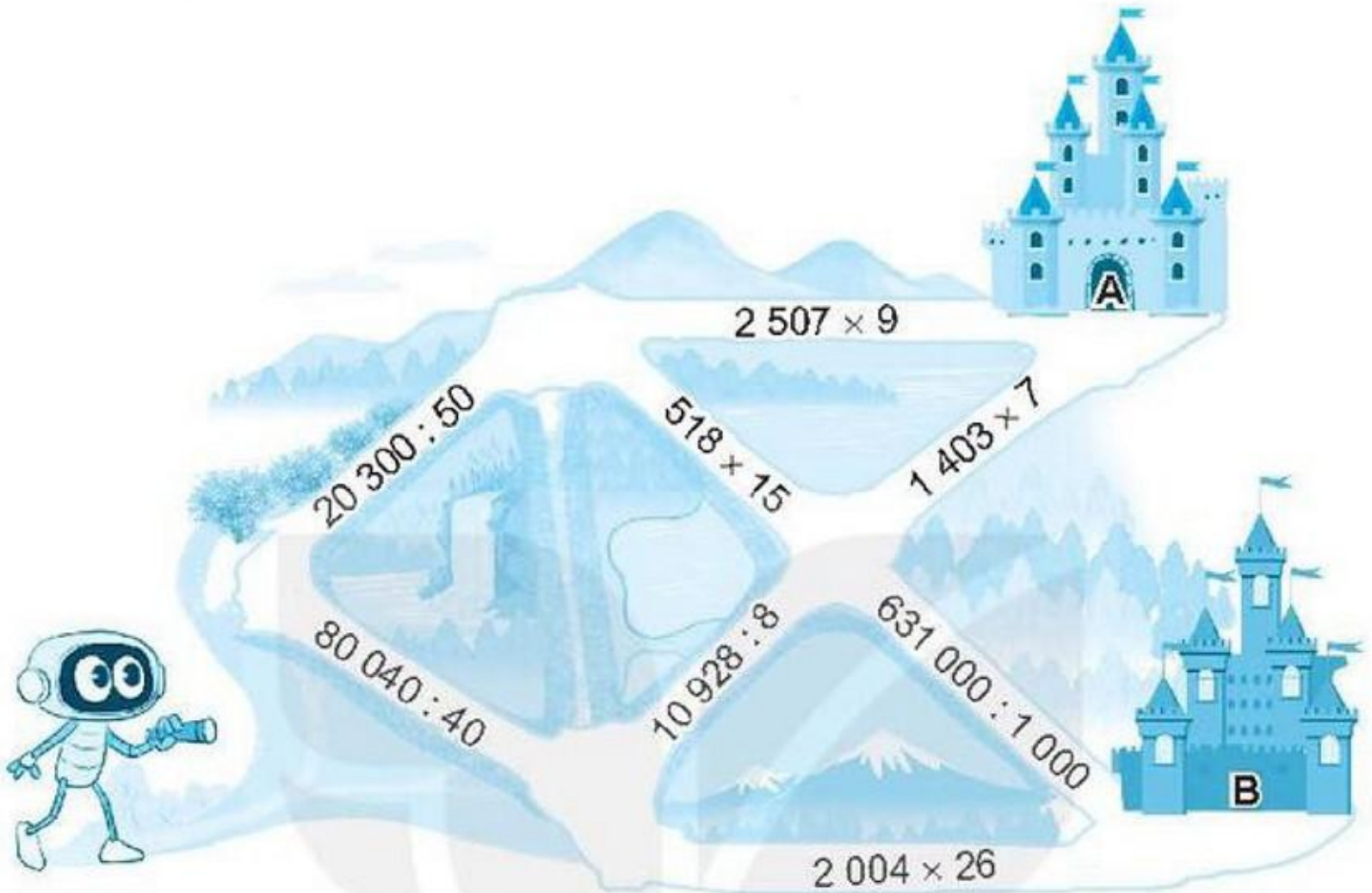
.....

.....

.....

.....

4 Rô-bốt đến toà nhà chứa kho báu theo các đoạn đường ghi phép tính có kết quả là số chẵn.



Tô màu đường đi đến toà nhà chứa kho báu và viết chữ thích hợp vào chỗ chấm.

Kho báu ở trong toà nhà .....

5 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $750 \times 46 + 46 \times 250$ = ...

= .....

= .....

b) $79 \times 65 - 79 \times 55 + 210$ = ...

= .....

= .....

= .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 49

DÃY SỐ LIỆU THỐNG KÊ

Tiết 1

1 Trong một trận đấu bóng rổ dành cho học sinh khối lớp 4, các bạn Hùng, Dũng, Huy và Hoàng lần lượt ghi được số điểm là: 13, 7, 8, 21. Đây cũng là những bạn ghi được nhiều điểm nhất trong trận đấu đó.

Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Số điểm lớn nhất đã ghi được trong trận đấu đó là ..... điểm.

b) Có ..... bạn ghi được nhiều hơn 10 điểm.

2 Hình dưới đây cho biết số câu đố mà mỗi bạn đã giải được trong chương trình "Giải đố giải ngố".



Viết dãy số liệu chỉ số câu đố mà mỗi bạn đã giải được theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn: .....

b) Từ lớn đến bé: .....

3 Rô-bốt ghi chép số con cá theo từng loài trong một bể cá thành một dãy số liệu như sau: 5, 2, 6, 4, 3, 7, 4, 4.

Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Dãy số liệu trên gồm bao nhiêu số?

.....

b) Loài có số lượng nhiều nhất có bao nhiêu con? Loài có số lượng ít nhất có bao nhiêu con?

.....

.....

c) Có loài cá nào chỉ có 1 con duy nhất hay không? Vì sao?

.....

.....

4 Đ, S ?

Cho dãy số liệu về tổng số bánh (đơn vị: cái) mà cửa hàng bán được trong 1 tuần (từ thứ Hai đến Chủ nhật) như sau: 90, 87, 85, 79, 75, 72, 70.

a) Dãy số liệu trên gồm 8 số. ☐

b) Cửa hàng bán được nhiều bánh nhất vào ngày đầu tiên trong tuần. ☐

c) Số bánh cửa hàng bán được trong mỗi ngày là tăng dần (tức là ngày hôm sau luôn bán được số bánh nhiều hơn ngày hôm trước). ☐

Tiết 2

1 Cho dãy số liệu về số ki-lô-gam giấy loại mà ban tổ chức kế hoạch nhỏ nhận được sau 5 ngày đầu phát động: 35 kg, 40 kg, 42 kg, 56 kg, 61 kg.

Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Số lượng giấy loại mà ban tổ chức nhận được ít nhất vào ngày nào?

.....

b) Số lượng giấy loại mà ban tổ chức nhận được trong mỗi ngày là tăng hay giảm sau mỗi ngày?

.....

.....

c) Sau 5 ngày phát động, ban tổ chức nhận được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam giấy loại?

.....

.....

.....

2 Các bạn trong tổ của Nam vừa thực hành làm diều để tặng các em lớp Một. Số con diều mà mỗi bạn trong tổ đã làm được ghi lại thành một dãy số liệu như sau: 8, 3, 2, 7, 5, 5, 5, 5, 6, 4.

Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Tổ của Nam có bao nhiêu bạn tham gia làm diều?

.....

b) Trung bình mỗi bạn làm được mấy con diều?

.....

3 a) Hãy thực hiện một cuộc khảo sát về số giờ tự học trong một ngày của các bạn trong nhóm em và ghi lại kết quả thành dãy số liệu.

.....

.....

b) Dựa vào dãy số liệu vừa thu thập được, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

– Có bao nhiêu bạn đã tham gia cuộc khảo sát?

.....

– Có bao nhiêu bạn dành nhiều hơn 1 giờ cho việc tự học mỗi ngày?

.....

4 Mai vừa tham gia trò chơi đuổi hình bắt chữ. Sau 4 lượt chơi đầu tiên, Mai nhận được các số điểm là: 14, 8, 19, 11.

Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Trung bình mỗi lượt chơi, Mai nhận được bao nhiêu điểm?

.....

b) Để nhận được số điểm trung bình sau 5 lượt chơi là 15 thì Mai cần ghi được bao nhiêu điểm trong lượt chơi thứ năm?

.....

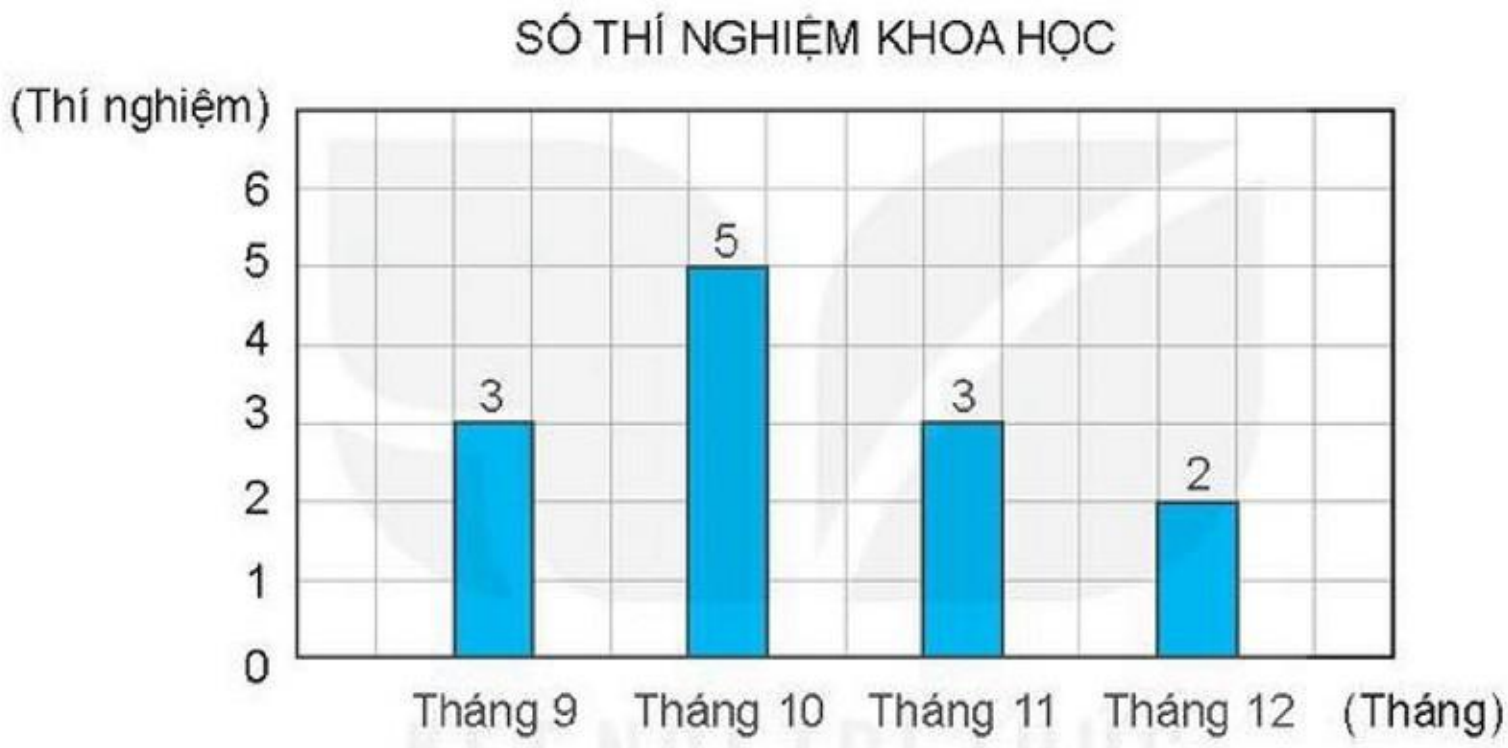
.....

.....

BÀI 50 BIỂU ĐỒ CỘT

Tiết 1

1 Biểu đồ dưới đây cho biết số thí nghiệm khoa học của các bạn học sinh khối lớp 4 đã thực hiện trong học kì I.



Quan sát biểu đồ trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Trong mỗi tháng, các học sinh khối lớp 4 đã thực hiện bao nhiêu thí nghiệm khoa học?

.....

.....

b) Trong tháng nào các học sinh khối lớp 4 thực hiện số thí nghiệm khoa học nhiều nhất?

.....

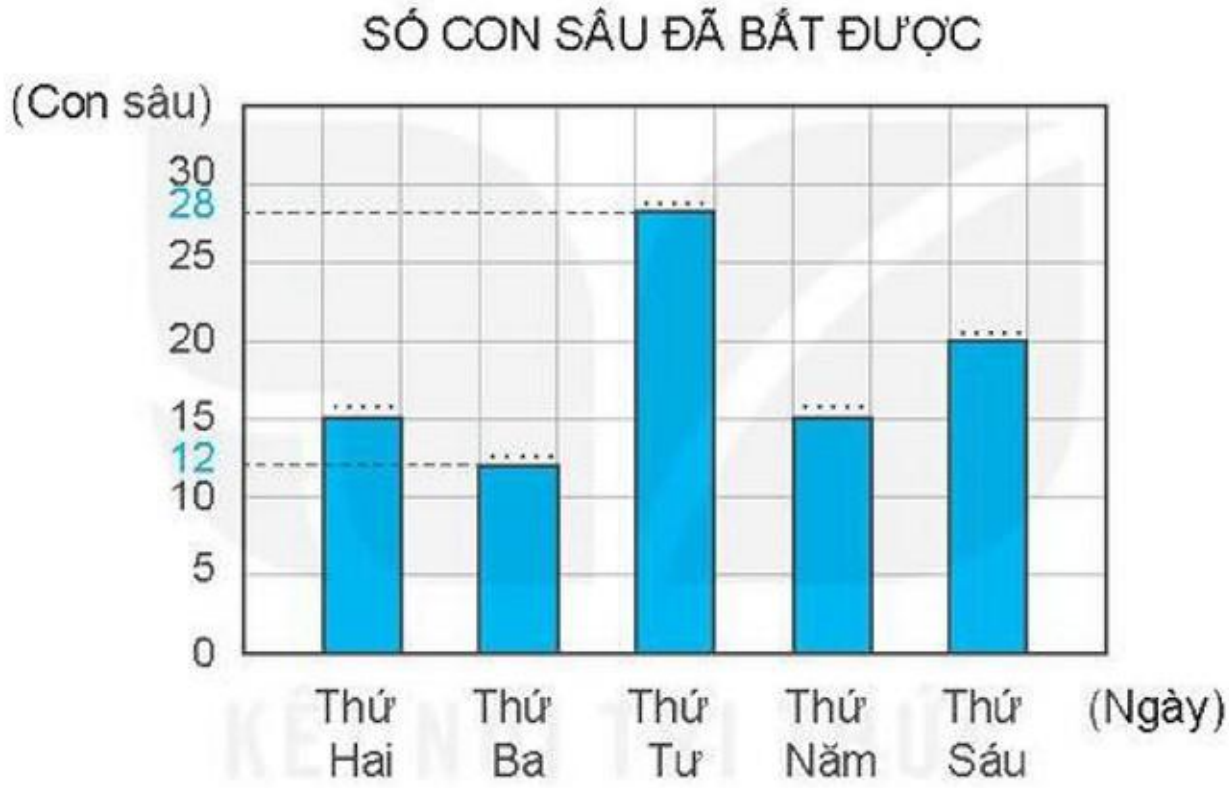
c) Trong tháng nào các học sinh khối lớp 4 thực hiện số thí nghiệm khoa học ít nhất?

.....

2 Cho bảng thống kê số lượng sâu mà nhóm bạn của Rô-bốt đã bắt được vào mỗi buổi sáng trong tuần vừa qua tại vườn rau của trường.

Ngày	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
Số con sâu	15	12	28	15	20

a) Hoàn thành biểu đồ dưới đây bằng cách viết số thích hợp vào chỗ chấm.



b) Dựa vào biểu đồ, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

– Những ngày nào nhóm bạn của Rô-bốt bắt được số sâu bằng nhau?

.....

.....

– Trung bình mỗi ngày, nhóm bạn của Rô-bốt bắt được bao nhiêu con sâu?

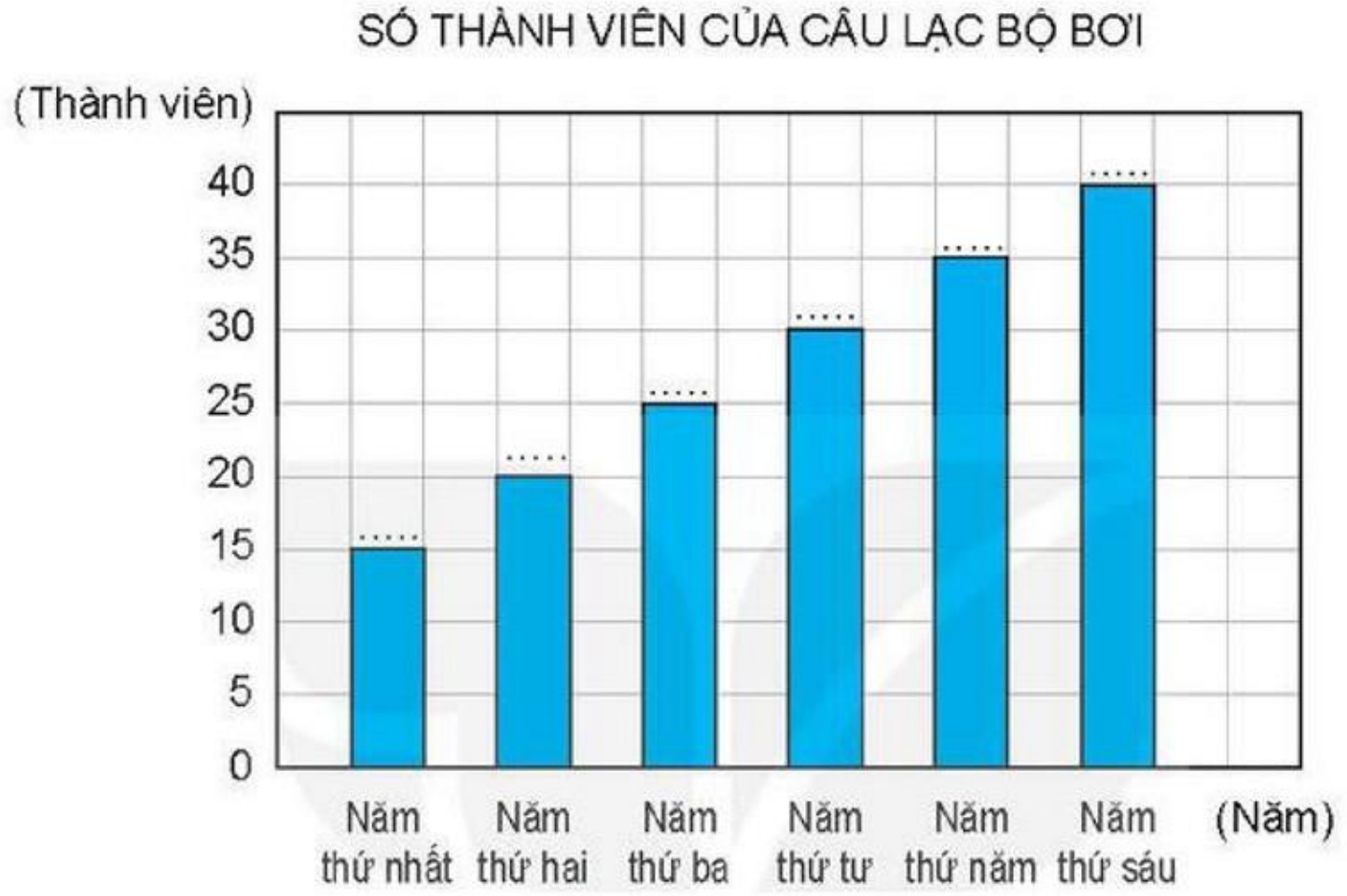
.....

.....

.....

3 Biểu đồ dưới đây cho biết số thành viên của câu lạc bộ bơi trong 6 năm đầu hoạt động.

a) Hoàn thành biểu đồ bằng cách viết số thích hợp vào chỗ chấm.



b) Dựa vào biểu đồ, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

– Trong năm đầu tiên, câu lạc bộ có bao nhiêu thành viên?

.....

.....

– Sau mỗi năm, số lượng thành viên của câu lạc bộ thay đổi như thế nào (tăng lên hay giảm đi)? Tăng lên hay giảm đi bao nhiêu thành viên?

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Biểu đồ bên cho biết số mét vải một cửa hàng đã bán được trong 4 quý của một năm.



Dựa vào biểu đồ, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Trong mỗi quý, cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?

.....

.....

.....

b) Trong quý 4, cửa hàng bán được nhiều hơn trong quý 3 bao nhiêu mét vải?

.....

.....

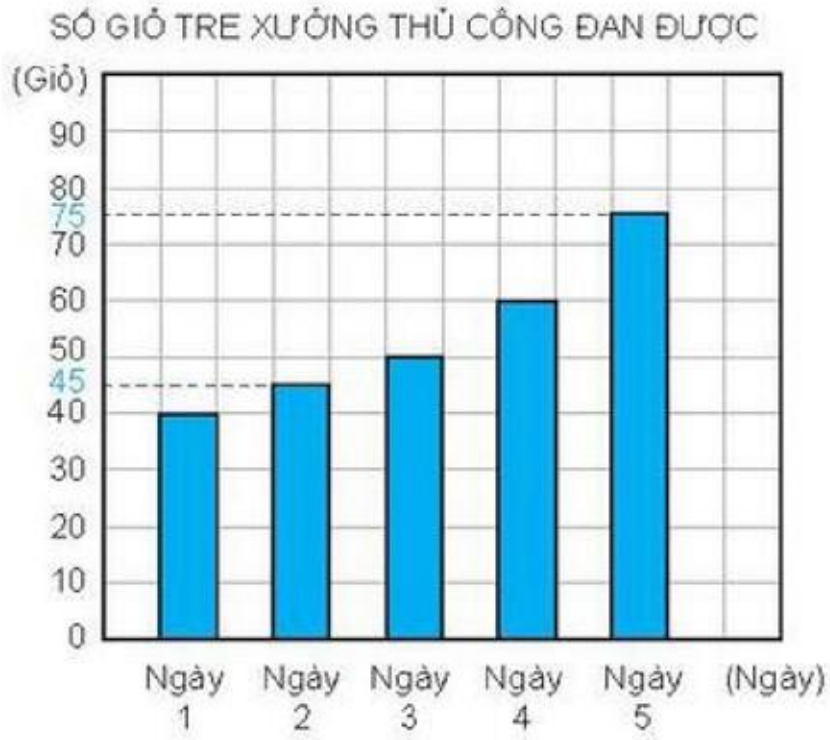
.....

c) Trung bình mỗi quý, cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?

.....

.....

2 Biểu đồ bên cho biết số giỏ tre một xưởng thủ công đan được trong 5 ngày.



Dựa vào biểu đồ, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Trong ngày thứ tư, xưởng thủ công đan được bao nhiêu chiếc giỏ?

.....

b) Trung bình trong 5 ngày, mỗi ngày xưởng thủ công đan được bao nhiêu chiếc giỏ?

.....

c) Số giỏ đan được trong mỗi ngày thay đổi như thế nào so với ngày trước đó?

.....

3 Cho dãy số liệu về số que kem cửa hàng đã bán được từ thứ Hai đến Chủ nhật tuần vừa qua: 460 que, 600 que, 380 que, 570 que, 600 que, 1 280 que, 1 500 que.

a) Hoàn thành biểu đồ dưới đây bằng cách viết số thích hợp vào chỗ chấm.



b) Hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

– Vào những ngày nào cửa hàng bán được nhiều hơn 1 000 que kem?

.....

– Theo em, tại sao vào những ngày đó, cửa hàng bán được nhiều kem như vậy?

.....

.....

BÀI 51

SỐ LẦN XUẤT HIỆN CỦA MỘT SỰ KIỆN

Tiết 1

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hộp có 4 chiếc bút mực xanh và 2 chiếc bút mực đen.

a) Việt lấy 1 chiếc bút ra khỏi hộp và quan sát màu mực của chiếc bút lấy được. Các sự kiện có thể xảy ra là: .....

.....

b) Mỗi lần, Việt lấy 1 chiếc bút ra khỏi hộp, quan sát màu mực và ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm rồi trả bút lại hộp.

Lấy được 1 chiếc bút mực xanh	
Lấy được 1 chiếc bút mực đen	

Dựa vào bảng kiểm đếm, ta thấy số lần Việt lấy được bút mực xanh là ..... lần và số lần Việt lấy được bút mực đen là ..... lần. Sự kiện xuất hiện nhiều lần hơn là .....

2 a) Gieo xúc xắc, quan sát số chấm ở mặt trên của xúc xắc và ghi lại kết quả kiểm đếm chẵn – lẻ của mặt xúc xắc nhận được vào bảng sau đây. Thực hiện 20 lần.

Chẵn	
Lẻ	

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dựa vào bảng kiểm đếm, số lần nhận được mặt chẵn là ..... lần và số lần nhận được mặt lẻ là ..... lần. Sự kiện xuất hiện nhiều lần hơn là .....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong túi có 2 viên bi màu vàng và 2 viên bi màu đỏ. Không nhìn vào trong túi, Mai lấy 2 viên bi bất kì ra khỏi túi, quan sát màu bi và ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm rồi trả lại bi vào túi.

Lấy được 2 viên bi màu vàng	Lấy được 2 viên bi màu đỏ	Lấy được 1 viên bi màu vàng và 1 viên bi màu đỏ
𝍸 I	𝍸 𝍸	□

a) Sự kiện nào xuất hiện nhiều lần nhất?

A. Lấy được 2 viên bi màu vàng.

B. Lấy được 2 viên bi màu đỏ.

C. Lấy được 1 viên bi màu vàng và 1 viên bi màu đỏ.

b) Nếu Mai chỉ lấy 2 viên bi ra khỏi túi trong một lần thì câu nào dưới đây là đúng?

A. Mai chắc chắn lấy được 2 viên bi khác màu.

B. Mai có thể lấy được 2 viên bi cùng màu.

C. Mai không thể lấy được 2 viên bi khác màu.

Tiết 2

1 a) Em hãy gieo một xúc xắc, quan sát số chấm ở mặt trên của xúc xắc, ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm. Thực hiện 20 lần.

b) Từ bảng kiểm đếm ở câu a, hãy cho biết sự kiện nào có số lần xuất hiện ít nhất.

.....

2 a) Em hãy vẽ hình trên giấy rồi cắt để được 2 con thỏ đen và 2 con thỏ trắng.

b) Không nhìn vào hộp, lấy 2 con thỏ ra khỏi hộp và quan sát màu của những con thỏ lấy được. Viết các sự kiện có thể xảy ra.

.....

.....

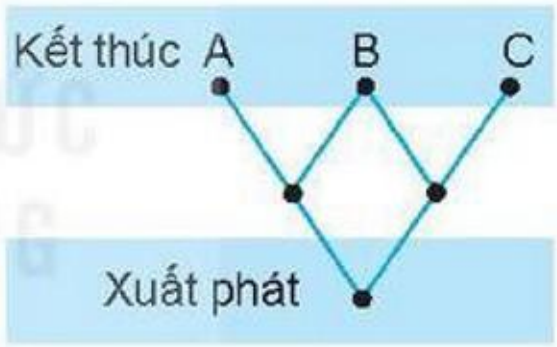
c) Thực hiện yêu cầu ở câu b, ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm rồi đặt lại thỏ vào trong hộp. Thực hiện 10 lần.

2 thỏ trắng	
2 thỏ đen	
1 thỏ trắng và 1 thỏ đen	

d) Từ bảng kiểm đếm, hãy so sánh số lần xuất hiện của sự kiện lấy được 2 con thỏ cùng màu và sự kiện lấy được 2 con thỏ khác màu.

.....

3 Cho mê cung ngẫu nhiên như hình vẽ.



Cách chơi: Bắt đầu ở điểm Xuất phát. Tại mỗi lượt chơi, người chơi lần lượt gieo xúc xắc hai lần và quan sát số chấm ở mặt trên của xúc xắc. Nếu nhận được mặt có số chấm lẻ thì đi theo hướng bên phải, nếu nhận được mặt có số chấm chẵn thì đi theo hướng bên trái đến điểm tiếp theo. Lượt chơi kết thúc khi người chơi đến được điểm A, B hoặc C.

Ví dụ: Người chơi bắt đầu ở điểm Xuất phát, gieo xúc xắc nhận được mặt có 3 chấm rồi sau đó là mặt có 2 chấm thì người chơi kết thúc ở điểm B.

Thực hiện 10 lần và ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm.

Kết thúc ở điểm A	Kết thúc ở điểm B	Kết thúc ở điểm C

BÀI 52 LUYỆN TẬP CHUNG

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

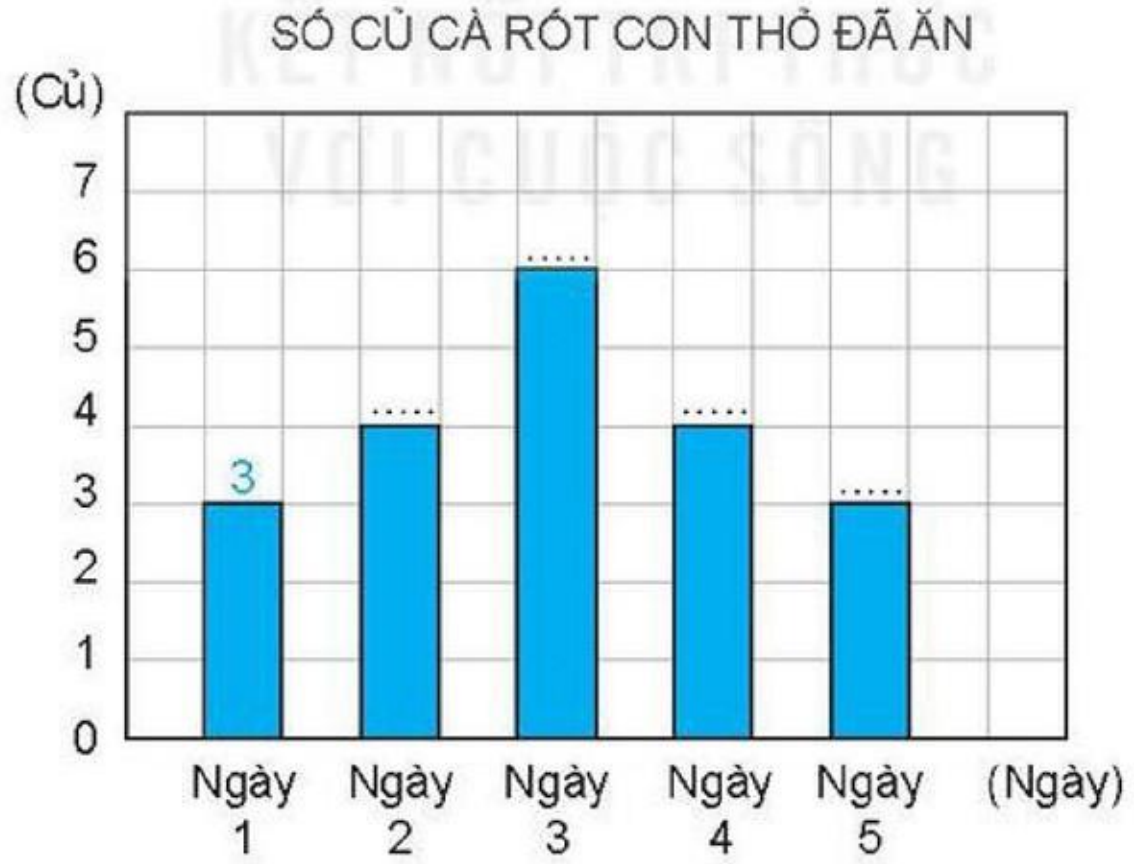
Rô-bốt cùng các bạn tham gia giải bóng đá cấp trường. Số điểm mà mỗi đội nhận được cho một trận thắng, hoà, thua lần lượt là 3 điểm, 1 điểm và 0 điểm.

Cho dãy số liệu về số điểm mà đội của Rô-bốt nhận được sau 6 trận đấu vòng bảng như sau: 3 điểm, 0 điểm, 1 điểm, 1 điểm, 3 điểm, 3 điểm.

Hỏi đội của Rô-bốt đã giành chiến thắng bao nhiêu trận?

A. 1 trận B. 2 trận C. 3 trận D. 4 trận

2 a) Rô-bốt đã ghi chép số củ cà rốt mà con thỏ của Rô-bốt đã ăn trong 5 ngày và vẽ lại thành biểu đồ cột. Em hãy hoàn thành biểu đồ cột đó bằng cách viết số thích hợp vào chỗ chấm.



b) Dựa vào biểu đồ, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

– Vào ngày nào con thỏ ăn nhiều cà rốt nhất? Hôm đó, con thỏ ăn bao nhiêu củ cà rốt?

.....

.....

.....

– Trung bình mỗi ngày thỏ ăn bao nhiêu củ cà rốt?

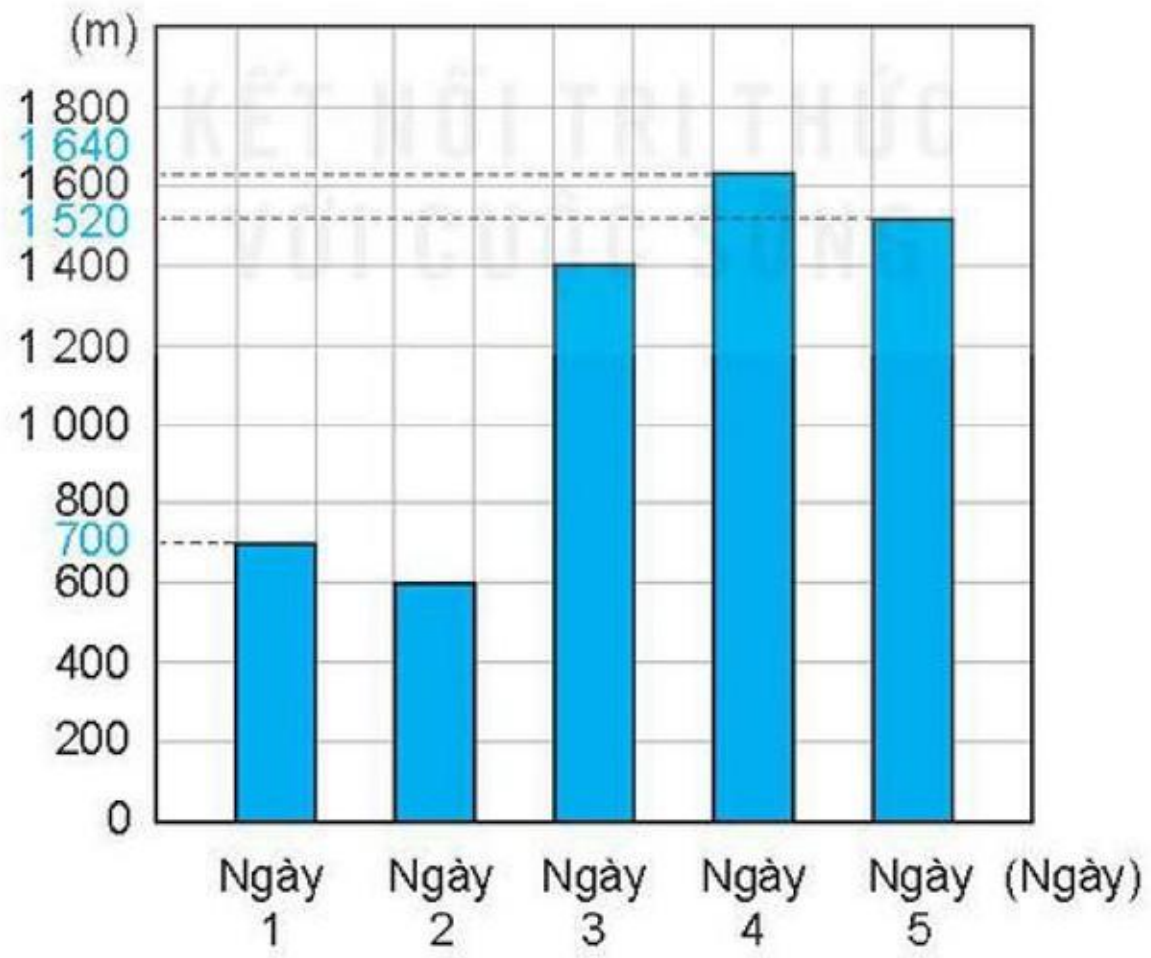
.....

.....

.....

3 Biểu đồ dưới đây cho biết độ dài quãng đường đi được của rùa con sau 5 ngày đầu tập luyện để chuẩn bị cho một cuộc chạy thi.

ĐỘ DÀI QUÃNG ĐƯỜNG ĐI ĐƯỢC CỦA RÙA CON



Dựa vào biểu đồ, hãy trả lời các câu hỏi sau.

a) Số ?

Mỗi ngày tập luyện, rùa con đi được bao nhiêu mét?

Ngày	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5
Độ dài quãng đường đi được (m)	700				

b) Quá trình tập luyện của rùa con có sự tiến bộ đáng kể vào ngày nào? (Độ chênh lệch về quãng đường đi được trong hai ngày liên tiếp là lớn nhất.)

.....

c) Trung bình mỗi ngày tập luyện, rùa con đi được bao nhiêu mét?

.....

4 Em hãy chuẩn bị 5 lá thăm, trên mỗi lá thăm ghi các số: 5, 5, 10, 10, 10.

a) Gập mỗi lá thăm hai lần, cho các lá thăm vào một chiếc hộp. Sau đó, lần lượt lấy 2 lá thăm bất kì, tính tổng các số ghi trên hai lá thăm đó và ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm dưới đây. Sau đó, cho lại lá thăm vào hộp. Thực hiện 20 lần như vậy.

Tổng nhận được là 10	
Tổng nhận được là 15	
Tổng nhận được là 20	

b) Dựa vào kết quả kiểm đếm, hãy cho biết sự kiện nào có số lần xuất hiện nhiều nhất.

.....

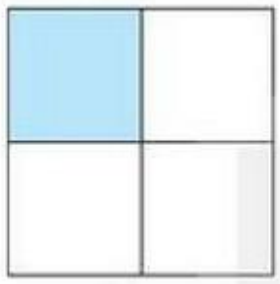
BÀI 53

KHÁI NIỆM PHÂN SỐ

Tiết 1

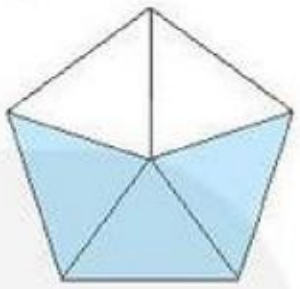
1 Viết phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình vào chỗ chấm (theo mẫu).

Mẫu:



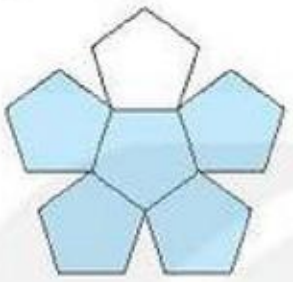
$\frac{1}{4}$

a)



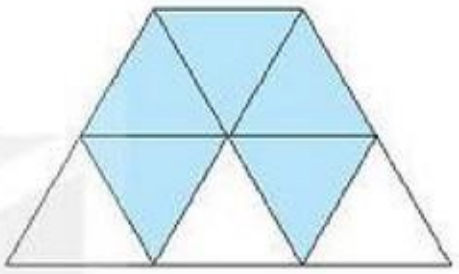
.....

b)



.....

c)



.....

2 Số ?

Phân số	Tử số	Mẫu số
$\frac{3}{7}$	3	7
$\frac{5}{11}$		

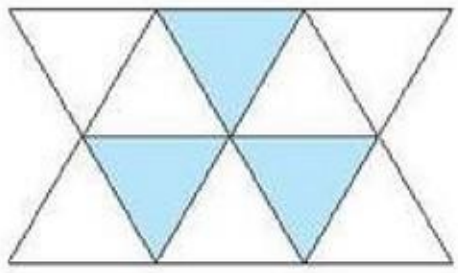
Phân số	Tử số	Mẫu số
$\frac{\square}{\square}$	5	9
$\frac{\square}{\square}$	7	21

3 Nối mỗi phân số với cách đọc của phân số đó.

Bảy phần mười một	$\frac{4}{7}$	Bốn phần bảy
	$\frac{5}{8}$	
	$\frac{7}{11}$	
Tám phần mười ba	$\frac{8}{13}$	Năm phần tám

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Phân số chỉ phần đã tô màu của hình bên là:



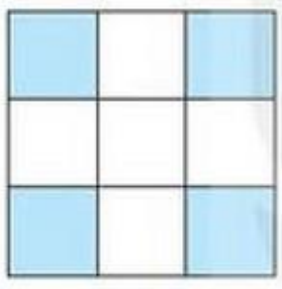
A. $\frac{7}{10}$ B. $\frac{7}{3}$

C. $\frac{3}{6}$ D. $\frac{3}{10}$

Tiết 2

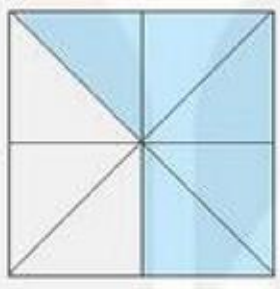
1 Viết phân số và cách đọc phân số đó vào chỗ chấm (theo mẫu).

Mẫu:



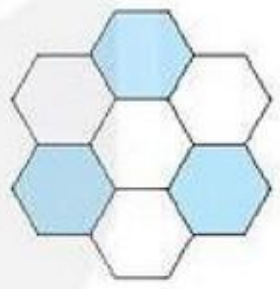
$\frac{4}{9}$: bốn phần chín

a)



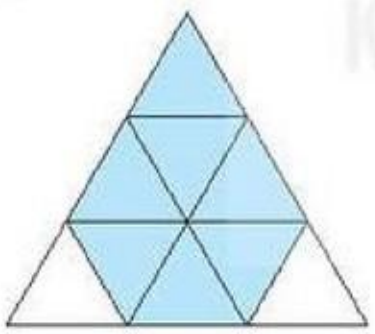
..... : .....

b)



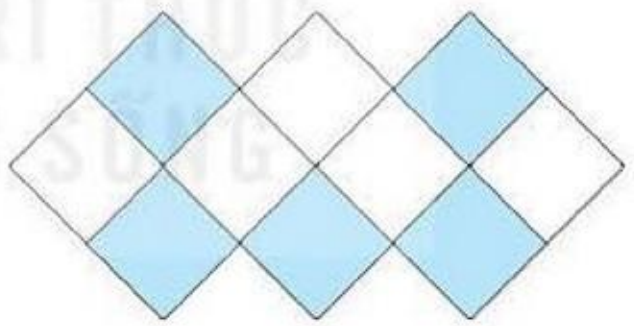
..... : .....

c)



..... : .....

d)



..... : .....

2 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Tám phần mười lăm viết là .....

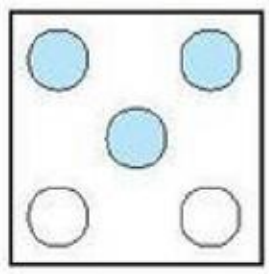
b) Bảy phần mười bảy viết là .....

c) Mười một phần hai mươi lăm viết là .....

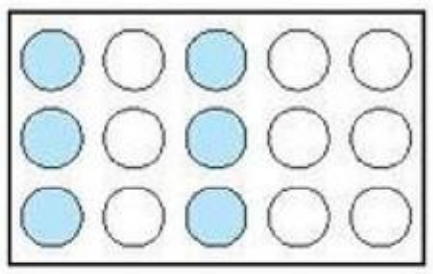
d) Hai mươi ba phần bốn mươi tám viết là .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

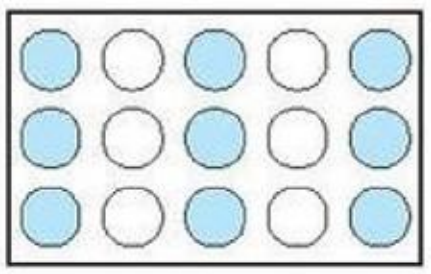
3 Viết dấu "x" vào ô trống dưới hình đã tô màu $\frac{3}{5}$ số hình tròn của hình đó.



☐



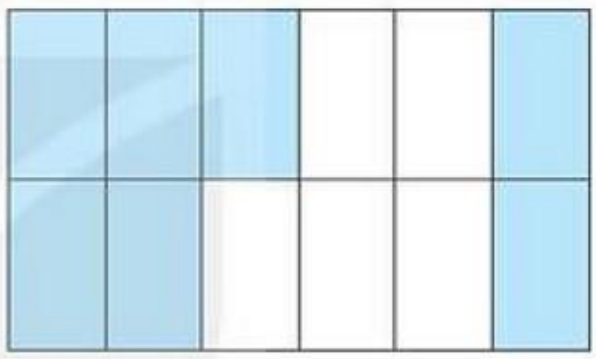
☐



☐

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phân số chỉ phần đã tô màu của hình bên là:

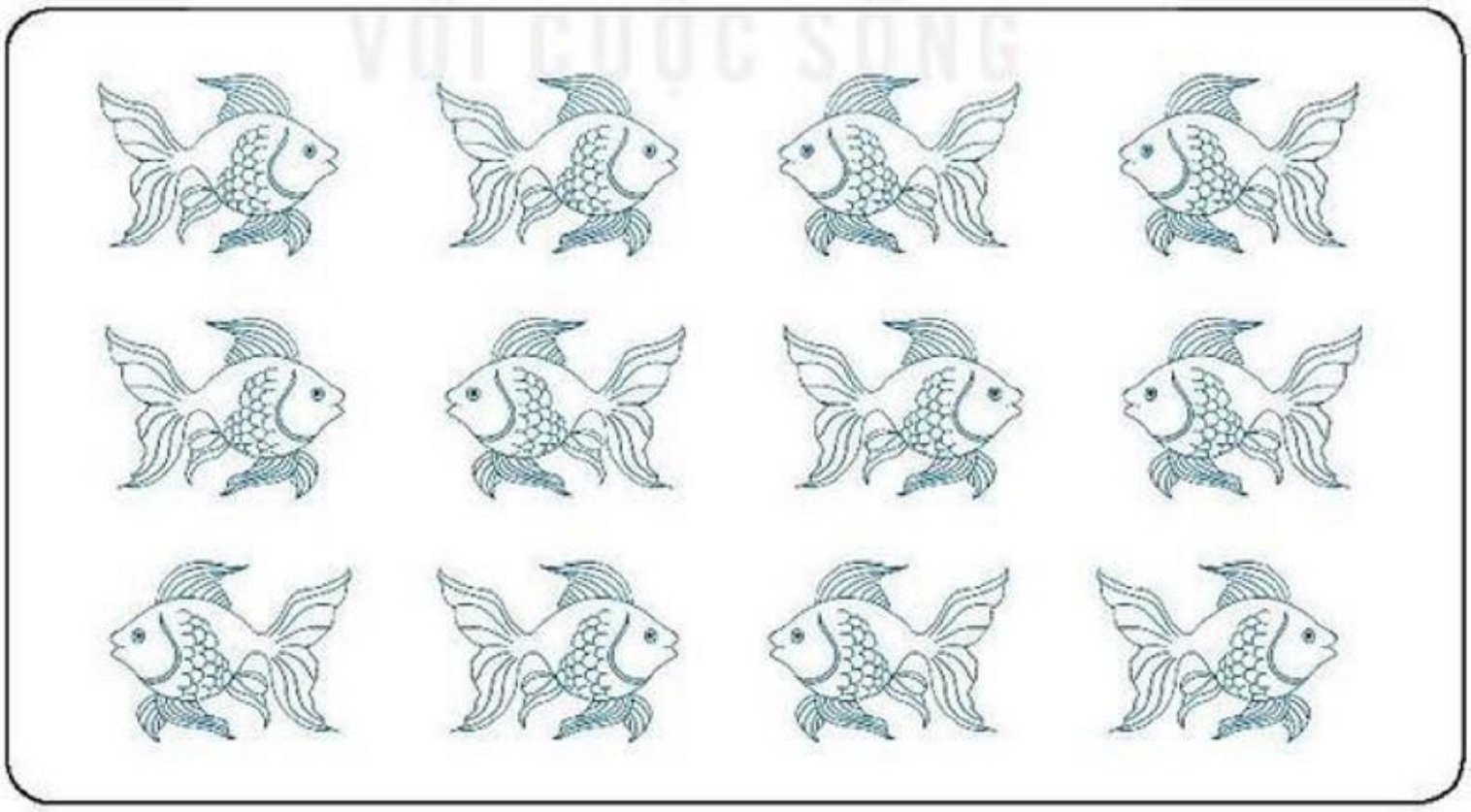


A. $\frac{7}{5}$ B. $\frac{5}{12}$ C. $\frac{7}{12}$ D. $\frac{5}{7}$

b) Phân số chỉ phần chưa tô màu của hình bên là:

A. $\frac{7}{12}$ B. $\frac{5}{12}$ C. $\frac{12}{7}$ D. $\frac{12}{5}$

5 Tô màu vào $\frac{3}{4}$ số con cá trong hình dưới đây.



BÀI 54 PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

1 a) Viết thương của mỗi phép chia dưới dạng phân số vào chỗ chấm.

15 : 68 = ... 30 : 17 = ... 120 : 233 = ... 27 : 89 = ...

b) Viết (theo mẫu).

Mẫu: $18 : 9 = \frac{18}{9} = 2$.

68 : 34 = ...

144 : 24 = ...

180 : 20 = ...

2 Số ?

Mẫu: $17 = \frac{17}{1}$.

$37 = \frac{\square}{1}$ $125 = \frac{\square}{1}$ $19 = \frac{\square}{1}$ $285 = \frac{\square}{1}$

3 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Có 4 quả cam như nhau.

a) Nếu chia đều cho 3 người thì mỗi người được ..... quả cam.

b) Nếu chia đều cho 5 người thì mỗi người được ..... quả cam.

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có 3 thùng như nhau đựng đầy nước. Người ta đã lấy hết lượng nước của 3 thùng đó chia đều vào 5 can. Hỏi lượng nước ở mỗi can bằng mấy phần lượng nước của một thùng?

A. $\frac{5}{8}$ thùng B. $\frac{5}{3}$ thùng C. $\frac{3}{5}$ thùng D. $\frac{8}{5}$ thùng

Tiết 2

1 Viết thương của mỗi phép chia dưới dạng phân số vào chỗ chấm.

a) 43 : 60 = ... 27 : 40 = ... 81 : 100 = ... 125 : 84 = ...

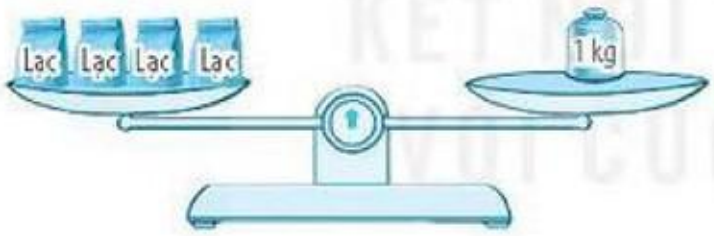
b) 17 : 6 = ... 121 : 13 = ... 87 : 29 = ... 1 000 : 251 = ...

2 Nối (theo mẫu).



3 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

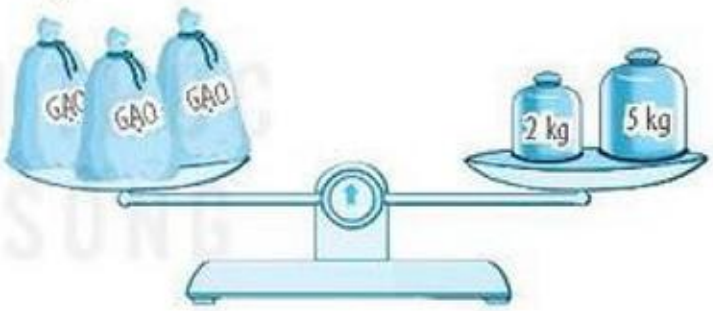
a)



Cân 4 gói lạc như nhau.

Một gói lạc cân nặng ..... kg.

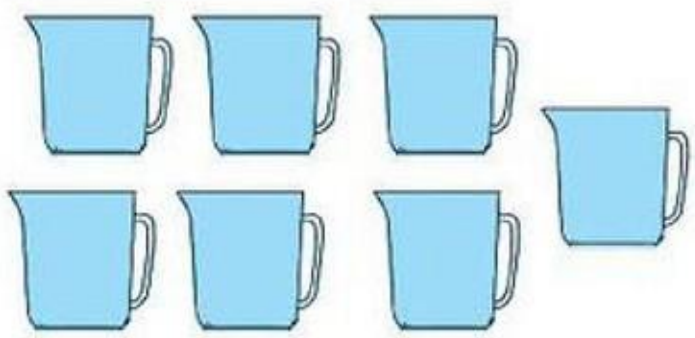
b)



Cân 3 túi gạo như nhau.

Một túi gạo cân nặng ..... kg.

c)



Rót hết 10 *l* nước được đầy 7 ca như nhau.

Mỗi ca có ..... *l* nước.

4 Nối số đo thích hợp với cách đọc số đo đó.

Năm phần sáu ki-lô-gam	Bốn phần năm mét vuông
$\frac{7}{10}\ l$	$\frac{9}{4}$ tấn
$\frac{4}{5}\ m^2$	$\frac{5}{6}$ kg
Bảy phần mười lít	Chín phần tư tấn

5 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).

a) Chia đoạn thẳng AB thành 5 đoạn bằng nhau (như hình vẽ).



Mẫu: AC = $\frac{1}{5}$ AB

CD = ... CB AE = ... AG DG = ... AB

b) Trong câu a, nếu AB = 1 m thì độ dài các đoạn thẳng AC, CD, CE, CG bằng mấy phần của 1 m?

Mẫu: AC = $\frac{1}{5}$ m

CD = ... m CE = ... m CG = ... m

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 55 TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Số ?

a) $\frac{3}{7} = \frac{3 \times 4}{7 \times 4} = \frac{\square}{\square}$ $\quad \frac{2}{9} = \frac{2 \times 3}{9 \times 3} = \frac{\square}{\square}$ $\quad \frac{15}{46} = \frac{15 \times 7}{46 \times 7} = \frac{\square}{\square}$

b) $\frac{28}{60} = \frac{28 : 4}{60 : 4} = \frac{\square}{\square}$ $\quad \frac{48}{56} = \frac{48 : 8}{56 : 8} = \frac{\square}{\square}$ $\quad \frac{125}{75} = \frac{125 : 25}{75 : 25} = \frac{\square}{\square}$

2 Số ?

a) $\frac{3}{7} = \frac{3 \times \square}{7 \times 5} = \frac{\square}{35}$ $\quad \frac{5}{9} = \frac{5 \times 7}{9 \times \square} = \frac{\square}{\square}$

b) $\frac{72}{80} = \frac{72 : 8}{80 : \square} = \frac{\square}{\square}$ $\quad \frac{26}{52} = \frac{26 : \square}{52 : 13} = \frac{\square}{\square}$

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cùng giảm 5 lần tử số và mẫu số của phân số trong tấm thẻ bên, ta được phân số nào bằng phân số trong tấm thẻ đó?

$\frac{60}{95}$

A. $\frac{12}{95}$ $\quad$ B. $\frac{60}{19}$ $\quad$ C. $\frac{12}{19}$ $\quad$ D. $\frac{19}{12}$

4 Khoanh vào các phân số bằng nhau trong các phân số sau.

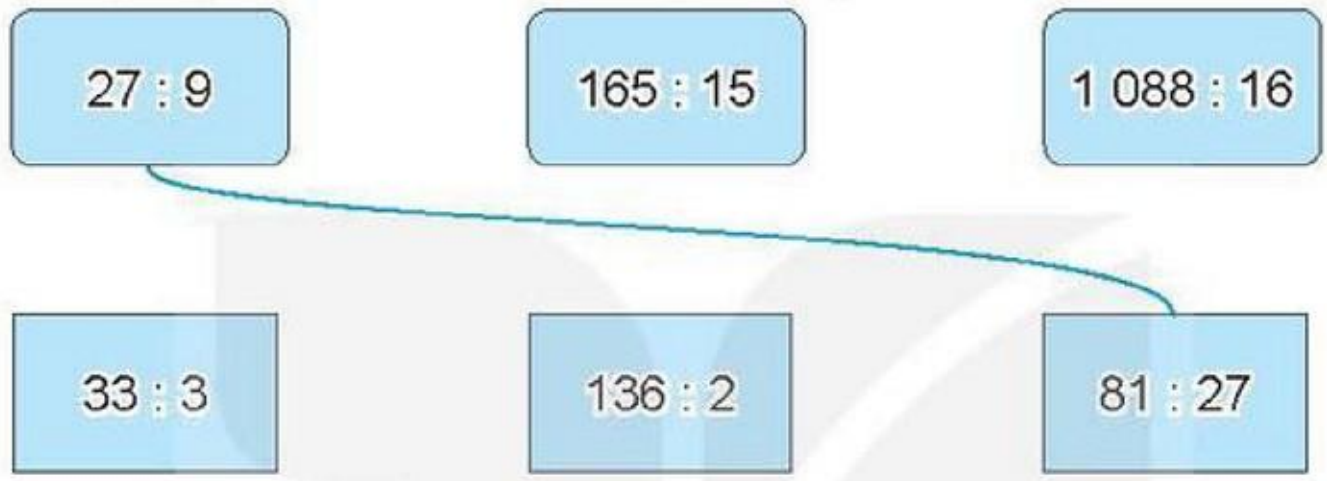
$\frac{4}{6}$ $\quad \frac{3}{2}$ $\quad \frac{8}{12}$ $\quad \frac{2}{3}$

Tiết 2

1 Số ?

a) $\frac{5}{8} = \frac{\square}{16}$ b) $\frac{24}{30} = \frac{\square}{5}$ c) $\frac{\square}{18} = \frac{5}{6}$ d) $\frac{7}{12} = \frac{\square}{48}$

2 Nối hai phép tính có thương bằng nhau (theo mẫu).



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Mỗi con bướm, con ong che mất một số trong các phân số như hình vẽ.

$\frac{18}{72} = \frac{\text{[bướm]}}{8} = \frac{6}{\text{[ong]}}$

Con bướm che mất số .....; con ong che mất số .....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Mỗi hình vuông, hình tam giác, hình tròn che lấp một số trong các phân số như hình vẽ.

$\frac{3}{5} = \frac{6}{\square} = \frac{\bigcirc}{20} = \frac{48}{\triangledown}$

Cộng các số bị che lấp bởi ba hình đó được kết quả là .....

BÀI 56 RÚT GỌN PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Cho các phân số: $\frac{2}{6}; \frac{19}{21}; \frac{25}{17}; \frac{13}{42}; \frac{20}{35}; \frac{27}{57}$.

a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

• Các phân số tối giản là: .....

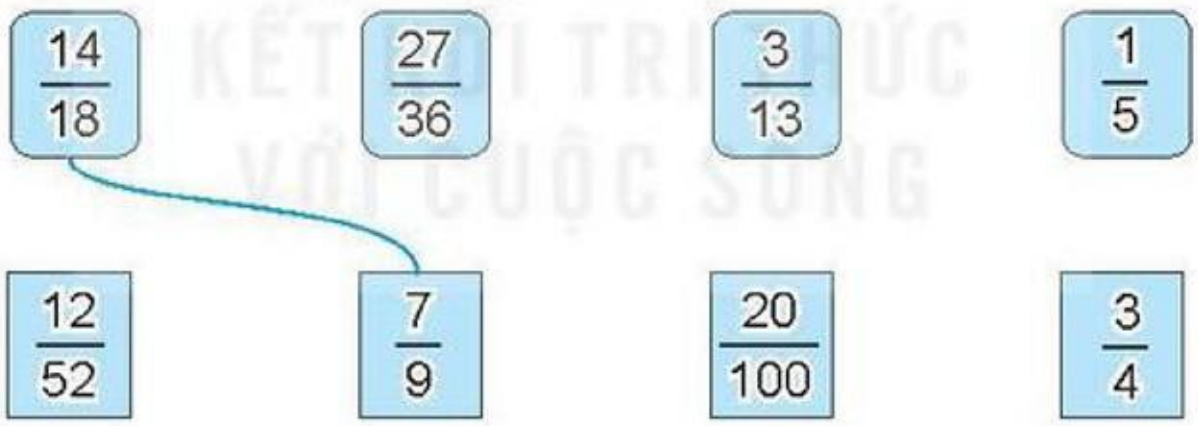
• Các phân số chưa tối giản là: .....

b) Rút gọn các phân số chưa tối giản ở câu a.

.....

.....

2 Nối hai phân số bằng nhau (theo mẫu).



3 Đ, S ?

a) Rút gọn phân số $\frac{42}{36}$ được: • $\frac{7}{6}$ ☐ • $\frac{6}{7}$ ☐

b) Rút gọn phân số $\frac{24}{48}$ được phân số tối giản là:

• $\frac{12}{24}$ ☐ • $\frac{6}{12}$ ☐ • $\frac{1}{2}$ ☐

Tiết 2

1 a) Số ?

$$\frac{60}{45} = \frac{12}{\square} = \frac{4}{\square}$$

b) Rút gọn các phân số.

$\frac{16}{40}$ = ... $\frac{100}{125}$ = ... $\frac{34}{64}$ = ...

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rút gọn phân số $\frac{60}{75}$ được phân số tối giản là:

A. $\frac{20}{25}$ B. $\frac{12}{15}$ C. $\frac{4}{5}$ D. $\frac{5}{4}$

3 Tính.

a) $\frac{15 \times 16 \times 17}{17 \times 18 \times 15}$ = ...

b) $\frac{51 \times 53 \times 55 \times 44}{44 \times 53 \times 55 \times 24}$ = ...

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cô giáo đưa cho bốn bạn bốn băng giấy như nhau, mỗi bạn một băng giấy. Biết rằng, Việt tô màu $\frac{6}{12}$ băng giấy, Nam tô màu $\frac{3}{4}$ băng giấy, Mai tô màu $\frac{3}{6}$ băng giấy, Rô-bốt tô màu $\frac{1}{2}$ băng giấy. Hỏi ba bạn nào tô màu số phần băng giấy bằng nhau?

A. Việt, Nam, Mai B. Việt, Nam, Rô-bốt C. Mai, Việt, Rô-bốt

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 57 QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{15}{19}$ và $\frac{17}{38}$ b) $\frac{23}{60}$ và $\frac{11}{15}$ c) $\frac{12}{13}$ và $\frac{16}{39}$

....

2 Số ?

a) $\frac{4}{5} = \frac{4 \times \square}{5 \times \square} = \frac{\square}{15}$ b) $\frac{2}{3} = \frac{2 \times \square}{3 \times \square} = \frac{\square}{15}$

c) $\frac{2}{7} = \frac{2 \times \square}{7 \times \square} = \frac{\square}{28}$ d) $\frac{3}{4} = \frac{3 \times \square}{4 \times \square} = \frac{\square}{28}$

3 Tìm hai phân số lần lượt bằng $\frac{1}{3}$; $\frac{4}{5}$ và có mẫu số chung là 15.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{7}{8}$ và $\frac{13}{32}$ b) $\frac{17}{35}$ và $\frac{19}{70}$ c) $\frac{23}{33}$ và $\frac{67}{330}$

....

2 Rút gọn rồi quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{20}{72}$ và $\frac{12}{36}$ b) $\frac{35}{75}$ và $\frac{22}{60}$

....

....

3 Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{4}{9}$; $\frac{5}{4}$ và $\frac{7}{36}$ b) $\frac{6}{19}$; $\frac{25}{76}$ và $\frac{11}{38}$

....

....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Phân số nào dưới đây có mẫu số là 75 và bằng phân số $\frac{4}{15}$?

A. $\frac{12}{75}$ B. $\frac{8}{30}$ C. $\frac{20}{75}$ D. $\frac{16}{75}$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

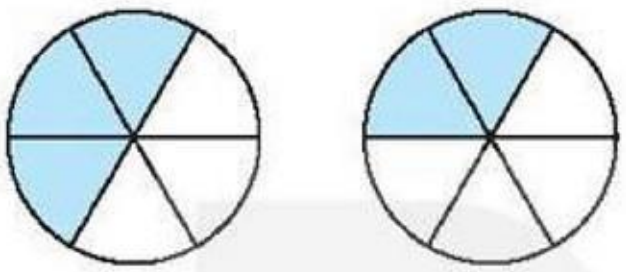
BÀI 58

SO SÁNH PHÂN SỐ

Tiết 1

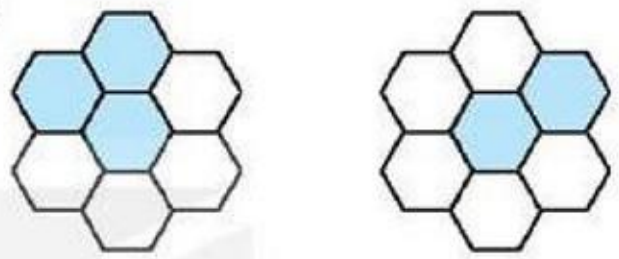
1 So sánh hai phân số chỉ số phần đã tô màu của mỗi hình.

a)



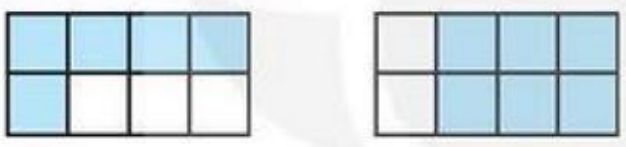
.....

b)



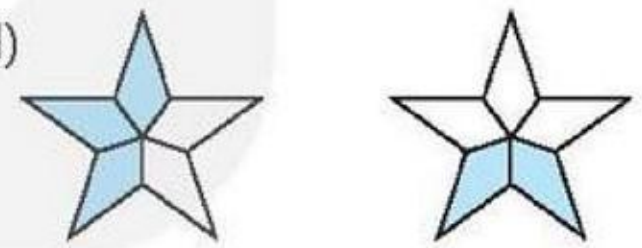
.....

c)



.....

d)



.....

2 >; <; = ?

a) $\frac{12}{15}$ ☐ 1 b) $\frac{27}{19}$ ☐ 1 c) $\frac{13}{13}$ ☐ 1 d) $\frac{999}{1\,000}$ ☐ 1

3 Sắp xếp các phân số $\frac{19}{23}$; $\frac{13}{23}$; $\frac{39}{23}$; $\frac{7}{23}$:

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các phân số $\frac{15}{16}$; $\frac{31}{30}$; $\frac{99}{100}$; $\frac{47}{48}$, phân số lớn nhất là:

A. $\frac{15}{16}$ B. $\frac{31}{30}$ C. $\frac{99}{100}$ D. $\frac{47}{48}$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1 So sánh hai phân số.

a) $\frac{14}{15}$ và $\frac{17}{45}$

.....

.....

.....

b) $\frac{21}{48}$ và $\frac{7}{12}$

.....

.....

.....

c) $\frac{14}{27}$ và $\frac{19}{54}$

.....

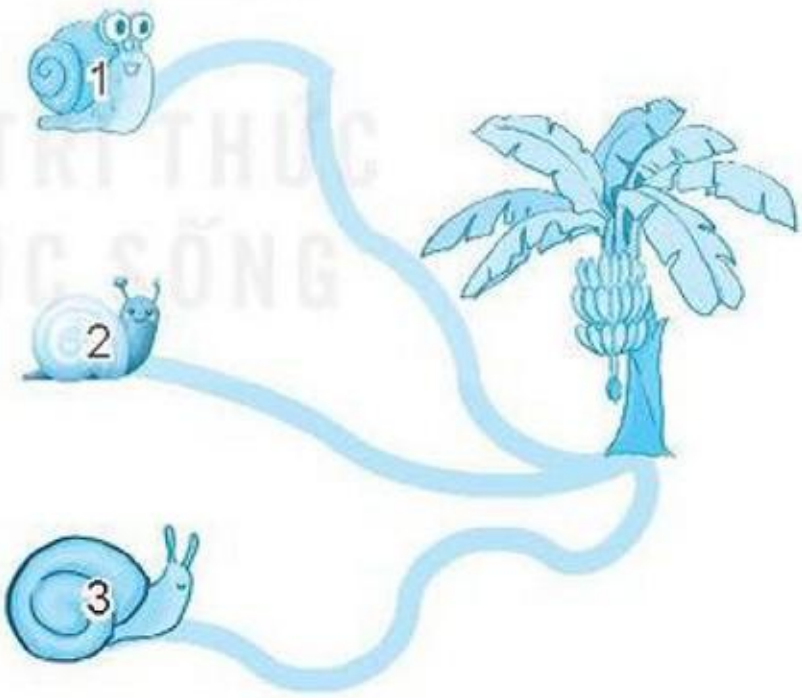
.....

.....

2 Sắp xếp các phân số $\frac{7}{5}$; $\frac{13}{15}$; $\frac{47}{60}$; $\frac{23}{30}$ theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....

3 Số ?



Đoạn đường từ ốc sên số 1 đến cây chuối dài $\frac{14}{25}$ m, đoạn đường từ ốc sên số 2 đến cây chuối dài $\frac{51}{100}$ m, đoạn đường từ ốc sên số 3 đến cây chuối dài $\frac{3}{5}$ m.

a) Đoạn đường dài nhất là đoạn đường từ ốc sên số ☐ đến cây chuối.

b) Đoạn đường ngắn nhất là đoạn đường từ ốc sên số ☐ đến cây chuối.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 3

1 **>; <; =** ?

a) $\frac{24}{173} \square \frac{26}{173}$ $\quad \frac{45}{100} \square \frac{9}{20}$ $\quad \frac{43}{63} \square \frac{16}{21}$

b) $\frac{18}{19} \square \frac{37}{38}$ $\quad \frac{32}{48} \square \frac{2}{3}$ $\quad \frac{126}{125} \square \frac{4}{5}$

c) $\frac{35}{39} \square 1$ $\quad \frac{19}{19} \square \frac{35}{36}$ $\quad \frac{27}{29} \square \frac{29}{27}$

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có ba tờ giấy như nhau, mỗi bạn lấy một tờ giấy để tô màu. Việt tô màu $\frac{75}{100}$ tờ giấy, Mai tô màu $\frac{3}{4}$ tờ giấy, Nam tô màu $\frac{7}{10}$ tờ giấy. Hỏi phần tô màu của bạn nào bé nhất?

A. Việt $\quad$ B. Mai $\quad$ C. Nam

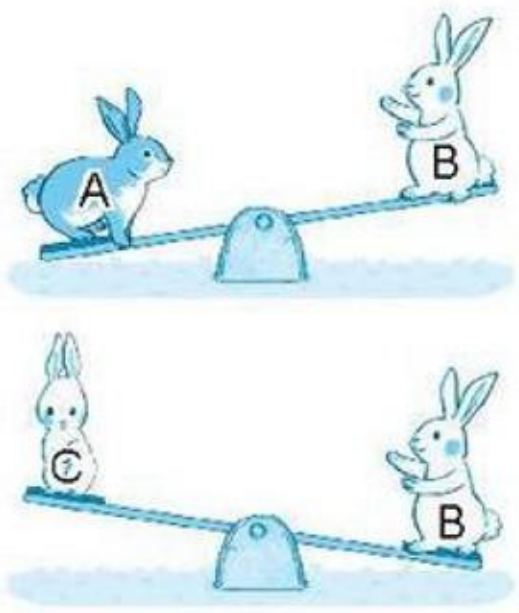
3 Bốn bình nước A, B, C, D lần lượt đựng lượng nước như sau:

$$\frac{7}{10}\,l;\ \frac{4}{5}\,l;\ \frac{7}{6}\,l;\ \frac{51}{60}\,l.$$

Viết tên các bình nước theo thứ tự đựng lượng nước từ ít nhất đến nhiều nhất: .....

4 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Mỗi bạn thỏ A, B, C có cân nặng là một trong ba số đo $\frac{25}{4}$ kg; $\frac{13}{2}$ kg; $\frac{49}{8}$ kg. Biết các bạn thỏ ngồi lên cầu thăng bằng như hình vẽ.



- Thỏ A cân nặng ..... kg.
- Thỏ B cân nặng ..... kg.
- Thỏ C cân nặng ..... kg.

BÀI 59 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Số ?

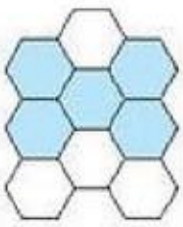
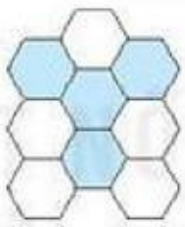
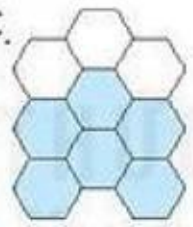
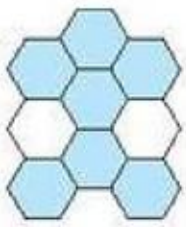
a) $\frac{60}{48} = \frac{\square}{24} = \frac{5}{\square}$ $\qquad$ $\frac{15}{25} = \frac{3}{\square} = \frac{\square}{15} = \frac{27}{\square}$

b) Rút gọn các phân số.

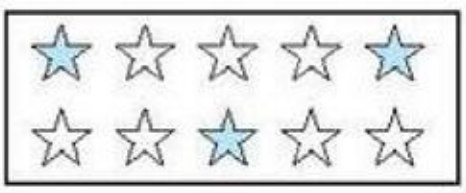
$\frac{84}{32} =$ ..... $\qquad$ $\frac{15}{27} =$ ..... $\qquad$ $\frac{96}{120} =$ .....

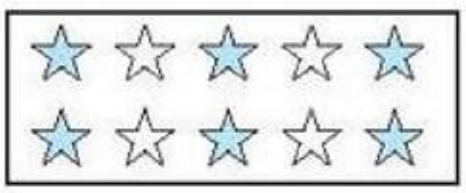
2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

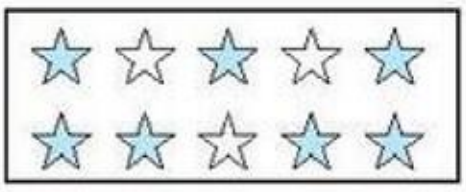
a) Đã tô màu $\frac{4}{9}$ hình nào dưới đây?

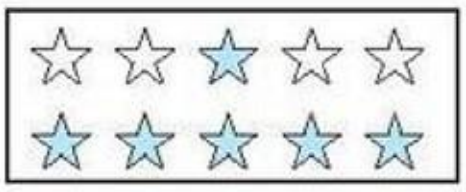
A.  B.  C.  D. 

b) Đã tô màu $\frac{3}{10}$ số ngôi sao của hình nào dưới đây?

A. 

B. 

C. 

D. 

c) Phân số $\frac{4}{7}$ bằng phân số nào dưới đây?

A. $\frac{6}{14}$ $\qquad$ B. $\frac{12}{27}$ $\qquad$ C. $\frac{16}{28}$ $\qquad$ D. $\frac{45}{72}$

3 Tính.

a) $\frac{4 \times 8 \times 13}{13 \times 7 \times 8} =$ ..... b) $\frac{6 \times 17 \times 11}{17 \times 11 \times 9} =$ .....

4 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Từ hai số 13 và 9 lập được:

a) Phân số bé hơn 1 là ..... b) Phân số lớn hơn 1 là .....

c) Các phân số bằng 1 là .....

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Phân số $\frac{64}{96}$ **không** bằng phân số nào dưới đây?

A. $\frac{16}{24}$ B. $\frac{32}{48}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{8}{12}$

Tiết 2

1 a) Quy đồng mẫu số các phân số.

$\frac{1}{7}$ và $\frac{5}{21}$ $\frac{5}{6}$ và $\frac{7}{72}$ $\frac{13}{20}$ và $\frac{43}{100}$

....

b) Rút gọn rồi quy đồng mẫu số các phân số.

$\frac{9}{12}$ và $\frac{11}{20}$ $\frac{8}{24}$ và $\frac{8}{27}$

....

....

2 Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{1}{6}$; $\frac{17}{18}$ và $\frac{11}{54}$ .....

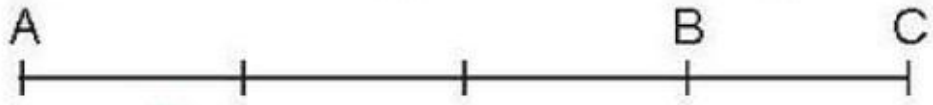
.....

b) $\frac{3}{4}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{7}{9}$ và $\frac{17}{36}$ .....

.....

3 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).

a)



$AB = \frac{3}{4} AC$; BC = ... AC

b)



MN = ... MP; NP = ... MP

4 Viết 3; $\frac{7}{8}$; $\frac{5}{6}$ thành ba phân số đều có mẫu số là 24.

.....

5 Đố em!

Làm thế nào lấy được đoạn dây dài $\frac{1}{6}$ m từ đoạn dây dài $\frac{2}{3}$ m?

Cách làm

.....

.....

.....

Tiết 3

1 **>; <; =** ?

a) $\frac{32}{37} \square \frac{31}{37}$ $\frac{5}{6} \square \frac{17}{24}$ $\frac{35}{56} \square \frac{5}{8}$

b) $\frac{13}{17} \square \frac{13}{18}$ $\frac{45}{15} \square 3$ $2 \square \frac{15}{7}$

c) $\frac{12}{13} \square 1$ $1 \square \frac{43}{39}$ $\frac{12}{13} \square \frac{43}{39}$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Đ, S ?

Mai có một số viên bi. Mai cho Nam $\frac{1}{2}$ số viên bi và cho Việt $\frac{3}{8}$ số viên bi đó. Như vậy:

a) Việt được Mai cho nhiều bi hơn Nam. ☐

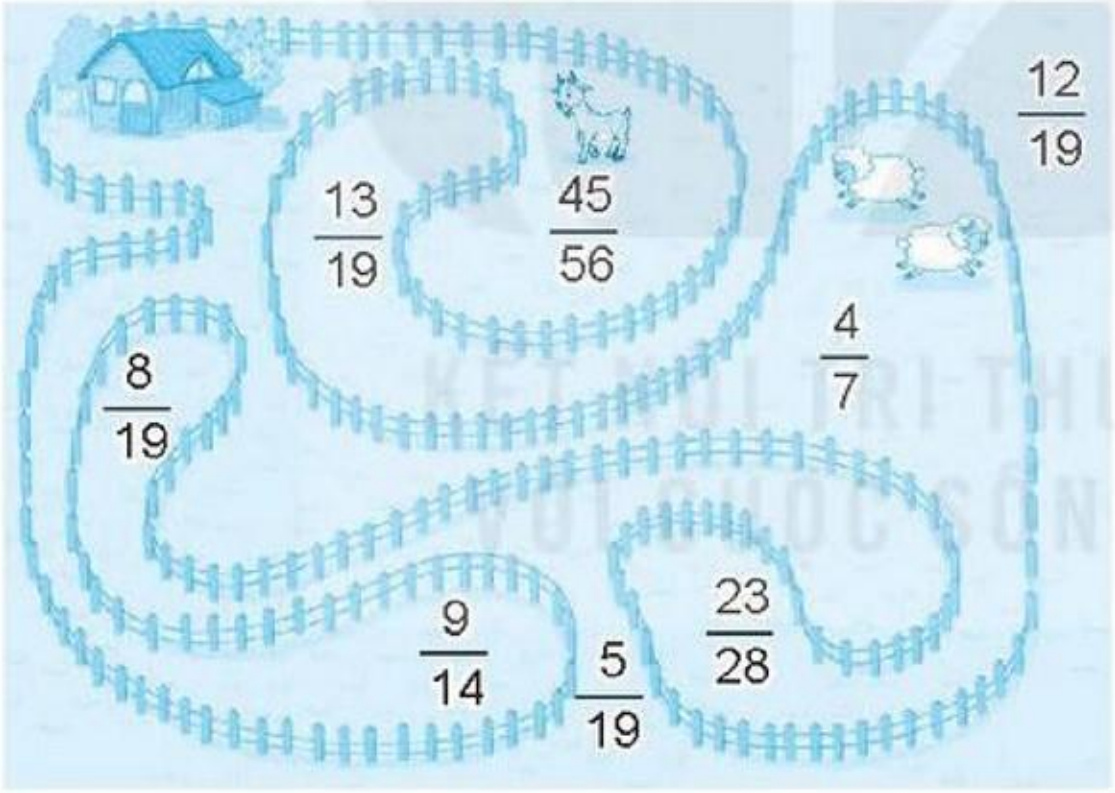
b) Nam được Mai cho nhiều bi hơn Việt. ☐

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Có một cái bánh pi-da, Nam ăn $\frac{1}{2}$ cái bánh, Mai ăn $\frac{1}{5}$ cái bánh, Việt ăn $\frac{3}{10}$ cái bánh. Bạn ăn nhiều bánh nhất là:

A. Nam B. Mai C. Việt

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



a) Các phân số ở ngoài hàng rào viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

.....

b) Các phân số ở trong hàng rào viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

.....

.....

5 Đố em!

Quả thanh long cân nặng $\frac{9}{11}$ kg, quả bưởi cân nặng $\frac{7}{6}$ kg. Hỏi quả nào nặng hơn?

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Quả ..... nặng hơn.

BÀI 60 PHÉP CỘNG PHÂN SỐ

Tiết 1

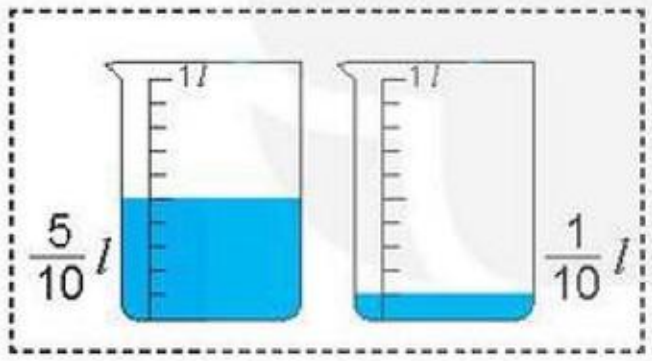
1 Tính.

a) $\frac{5}{11} + \frac{3}{11} =$ ..... b) $\frac{8}{13} + \frac{7}{13} =$ .....

c) $\frac{13}{27} + \frac{76}{27} =$ ..... d) $\frac{14}{131} + \frac{17}{131} =$ .....

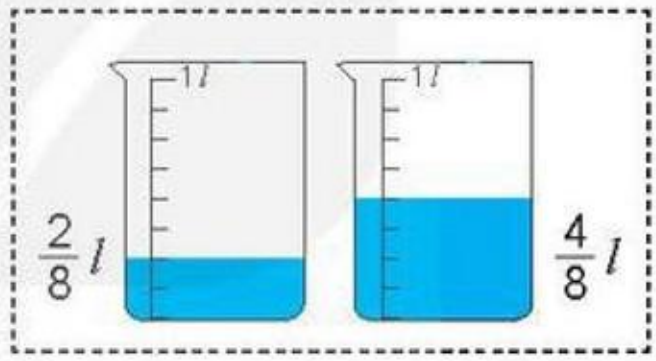
2 Viết phép tính thích hợp để tính tổng số lít nước ở hai bình.

a)



.....

b)



.....

3 Số ?

a) $\frac{5}{17} + \frac{\square}{17} = \frac{11}{17}$ b) $\frac{75}{50} + \frac{18}{\square} = \frac{93}{50}$

c) $\frac{\square}{31} + \frac{101}{31} = \frac{130}{31}$ d) $\frac{18}{125} + \frac{12}{125} = \frac{30}{\square}$

4 Một hôm, chú Đạt đi cày thửa ruộng của mình. Buổi sáng, chú cày được $\frac{3}{11}$ thửa ruộng. Buổi chiều, chú cày thêm được $\frac{4}{11}$ thửa ruộng. Hỏi trong ngày hôm đó, chú Đạt đã cày được tất cả bao nhiêu phần thửa ruộng của mình?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài giải

.....

.....

.....

5 Bạn Việt nói rằng: "Để cộng hai phân số có cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và cộng hai mẫu số với nhau.". Hỏi Việt nói đúng hay sai? Nếu sai, em hãy sửa lại cho đúng.

Trả lời

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Đ, S ?

a) $\frac{5}{10} + \frac{6}{10} = \frac{5+6}{10+10} = \frac{11}{20}$ ☐

b) $\frac{8}{7} + \frac{8}{7} = \frac{8}{7+7} = \frac{8}{14}$ ☐

c) $\frac{9}{17} + \frac{2}{17} = \frac{9+2}{17} = \frac{11}{17}$ ☐

d) $\frac{1}{3} + \frac{1}{3} = \frac{1}{3}$ ☐

2 Tính rồi viết dấu >; < hoặc = thích hợp vào ô trống.

a) $\frac{15}{17} + \frac{4}{17} \square \frac{4}{17} + \frac{15}{17}$

b) $\frac{1}{81} + \frac{2}{81} + \frac{3}{81} \square \frac{2}{81} + \frac{3}{81} + \frac{1}{81}$

3 Tính.

a) $\frac{20}{47} + \frac{93}{47} + \frac{80}{47} =$ .....

b) $\frac{25}{31} + \frac{118}{31} + \frac{75}{31} =$ .....

4 Có ba vòi nước cùng chảy vào một bể. Trong 1 giờ, vòi thứ nhất chảy được $\frac{2}{10}$ bể, vòi thứ hai chảy được $\frac{1}{10}$ bể, vòi thứ ba chảy được $\frac{4}{10}$ bể. Hỏi trong 1 giờ, cả ba vòi chảy được bao nhiêu phần của bể nước?

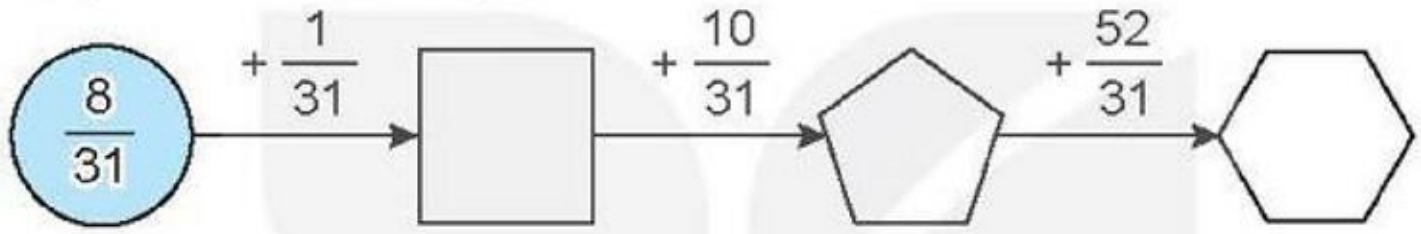
Bài giải

.....

.....

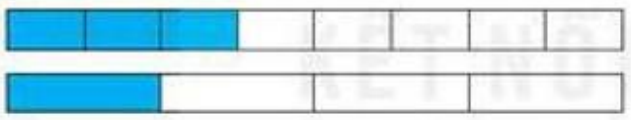
.....

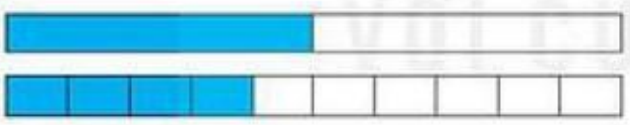
5 Viết phân số thích hợp vào ô trống.

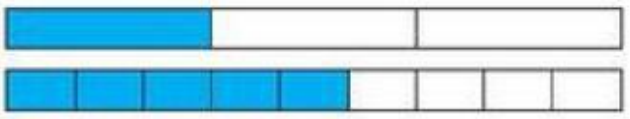


Tiết 3

1 Tính.

a)  $\frac{3}{8} + \frac{1}{4} =$ .....

b)  $\frac{1}{2} + \frac{4}{10} =$ .....

c)  $\frac{1}{3} + \frac{5}{9} =$ .....

2 Rút gọn rồi tính.

a) $\frac{3}{5} + \frac{8}{10} =$ .....

b) $\frac{4}{20} + \frac{2}{5} =$ .....

c) $\frac{4}{12} + \frac{7}{3} =$ .....

3 Nam và Việt cùng ăn một cái bánh. Nam đã ăn $\frac{1}{4}$ cái bánh, Việt đã ăn $\frac{1}{2}$ cái bánh. Hỏi hai bạn đã ăn tất cả bao nhiêu phần của cái bánh?

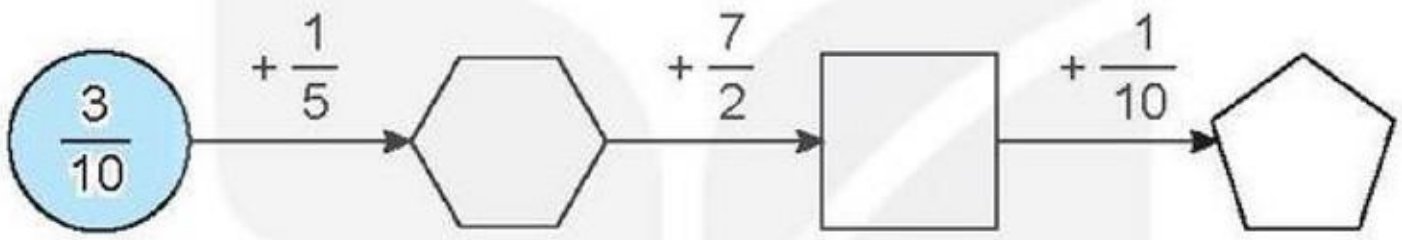
Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết phân số thích hợp vào ô trống.



Tiết 4

1 Tính.

a) $\frac{2}{15} + \frac{11}{15} =$ .....

b) $\frac{8}{19} + \frac{7}{19} =$ .....

c) $\frac{5}{12} + \frac{1}{4} =$ .....

d) $\frac{7}{20} + \frac{3}{10} =$ .....

2 **>; <; =** ?

a) $\frac{4}{11} + \frac{2}{11} + \frac{9}{11} \square \frac{4}{11} + \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11}\right)$

b) $\frac{8}{23} + \left(\frac{15}{23} + \frac{7}{23}\right) \square \left(\frac{8}{23} + \frac{15}{23}\right) + \frac{7}{23}$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{40}{41} + \frac{93}{41} + \frac{60}{41} =$ .....

b) $\frac{8}{150} + \frac{56}{150} + \frac{4}{150} =$ .....

4 Mai cần $\frac{1}{2}$ giờ để quét xong nhà. Bạn ấy cần thêm $\frac{1}{6}$ giờ để lau xong nhà. Hỏi Mai cần tất cả bao nhiêu thời gian để quét xong nhà và lau xong nhà?

Bài giải

.....

.....

.....

5 Ngày Chủ nhật, Nam đọc một cuốn sách. Buổi sáng, Nam đọc được $\frac{1}{2}$ cuốn sách. Buổi chiều, Nam đọc thêm được $\frac{1}{3}$ cuốn sách. Đến buổi tối, Nam đọc thêm được $\frac{1}{12}$ cuốn sách. Hỏi trong ngày Chủ nhật, Nam đã đọc được tất cả mấy phần của cuốn sách?

Bài giải

.....

.....

.....

BÀI 61

PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

Tiết 1

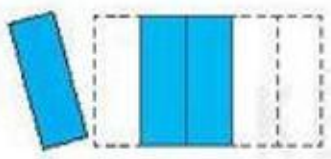
1 Tính.

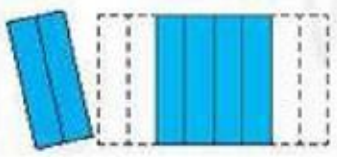
a) $\frac{9}{13} - \frac{4}{13} =$ ..... b) $\frac{8}{7} - \frac{5}{7} =$ .....

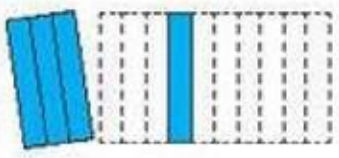
c) $\frac{15}{19} - \frac{4}{19} =$ ..... d) $\frac{85}{57} - \frac{23}{57} =$ .....

2 Viết phép tính thích hợp với mỗi hình (theo mẫu).

Mẫu:  $\frac{2}{3} - \frac{1}{3} = \frac{1}{3}$

a)  .....

b)  .....

c)  .....

3 Đ, S ?

a) $\frac{6}{5} - \frac{3}{5} = \frac{6+3}{5} = \frac{9}{5}$ ☐ b) $\frac{11}{8} - \frac{5}{8} = \frac{11-5}{8} = \frac{6}{8}$ ☐

c) $\frac{7}{9} - \frac{2}{9} = \frac{7-2}{9} = \frac{5}{9}$ ☐ d) $\frac{3}{11} - \frac{2}{11} = \frac{3-2}{11-11} = \frac{1}{0}$ ☐

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{11}{12} - \frac{2}{3} =$ .....

b) $\frac{5}{9} - \frac{5}{18} =$ .....

c) $\frac{5}{7} - \frac{8}{21} =$ .....

d) $\frac{17}{18} - \frac{5}{6} =$ .....

2 Số ?

a) $\frac{23}{27} - \frac{2}{3} = \frac{23}{27} - \frac{\square}{27} = \frac{\square}{27}$

b) $\frac{5}{6} - \frac{1}{12} = \frac{\square}{12} - \frac{1}{12} = \frac{3}{\square}$

c) $\frac{8}{10} - \frac{1}{2} = \frac{8}{10} - \frac{5}{\square} = \frac{\square}{10}$

d) $\frac{3}{4} - \frac{9}{20} = \frac{\square}{20} - \frac{9}{20} = \frac{\square}{20}$

3 Để được một mẻ bánh ngon, Mai cần nướng bánh trong $\frac{3}{2}$ giờ. Biết rằng Mai đã nướng mẻ bánh được $\frac{1}{4}$ giờ. Hỏi Mai cần nướng thêm bao nhiêu giờ nữa để được một mẻ bánh ngon?

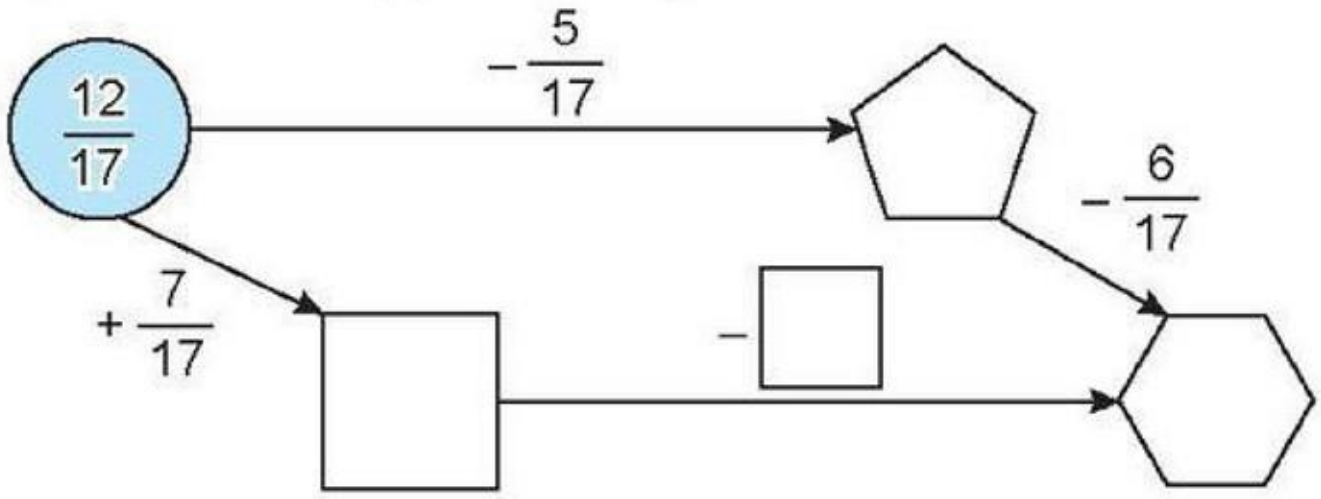
Bài giải

.....

.....

.....

4 Viết phân số thích hợp vào ô trống.



Tiết 3

1 Tính.

a) $\frac{2}{3} - \frac{1}{6} =$ .....

b) $\frac{4}{6} - \frac{5}{12} =$ .....

c) $\frac{7}{15} - \frac{2}{5} =$ .....

d) $\frac{19}{12} - \frac{5}{4} =$ .....

2 Rút gọn rồi tính.

a) $\frac{14}{16} - \frac{3}{8} =$ .....

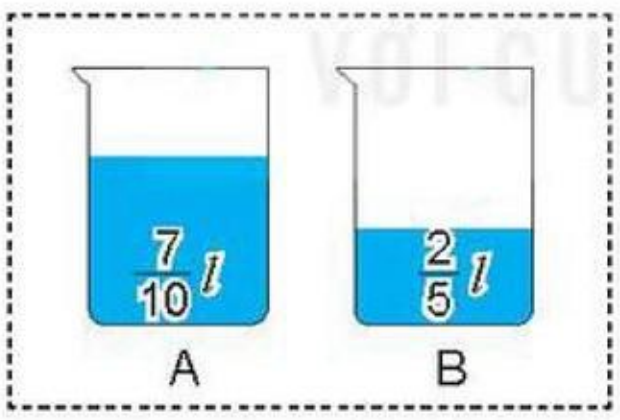
b) $\frac{6}{10} - \frac{1}{5} =$ .....

c) $\frac{5}{7} - \frac{6}{21} =$ .....

d) $\frac{6}{9} - \frac{1}{3} =$ .....

3 Trong hai bình A và B, bình nào đang chứa nhiều nước hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít nước?

a)



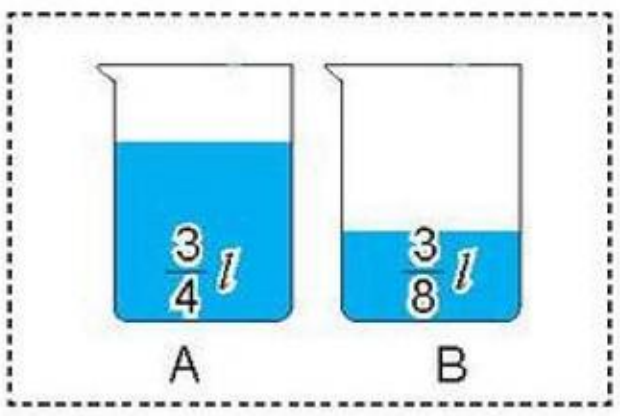
.....

.....

.....

.....

b)



.....

.....

.....

.....

4 Nối (theo mẫu).

$\frac{5}{12}+\frac{5}{12}$	$\frac{1}{6}+\frac{4}{3}+\frac{1}{18}$
$\frac{2}{7}+\frac{1}{14}$	$\frac{1}{2}+\frac{7}{12}-\frac{3}{12}$
$\frac{1}{18}+\frac{3}{2}$	$\frac{15}{14}-\frac{7}{14}-\frac{3}{14}$
$\frac{5}{6}-\frac{1}{18}$	$\frac{7}{18}+\frac{7}{18}$

5 Ca thứ nhất có $\frac{4}{9}$ *l* nước. Ca thứ hai có $\frac{5}{18}$ *l* nước. Bạn Mai rót hết nước từ hai ca đó vào một chiếc bình.

a) Tính lượng nước có trong bình.

b) Sau đó, Mai lấy $\frac{1}{2}$ *l* nước từ trong chiếc bình đó. Tính lượng nước còn lại trong bình.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 62

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Tính.

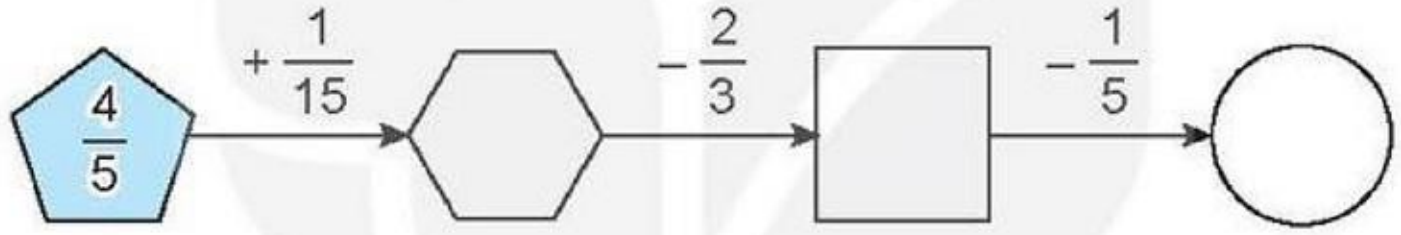
a) $\frac{31}{44} + \frac{2}{11} =$ .....

b) $\frac{9}{10} + \frac{4}{5} =$ .....

c) $\frac{3}{7} - \frac{18}{49} =$ .....

d) $\frac{35}{40} - \frac{11}{20} =$ .....

2 Viết phân số thích hợp vào ô trống.



3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{199}{500} + \frac{99}{500} - \frac{101}{500} =$ .....

b) $\frac{36}{50} + \frac{9}{5} + \frac{4}{50} =$ .....

4 Trong ngày Chủ nhật, bạn Việt dành $\frac{1}{12}$ thời gian để học bài; $\frac{1}{6}$ thời gian để đi chơi; $\frac{1}{3}$ thời gian để đi ngủ; thời gian còn lại, Việt dành để làm những việc khác. Hỏi Việt dành bao nhiêu thời gian của ngày Chủ nhật để làm những việc khác?

Bài giải

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

.....

.....

.....

5 Tính tổng các phân số trên mỗi hàng, mỗi cột (theo mẫu).

$\frac{2}{30}$	$\frac{1}{2}$	$\frac{1}{3}$	$\frac{9}{10}$
$\frac{1}{10}$	$\frac{3}{5}$	$\frac{1}{2}$	
$\frac{1}{15}$	$\frac{3}{10}$	$\frac{7}{30}$	
$\frac{7}{30}$			

Tiết 2

1 Đ, S ?

a) $\frac{7}{4} - \frac{1}{8} = \frac{13}{8}$ ☐

b) $\frac{11}{12} - \frac{1}{3} = \frac{10}{9}$ ☐

c) $\frac{13}{15} + \frac{1}{5} = \frac{14}{20}$ ☐

d) $\frac{7}{6} + \frac{1}{3} = \frac{9}{6}$ ☐

2 Rút gọn rồi tính.

a) $\frac{10}{24} + \frac{1}{12} =$ .....

b) $\frac{15}{18} - \frac{1}{6} =$ .....

c) $\frac{3}{7} - \frac{6}{21} =$ .....

d) $\frac{2}{3} + \frac{5}{15} =$ .....

3 Trong bình có $\frac{4}{5}$ *l* nước. Sau đó, Việt rót thêm $\frac{1}{5}$ *l* nước vào bình. Tính số lít nước có trong bình sau khi rót thêm.

Bài giải

.....

.....

.....

4 Một chiếc gậy dài $\frac{3}{4}$ m. Người ta chia chiếc gậy thành ba khúc. Biết rằng, khúc thứ nhất dài $\frac{1}{2}$ m; khúc thứ hai dài $\frac{1}{8}$ m. Tính chiều dài của khúc thứ ba.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Nam xếp các tấm thẻ thành một phép cộng hai phân số nhưng bị **sai** như hình bên.

$$\frac{4}{12} \quad + \quad \frac{1}{6} \quad = \quad \frac{9}{12}$$

Để được phép tính đúng, Nam cần đổi chỗ 2 tấm thẻ ghi số ..... và ....., khi đó phép tính đúng là: .....

Tiết 3

1 Tính.

a) $1 - \frac{1}{4} =$ .....

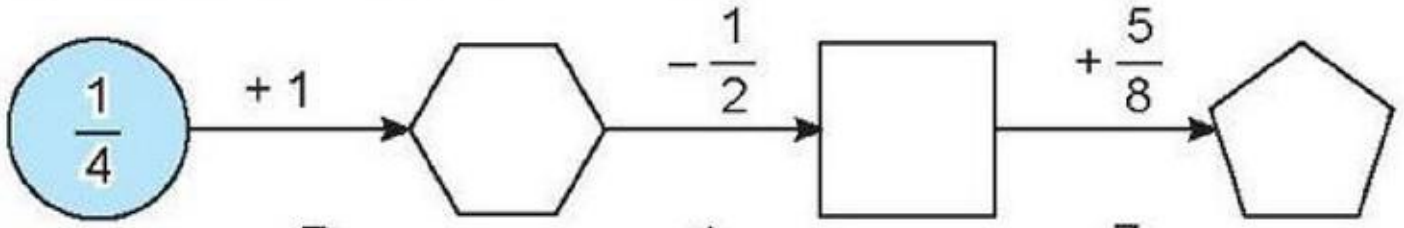
b) $\frac{7}{3} - 2 =$ .....

c) $1 + \frac{4}{7} =$ .....

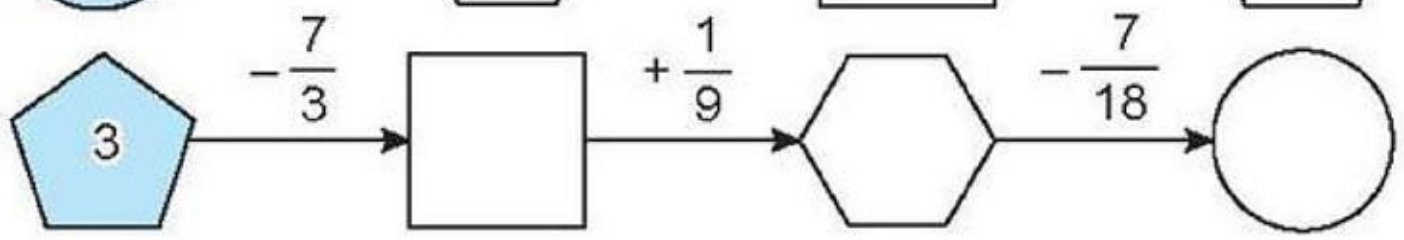
d) $3 - \frac{5}{2} =$ .....

2 Viết phân số thích hợp vào ô trống.

a)



b)



3 Mai đọc xong một cuốn truyện trong ba ngày. Ngày thứ nhất, Mai đọc được $\frac{1}{6}$ cuốn truyện. Ngày thứ hai, Mai đọc thêm được $\frac{1}{3}$ cuốn truyện. Hỏi ngày thứ ba, Mai đọc được mấy phần của cuốn truyện?

Bài giải

.....

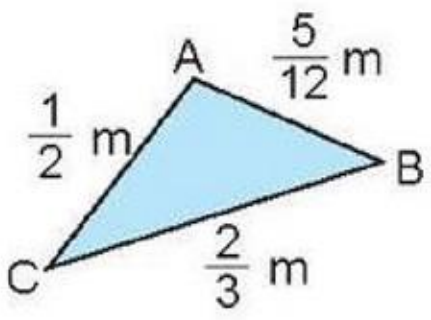
.....

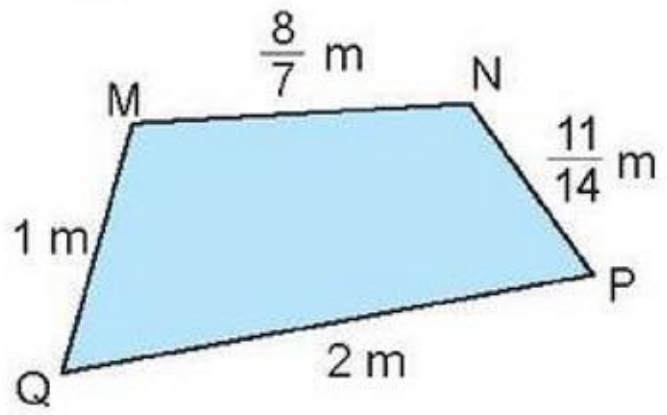
.....

.....

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.





a) Chu vi hình tam giác ABC là: .....

b) Chu vi hình tứ giác MNPQ là: .....

BÀI 63

PHÉP NHÂN PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Tính.

a) $\frac{2}{3} \times \frac{7}{10} =$ .....

b) $\frac{1}{2} \times \frac{5}{6} =$ .....

c) $\frac{3}{8} \times \frac{3}{4} =$ .....

d) $\frac{1}{5} \times \frac{10}{7} =$ .....

2 Rút gọn rồi tính.

a) $\frac{3}{6} \times \frac{13}{8} =$ .....

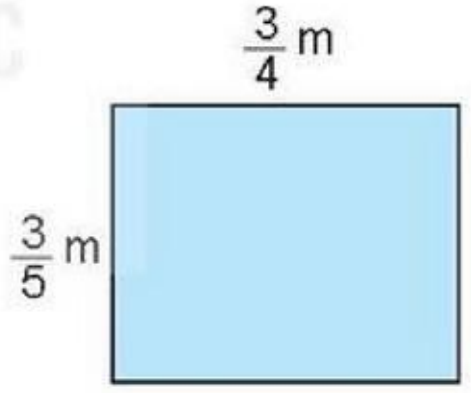
b) $\frac{21}{14} \times \frac{3}{7} =$ .....

c) $\frac{2}{8} \times \frac{12}{8} =$ .....

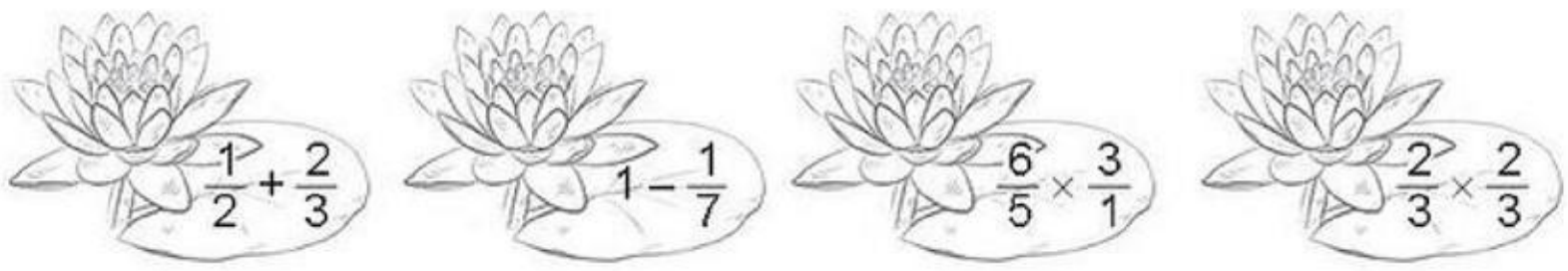
3 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Tấm gỗ hình chữ nhật có chiều dài ..... m và chiều rộng ..... m.

Diện tích tấm gỗ đó là ..... m^2.



4 Tô màu vào những cây hoa súng ghi phép tính có kết quả lớn hơn 1.



Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{5}{12} \times 9 =$ ..... b) $\frac{9}{4} \times 7 =$ .....

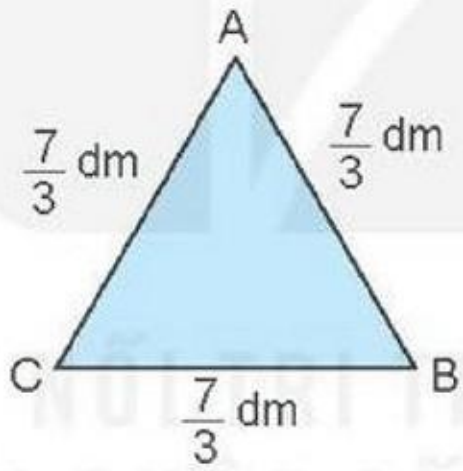
c) $\frac{3}{17} \times 1 =$ ..... d) $\frac{19}{15} \times 0 =$ .....

2 Tính.

a) $5 \times \frac{7}{3} =$ ..... b) $1 \times \frac{21}{23} =$ .....

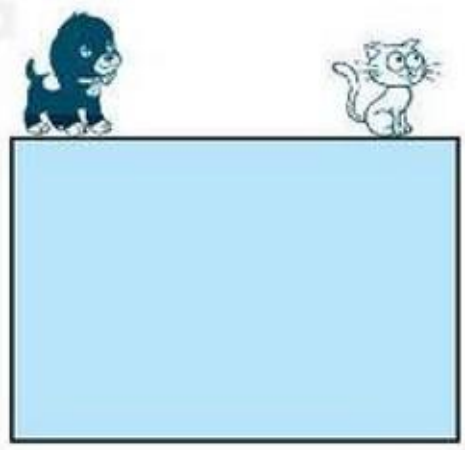
c) $0 \times \frac{2}{3} =$ ..... d) $11 \times \frac{2}{27} =$ .....

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Chu vi của hình tam giác ABC là ..... dm.

4 Chó Mực chạy theo Mèo đúng 4 vòng quanh một cái sân hình chữ nhật có chu vi là $\frac{173}{2}$ m rồi đứng nghỉ. Tính độ dài quãng đường Chó Mực đã chạy.



Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 3

1 **>; <; =** ?

a) $\frac{1}{7} \times \frac{11}{23} \square \frac{11}{23} \times \frac{1}{7}$

b) $\left(\frac{6}{10} \times \frac{2}{9}\right) \times \frac{1}{5} \square \frac{6}{10} \times \left(\frac{2}{9} \times \frac{1}{5}\right)$

c) $\left(\frac{5}{3} + \frac{1}{3}\right) \times \frac{1}{2} \square \frac{5}{3} \times \frac{1}{2} + \frac{1}{3} \times \frac{1}{2}$

2 Tính.

a) $\frac{1}{13} \times \frac{13}{9} \times 9 =$ .....

b) $\left(\frac{7}{6} + \frac{5}{6}\right) \times 6 =$ .....

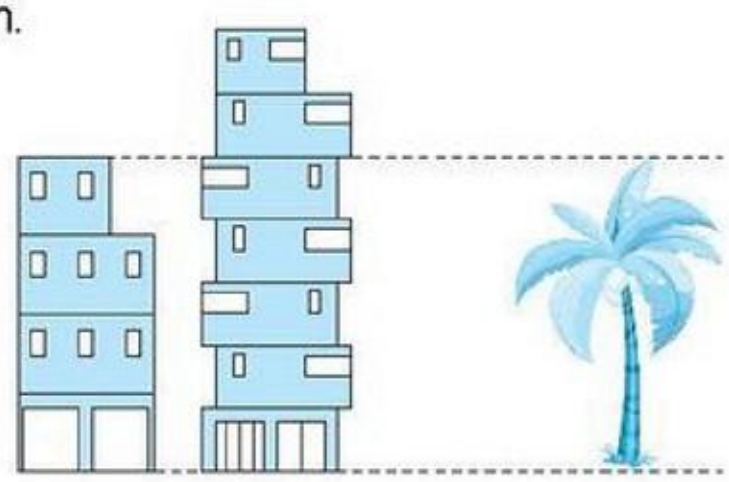
c) $\frac{1}{3} \times \frac{9}{8} + \frac{9}{8} \times \frac{1}{6} =$ .....

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bác Yên nuôi 10 bè cá trắm lẫn cá mè. Trung bình mỗi bữa, một bè cá ăn hết $\frac{71}{10}$ yến cỏ. Vậy mỗi bữa, 10 bè cá của bác Yên ăn hết ..... yến cỏ.

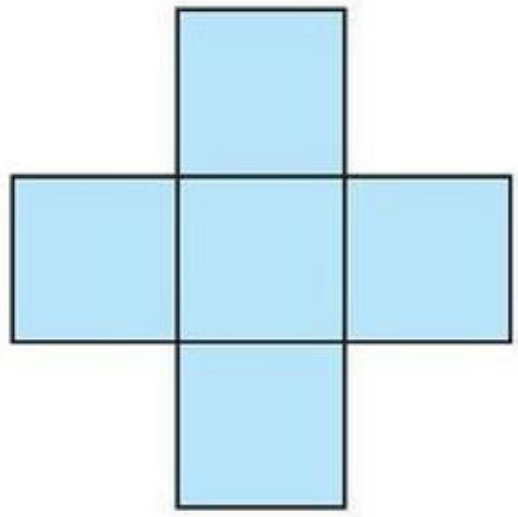
4 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Có hai toà nhà và một cái cây như hình vẽ. Biết ở mỗi toà nhà, các tầng cao bằng nhau và toà nhà cao hơn có chiều cao là 18 m. Chiều cao của cái cây là ..... m.



5 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Bạn Hiển cắt một chiếc hộp giấy không nắp được tấm bìa như hình vẽ.



Biết mỗi hình vuông có cạnh $\frac{5}{3}$ dm.

Diện tích tấm bìa là ..... dm^2.

Tiết 4

1 Tính rồi rút gọn.

a) $\frac{9}{10} \times \frac{5}{9} =$ .....

b) $\frac{7}{13} \times \frac{13}{21} =$ .....

c) $8 \times \frac{3}{16} =$ .....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{21}{23} \times \frac{5}{15} \times 23 =$ .....

b) $\frac{24}{25} \times \frac{3}{5} + \frac{7}{5} \times \frac{24}{25} =$ .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Trên một bức tường người ta gắn các tủ tài liệu, mỗi tủ chiếm một vị trí có dạng hình chữ nhật có chiều dài $\frac{15}{2}$ dm, chiều rộng 4 dm.

a) Diện tích phần bức tường gắn mỗi tủ tài liệu loại đó là ..... dm^2.

b) Người ta gắn 3 tủ tài liệu cùng loại đó sát nhau trên một bức tường. Diện tích phần bức tường gắn 3 tủ tài liệu đó là ..... dm^2.

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Ngôi làng của Bọ Rùa có dạng một hình vuông với chu vi là 3 m. Diện tích của ngôi làng đó là:

A. 9 m^2 B. $\frac{9}{16}$ m^2 C. $\frac{16}{9}$ m^2 D. $\frac{6}{8}$ m^2

5 Để chuẩn bị thực phẩm cho một chuyến đi dã ngoại, mỗi người trong đoàn đã chuẩn bị $\frac{3}{5}$ kg ruốc và $\frac{7}{10}$ kg giò lụa. Biết đoàn đi dã ngoại có tất cả 10 người. Hỏi đoàn đi dã ngoại đã chuẩn bị tất cả bao nhiêu ki-lô-gam ruốc và giò lụa?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 64 PHÉP CHIA PHÂN SỐ

Tiết 1

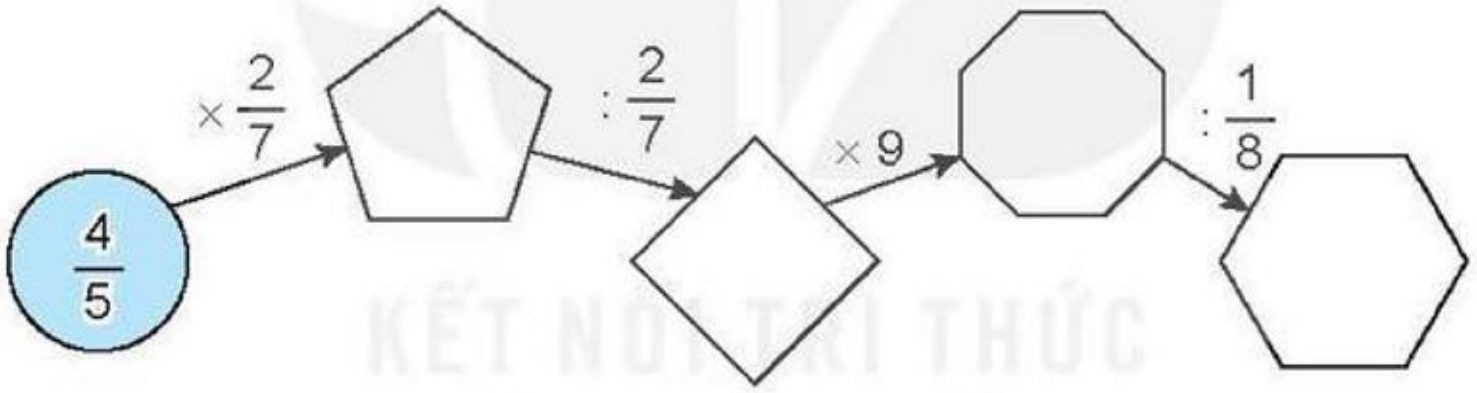
1 a) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Phân số đảo ngược của $\frac{5}{4}$ là: ..... Phân số đảo ngược của $\frac{1}{9}$ là: .....

b) Tính.

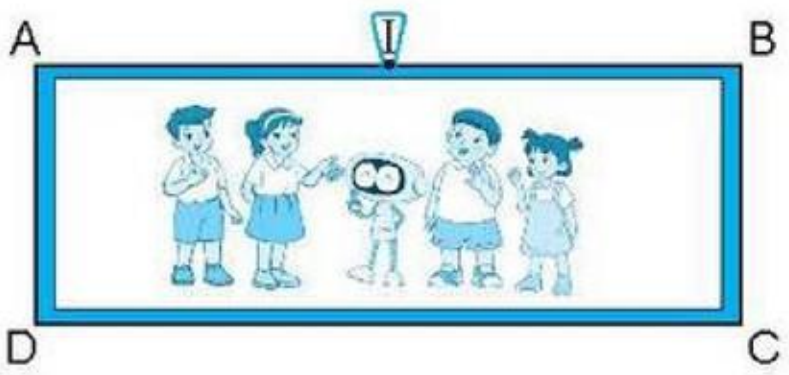
$\frac{17}{6} : \frac{5}{4} =$ ..... $\frac{21}{2} : \frac{13}{9} =$ ..... $\frac{1}{8} : \frac{1}{9} =$ .....

2 Viết phân số thích hợp vào ô trống.



3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bức tranh hình chữ nhật ABCD có diện tích là $\frac{66}{5}$ dm^2 và chiều rộng $\frac{11}{5}$ dm.

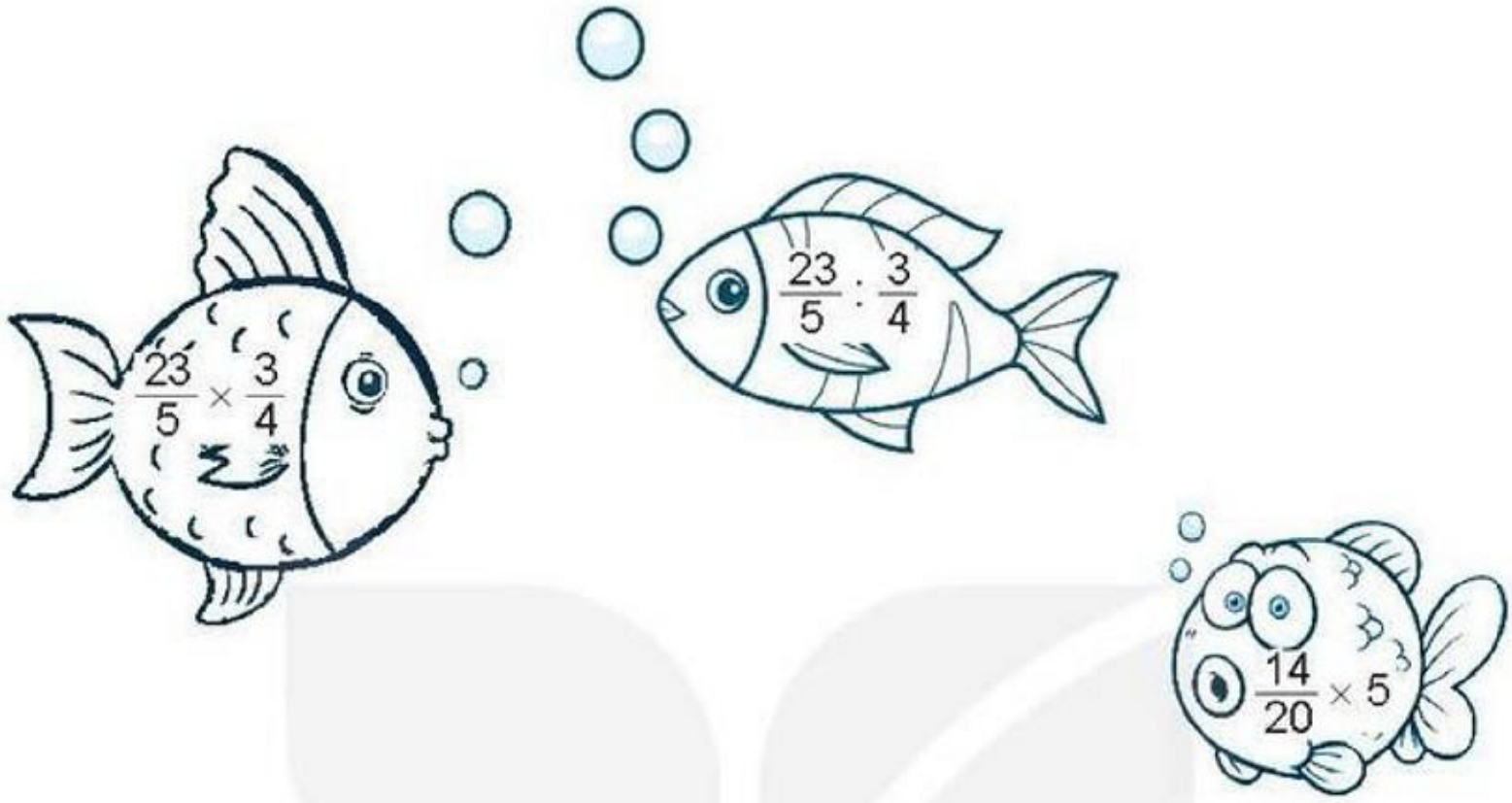


a) Chiều dài của bức tranh là ..... dm.

b) Anh Long lắp một cái móc treo ở trung điểm I của cạnh AB. Điểm I cách điểm A ..... dm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Tô màu vào con cá ghi phép tính có kết quả không phải lớn nhất và không phải bé nhất.



Tiết 2

1 Tính rồi rút gọn.

a) $\frac{4}{9} : \frac{4}{11} =$ .....

b) $\frac{5}{15} : \frac{10}{2} =$ .....

2 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{7}{15} \times ..... = \frac{49}{30}$

b) $\frac{1}{12} : ..... = \frac{1}{9}$

3 Tính.

a) $\left(\frac{1}{2} + \frac{1}{4}\right) : \frac{10}{11} =$ .....

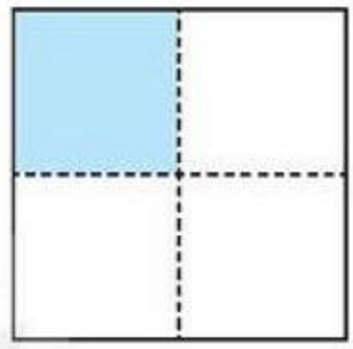
b) $\frac{12}{13} : \frac{1}{4} - \frac{4}{13} =$ .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Chú Văn quấn một sợi dây đồng dài $\frac{135}{2}$ dm quanh một cái ống, độ dài mỗi vòng là $\frac{3}{4}$ dm. Vậy chú Văn quấn được ..... vòng.

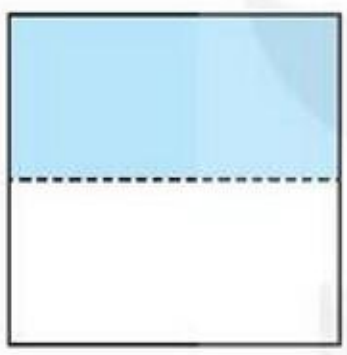
5 Tễu thả bèo xuống chiếc ao hình vuông. Cứ sau mỗi tuần, phần diện tích bèo phủ sẽ tăng gấp đôi tuần trước đó. Biết sau tuần thứ nhất, bèo phủ $\frac{1}{4}$ diện tích ao (phần được tô màu trong hình vẽ).



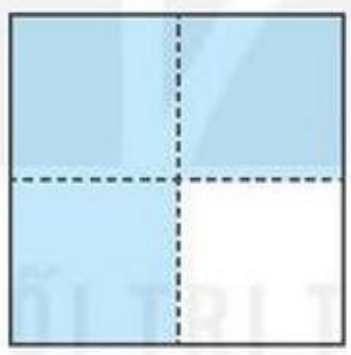
a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hình nào sau đây thể hiện phần diện tích bèo phủ chiếc ao sau tuần thứ ba?

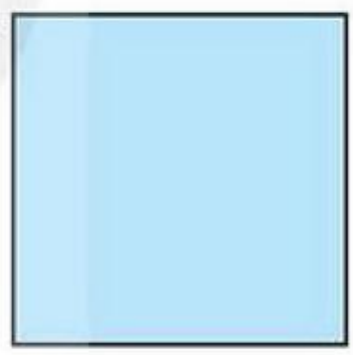
A.



B.



C.



b) Biết diện tích ao nhà Tễu là $\frac{81}{2}$ m^2. Tính diện tích bèo phủ chiếc ao sau tuần thứ hai.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Tính rồi rút gọn.

a) $\frac{6}{7} : \frac{3}{4} =$ .....

b) $\frac{22}{5} : \frac{11}{5} =$ .....

c) $\frac{24}{7} : \frac{12}{35} =$ .....

2 Tính.

a) $4 : \frac{8}{9} =$ ..... $0 : \frac{2}{3} =$ ..... $1 : \frac{5}{9} =$ .....

b) $\frac{45}{41} : 1 =$ ..... $\frac{1}{18} : 2 =$ ..... $\frac{25}{7} : \frac{3}{4} =$ .....

3 Vào một buổi sáng, người ta đo được độ dài cái bóng của khóm trúc là $\frac{19}{2}$ m. Biết độ dài cái bóng gấp đôi chiều cao của khóm trúc. Tính chiều cao của khóm trúc đó.

Bài giải

.....

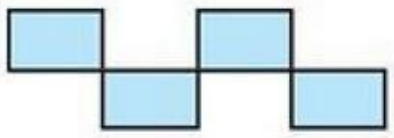
.....

.....

4 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Tổng diện tích 4 hình chữ nhật như nhau là $\frac{8}{5}$ cm^2, chiều rộng của mỗi hình chữ nhật là $\frac{1}{2}$ cm.

Chiều dài của mỗi hình chữ nhật là ..... cm.



BÀI 65 TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

Tiết 1

1 Số ?

Trong hộp có 32 cái bánh quy, trong đó $\frac{1}{2}$ số cái bánh được rắc vừng. Tính số cái bánh quy được rắc vừng.

Bài giải

Số bánh quy rắc vừng là:

$\square \times \frac{\square}{\square} = \square$ (cái)

Đáp số: $\square$ cái bánh.

2 Một chai còn 120 ml nước giặt. Bạn Hoà dùng $\frac{1}{4}$ lượng nước giặt đó để giặt chăn. Hỏi bạn ấy đã dùng bao nhiêu mi-li-lít nước giặt để giặt chăn?

Bài giải

.....

.....

.....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một dàn nhạc giao hưởng có 45 nghệ sĩ, trong đó $\frac{2}{3}$ số nghệ sĩ chơi nhạc cụ thuộc bộ dây. Vậy dàn nhạc đó có ..... nghệ sĩ chơi nhạc cụ thuộc bộ dây.

4 Ở làng Võng Thị có 950 hộ gia đình, trong đó $\frac{3}{5}$ số hộ gia đình trồng hoa cúc. Hỏi làng Võng Thị có bao nhiêu hộ trồng hoa cúc?



Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Trên cây có 18 quả hồng. Chào mào ăn hết $\frac{1}{3}$ số quả hồng. Vậy chào mào ăn hết ..... quả hồng.

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Khi được hỏi về tuổi của mình, một bác thợ rèn cho biết: "Tính đến bây giờ, tôi đã sống được $\frac{3}{5}$ thế kỉ. Quãng thời gian thơ ấu của tôi là $\frac{1}{4}$ số tuổi. Sau đó, tôi dành $\frac{1}{12}$ số tuổi để học nghề rèn. Khi học xong nghề rèn, tôi làm việc ở xưởng đóng tàu sắt. Tính đến nay cũng đã được tròn 40 năm tôi làm việc ở đó.".

a) Số tuổi của bác thợ rèn là ..... tuổi.

b) Bác thợ rèn học nghề rèn trong ..... năm.

c) Tính đến bây giờ, quãng thời gian bác thợ rèn làm việc ở xưởng đóng tàu sắt chiếm ..... số tuổi của bác ấy.

3 Một con chim cắt bay 1 635 m hết $\frac{1}{4}$ phút. Hỏi trung bình mỗi giây con chim cắt bay được bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Ông Bưởi là chủ một đội thuyền buôn. Ông đặt mục tiêu sau mỗi năm sẽ mua thêm những chiếc thuyền buôn để số chiếc thuyền buôn của mình tăng thêm $\frac{1}{10}$ số chiếc thuyền buôn so với năm trước đó. Biết ban đầu, ông Bưởi có 100 chiếc thuyền buôn.

a) Số thuyền buôn ông Bưởi đặt mục tiêu ở năm thứ hai là ..... chiếc.

b) Số thuyền buôn ông Bưởi đặt mục tiêu ở năm thứ ba là ..... chiếc.

BÀI 66 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Tính.

a) $\frac{6}{7} \times \frac{2}{3} =$ ..... b) $\frac{5}{8} : \frac{1}{4} =$ .....

c) $\frac{8}{3} \times \frac{1}{2} + \frac{1}{3} =$ .....

d) $1 - \frac{1}{2} : 3 =$ .....

2 Quãng đường chú rùa bò từ viên gạch trong sân đến bờ ao dài 150 m. Khi bò được $\frac{2}{5}$ quãng đường thì chú rùa dừng lại nghỉ. Hỏi chú rùa còn phải bò tiếp bao nhiêu mét nữa mới ra đến bờ ao?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

3 Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

a) ..... : $\frac{4}{9} = \frac{3}{13}$ b) $\frac{3}{4}$: ..... = 1

c) $\frac{8}{21} \times$ ..... = 1 d) ..... $\times \frac{14}{15} = 1$

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Ngày trước, một ông quan có 1 560 quan tiền và 205 đấu gạo. Ông ấy đem bán hết gạo, mỗi đấu gạo bán được $\frac{3}{5}$ quan tiền. Sau đó, ông dùng tất cả số tiền của mình để mua một con tàu sắt. Vậy:

a) Số tiền bán gạo được ..... quan tiền.

b) Con tàu sắt có giá là ..... quan tiền.

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mảnh đất hình chữ nhật ABCD có chiều rộng 4 m, diện tích $\frac{91}{2}$ m^2. Trên mảnh đất này, người ta đào một cái ao hình chữ nhật để thả ba ba, phần đất còn lại làm một lối đi rộng 1 m (như hình vẽ). Diện tích cái ao là ..... m^2.



Tiết 2

1 Nối mỗi phép tính với phân số là kết quả của phép tính đó.

$\frac{15}{17} \times 2$	$\frac{4}{13} : \frac{25}{6}$	$\frac{8}{20} \times \frac{3}{20}$	$\frac{11}{21} : 3$
$\frac{11}{63}$	$\frac{24}{325}$	$\frac{3}{50}$	$\frac{30}{17}$

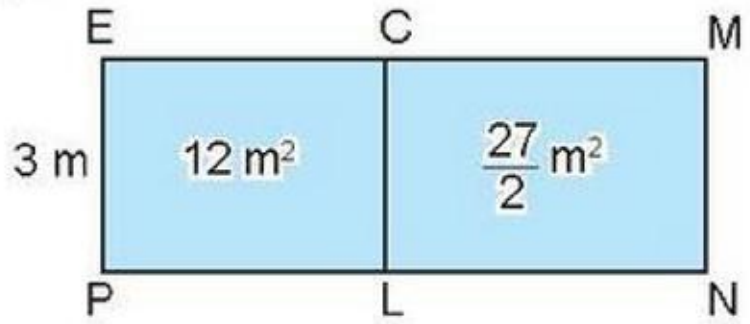
2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{4}{19} \times 5 \times \frac{38}{4} =$ .....

b) $\frac{6}{11} \times \frac{5}{12} + \frac{5}{12} \times \frac{5}{11} =$ .....

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Biết rằng EP = 3 m và diện tích các hình chữ nhật ECLP, CMNL được cho như trong hình.



Độ dài EM là ..... m.

4 Có 4 thanh gỗ (1), (2), (3), (4) trong một cái hộp có độ dài lần lượt là: $\frac{3}{2}$ m, 3 m, $\frac{6}{2}$ m, $\frac{9}{6}$ m.



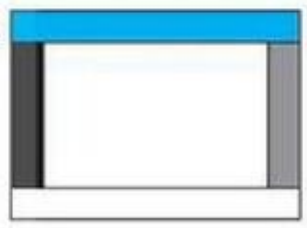
a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nếu lấy 4 thanh gỗ ra khỏi hộp thì xếp được khung hình chữ nhật nào sau đây?

A. 

B. 

C. 

D. 

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Chu vi của khung hình chữ nhật xếp được ở câu a là ..... m.

5 Năm nay, bà ngoại của Minh 81 tuổi. Tuổi của Minh bằng $\frac{1}{9}$ tuổi của bà ngoại. Chị Huyền lớn hơn Minh 10 tuổi. Hỏi năm nay chị Huyền bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Biểu thức nào sau đây có giá trị bé nhất?

A. $15 : \frac{3}{2}$ B. $\left(\frac{4}{5} - \frac{5}{10}\right) \times 5$ C. $7 \times \left(\frac{1}{5} + \frac{1}{10}\right)$

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Mái nhà của phú ông lợp 3 000 viên ngói. Số viên ngói để lợp mái nhà của Bờm bằng $\frac{2}{3}$ số viên ngói để lợp mái nhà của phú ông. Vậy để lợp mái nhà Bờm cần ..... viên ngói.

3 Số ?

Một tiệm may có 6 khay đựng chỉ. Mỗi khay đựng một màu chỉ: trắng, xanh, đen, vàng, tím, đỏ. Biết số cuộn chỉ ở mỗi khay là như nhau và tổng số cuộn chỉ là 360 cuộn.

a) Số cuộn chỉ trắng chiếm $\frac{\square}{\square}$ tổng số cuộn chỉ.

b) Tổng số cuộn chỉ đỏ và xanh là $\square$ cuộn.

4 Số ?

Cô Ba ở làng Chuồn làm bánh khoái. Cô đã làm xong 54 chiếc bánh khoái, trong đó $\frac{5}{9}$ số bánh là bánh nhân cá kình, còn lại là bánh nhân tôm.



Vậy cô đã làm $\square$ chiếc bánh nhân tôm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 67 ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

1 Viết (theo mẫu).

Số gồm	Viết số	Đọc số
4 chục nghìn, 7 nghìn, 2 trăm, 5 đơn vị	47 205	bốn mươi bảy nghìn hai trăm linh năm
5 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 8 trăm, 5 chục, 2 đơn vị		
8 triệu, 3 trăm nghìn, 4 nghìn, 3 trăm, 7 chục		
3 triệu, 9 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 3 trăm		

2 a) Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: 5 283 = 5 000 + 200 + 80 + 3

6 835; 47 561; 816; 570; 9 250 308

....

....

.....

b) Số ?

50 000 + 6 000 + 40 + ☐ = 56 045

400 000 + 80 000 + ☐ + 600 + 30 = 487 630

8 000 000 + 900 000 + 5 000 + ☐ + 4 = 8 905 014

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong dãy số tự nhiên:

a) Hai số liên tiếp hơn kém nhau ..... đơn vị.

b) Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau ..... đơn vị.

c) Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau ..... đơn vị.

d) Số liền trước của số 1 000 000 là .....

4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

Số	8 659	57 408	803 520	5 683 400
Giá trị của chữ số 5	50			
Giá trị của chữ số 8	8 000			

5 Viết số thích hợp vào ô trống để được:

a) Bốn số tự nhiên liên tiếp.

998			1 001

b) Bốn số lẻ liên tiếp.

	7 597	7 599	

c) Bốn số chẵn liên tiếp.

	85 428		85 432

d) Năm số chẵn liên tiếp.

		6 000	6 002	

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1 Đ, S ?

a) Số tự nhiên bé nhất là 1. ☐

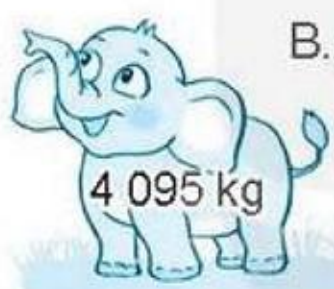
b) Số liền sau của số 999 999 là 1 000 000. ☐

c) Số liền trước của số 0 là 1. ☐

d) Trong dãy số tự nhiên có số bé nhất. ☐

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Con voi nào dưới đây nặng nhất?

A. 

B. 

C. 

D. 

b) Xe đạp nào dưới đây có giá tiền cao nhất?

A. 

5 180 000 đồng

B. 

5 210 000 đồng

C. 

4 850 000 đồng

D. 

4 900 000 đồng

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Số lượt khách du lịch là người nước ngoài đến Việt Nam năm 2018 là 15 497 800 người (theo *Niên giám Thống kê năm 2019*).

a) Làm tròn đến hàng nghìn, số lượt khách du lịch là người nước ngoài đến Việt Nam năm 2018 có khoảng ..... người.

b) Làm tròn đến hàng chục nghìn, số lượt khách du lịch là người nước ngoài đến Việt Nam năm 2018 có khoảng ..... người.

c) Làm tròn đến hàng trăm nghìn, số lượt khách du lịch là người nước ngoài đến Việt Nam năm 2018 có khoảng ..... người.

4 Cho biết số học sinh của bốn trường tiểu học Nguyễn Siêu, Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Hoàng là 2 184, 1 791, 2 218, 1 785. Trong đó, Trường Tiểu học Nguyễn Siêu có nhiều học sinh nhất, Trường Tiểu học Nguyễn Huệ có ít học sinh hơn Trường Tiểu học Nguyễn Nhạc và số học sinh của Trường Tiểu học Nguyễn Hoàng là số chẵn.

a) Hỏi mỗi trường có bao nhiêu học sinh?

b) Viết số học sinh của bốn trường tiểu học đó theo thứ tự từ lớn đến bé.

Bài làm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho bốn thẻ số: 0 1 2 3

Ghép bốn thẻ số đã cho lập được:

a) Số lẻ bé nhất có bốn chữ số là .....

b) Số lẻ lớn nhất có bốn chữ số là .....

BÀI 68

ÔN TẬP PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

a) 9 837 – 754	85 736 + 42 257	45 291 – 24 546
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
b) 907 × 8	615 × 46	8 750 : 53
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Không thực hiện phép tính, hãy viết số thích hợp vào ô trống.

528 + 436 = 436 + ☐

(274 + 619) + 281 = ☐ + (619 + 281)

3 Hai xe bồn chở nước tưới cây, chở tất cả 38 000 *l* nước. Xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai 5 000 *l* nước. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu lít nước?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Một đoàn tàu chở hàng gồm 16 toa. Trong đó có 7 toa, mỗi toa chở 13 600 kg hàng và 9 toa, mỗi toa chở 13 040 kg hàng. Hỏi trung bình mỗi toa chở bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 3 660 + 5 374 + 5 240 – 8 900 = ...

= .....

= .....

b) 24 700 + 1 450 + 8 550 + 4 300 = ...

= .....

= .....

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

a) 805 409 + 384 921

.....

.....

.....

1 591 846 – 758 453

.....

.....

.....

b) 7 305 × 68

.....

.....

.....

.....

.....

349 459 : 56

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Không thực hiện phép tính, hãy viết số thích hợp vào ô trống.

$65 \times 38 = 38 \times \square$

$(216 \times 25) \times 8 = \square \times (25 \times 8)$

$172 \times 27 + 172 \times 13 = 172 \times (27 + \square)$

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) $6\,935 - 217 \times 24 =$ .....

$=$ .....

b) $3\,530 + (9\,213 - 708) : 35 =$ .....

$=$ .....

$=$ .....

4 Chú Ba đi công tác bằng xe máy, quãng đường cả đi và về dài 150 km. Biết rằng cứ đi 100 km thì xe máy tiêu hao hết 2 *l* xăng và giá mỗi lít xăng là 23 500 đồng. Hỏi chú Ba tốn ít nhất bao nhiêu tiền mua xăng để đủ cho xe máy đi hết quãng đường đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $4\,309 \times 25 \times 4 =$ .....

$=$ .....

b) $735 \times 32 + 735 \times 68 - 3\,500 =$ .....

$=$ .....

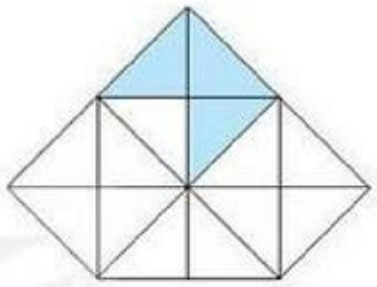
$=$ .....

BÀI 69 ÔN TẬP PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

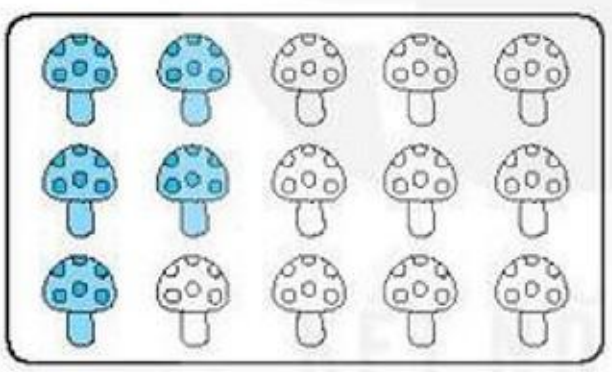
a) Phân số chỉ phần đã tô màu của hình bên là:



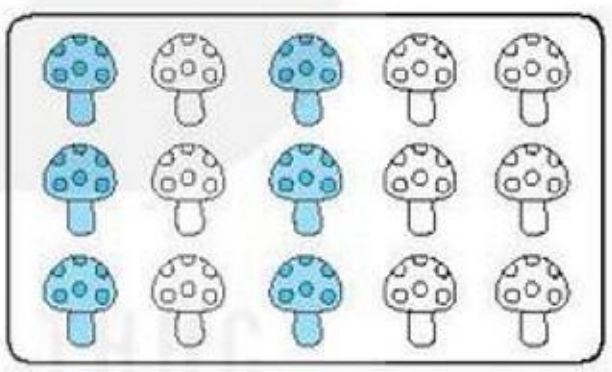
A. $\frac{3}{11}$ B. $\frac{11}{14}$ C. $\frac{3}{14}$ D. $\frac{11}{3}$

b) Đã tô màu $\frac{2}{5}$ số cây nấm của hình nào dưới đây?

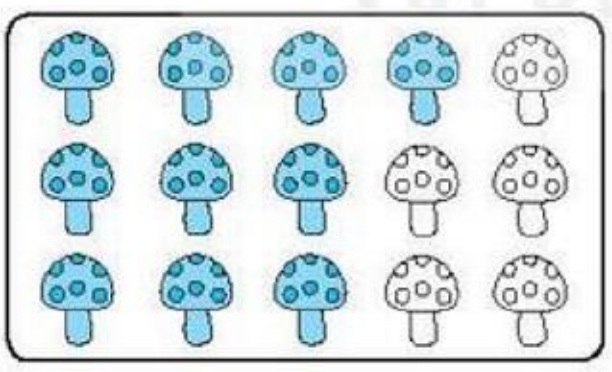
A.



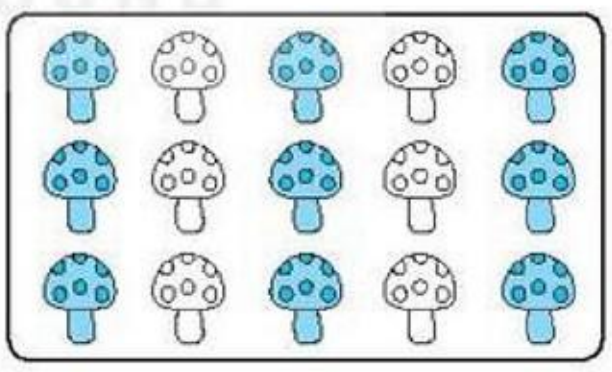
B.



C.



D.



2 Số ?

a) $\frac{64}{72} = \frac{32}{\square} = \frac{\square}{9} = \frac{40}{\square}$

b) $\frac{90}{120} = \frac{\square}{12} = \frac{3}{\square} = \frac{\square}{20}$

3 Quy đồng mẫu số các phân số.

$\frac{3}{8}$ và $\frac{19}{32}$ $\frac{37}{60}$ và $\frac{13}{15}$ $\frac{5}{7}$; $\frac{8}{9}$ và $\frac{48}{63}$

....

.....

4 **>; <; =** ?

a) $\frac{4}{9}$ kg ☐ $\frac{7}{9}$ kg b) $\frac{13}{15}$ *l* ☐ $\frac{13}{17}$ *l* c) $\frac{4}{7}$ m ☐ $\frac{12}{21}$ m

1 kg ☐ $\frac{12}{11}$ kg $\frac{14}{7}$ *l* ☐ 2 *l* $\frac{19}{6}$ m ☐ 3 m

5 Có ba vòi nước cùng chảy vào một bể. Trong 1 giờ, vòi số 1 chảy được $\frac{1}{3}$ bể nước, vòi số 2 chảy được $\frac{3}{8}$ bể nước, vòi số 3 chảy được $\frac{7}{24}$ bể nước. Hỏi trong 1 giờ, vòi nào chảy được nhiều nước nhất, vòi nào chảy được ít nước nhất?

Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phân số nào dưới đây lớn hơn 1?

A. $\frac{12}{13}$ B. $\frac{35}{41}$ C. $\frac{21}{19}$ D. $\frac{45}{53}$

b) Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{4}{9}$?

A. $\frac{15}{45}$ B. $\frac{36}{81}$ C. $\frac{24}{64}$ D. $\frac{28}{37}$

c) Phân số nào dưới đây bé hơn phân số $\frac{5}{7}$?

A. $\frac{35}{49}$ B. $\frac{24}{28}$ C. $\frac{8}{7}$ D. $\frac{32}{56}$

2 Viết tên các quả dưới đây theo thứ tự có cân nặng từ bé đến lớn.



.....

3 Các bạn Hùng, Cường, Lan và Huệ chạy thi theo chiều dài sân trường. Hùng chạy hết $\frac{3}{5}$ phút, Cường chạy hết $\frac{4}{5}$ phút, Lan chạy hết $\frac{14}{15}$ phút, Huệ chạy hết $\frac{2}{3}$ phút. Hỏi ai về đích đầu tiên, ai về đích cuối cùng?

Bài giải

.....

.....

.....

4 Tính.

$$\frac{5 \times 8 \times 11}{11 \times 12 \times 5} = \text{.....}$$

5 Đố em! Tìm một phân số vừa lớn hơn $\frac{5}{8}$ vừa bé hơn $\frac{6}{7}$.

.....

.....

BÀI 70

ÔN TẬP PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ

Tiết 1

1 Tính.

a) $\frac{5}{28} + \frac{12}{7} =$ .....

b) $4 + \frac{7}{12} =$ .....

c) $\frac{23}{24} - \frac{5}{6} =$ .....

d) $\frac{64}{19} - 3 =$ .....

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $\frac{5}{8} + \frac{7}{8} - \frac{9}{16} =$ .....

b) $2 + \frac{1}{6} - \frac{31}{18} =$ .....

c) $\frac{4}{9} + \left(\frac{13}{9} - \frac{16}{27}\right) =$ .....

3 Bác Tuấn có một mảnh vườn, bác đã sử dụng $\frac{4}{7}$ diện tích để trồng rau và $\frac{5}{14}$ diện tích để trồng cây ăn quả, diện tích còn lại để làm lối đi. Hỏi bác Tuấn đã dành bao nhiêu phần diện tích mảnh vườn để làm lối đi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tính bằng cách thuận tiện.

$\frac{5}{14} + \frac{4}{7} + \frac{17}{7} - 3 =$ .....

5 Đố em!

a) Viết phân số $\frac{5}{8}$ thành tổng của hai phân số có tử số bằng 1 và mẫu số khác nhau.

.....

.....

b) Viết phân số $\frac{2}{3}$ thành tổng của hai phân số có tử số bằng 1 và mẫu số khác nhau.

.....

.....

Tiết 2

1 Tính.

a) $\frac{8}{9} \times \frac{9}{16} =$ ..... b) $\frac{7}{24} \times 6 =$ .....

c) $\frac{28}{19} : \frac{21}{19} =$ ..... d) $\frac{48}{7} : 8 =$ .....

2 Rút gọn rồi tính giá trị của biểu thức.

a) $\frac{21}{36} - \frac{7}{6} : 4 =$ .....

b) $\frac{12}{8} : \left(\frac{10}{8} \times 3\right) =$ .....

3 Mai có 350 000 đồng tiền tiết kiệm. Mai đã dùng $\frac{5}{7}$ số tiền đó để mua sách vở giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn. Hỏi Mai còn lại bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Một tấm kính hình chữ nhật có diện tích là $\frac{8}{9}$ m^2 và chiều dài là $\frac{4}{3}$ m. Tính chu vi của tấm kính đó.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

5 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{7}{6} \times \frac{9}{16} \times \frac{6}{7} \times 16$ = ...

= .....

b) $\frac{7}{12} \times \frac{4}{9} + \frac{4}{9} \times \frac{5}{12} - \frac{2}{9}$ = ...

= .....

= .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

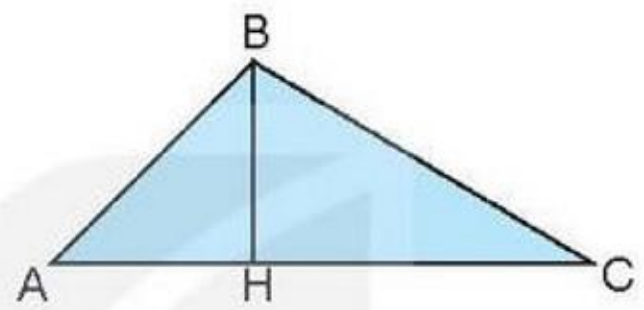
BÀI 71 ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

Tiết 1

1 Viết tên các góc nhọn, góc vuông, góc tù có trong hình dưới đây (theo mẫu).

Trong hình bên có:

Góc nhọn đỉnh B; cạnh BA, BH



.....

.....

.....

.....

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 yến = ... kg 6 tạ = ... kg 8 tấn = ... kg

7 tạ = ... yến 3 tấn = ... tạ 4 tấn = ... yến

b) 90 kg = ... yến 400 kg = ... tạ 5 000 kg = ... tấn

c) 3 tấn 5 tạ = ... tạ 2 tạ 8 kg = ... kg 4 tấn 40 kg = ... kg

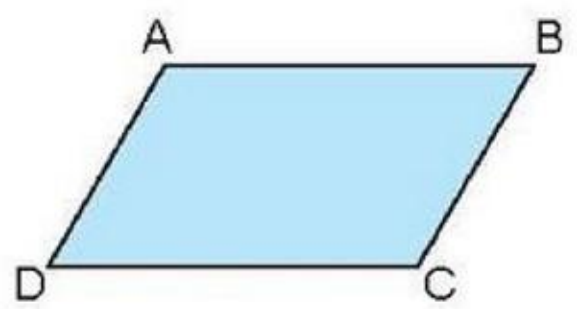
3 Đo góc rồi viết số đo thích hợp vào chỗ chấm.

Góc đỉnh A; cạnh AD, AB bằng .....

Góc đỉnh B; cạnh BA, BC bằng .....

Góc đỉnh C; cạnh CB, CD bằng .....

Góc đỉnh D; cạnh DA, DC bằng .....



4 Một cửa hàng có 1 tấn 710 kg bột mì và số bột gạo bằng $\frac{4}{9}$ số bột mì. Hỏi cửa hàng đó có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam bột mì và bột gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

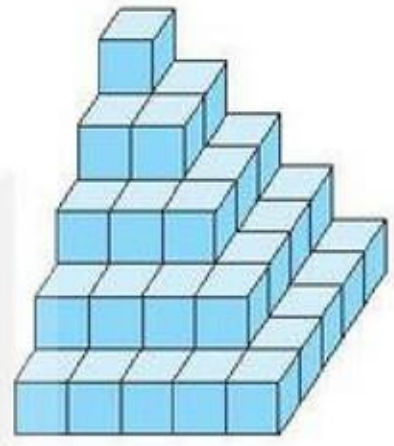
.....

.....

.....

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số khối lập phương nhỏ dùng để xếp thành hình bên là:



A. 25 B. 56

C. 54 D. 55

Tiết 2

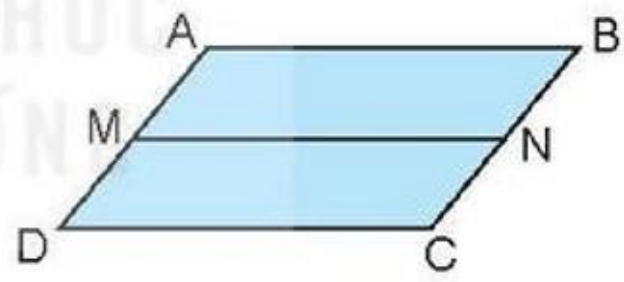
1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

– Các hình bình hành có trong hình bên là:

.....

– Cạnh AB song song với các cạnh:

.....



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 giờ = ... phút 15 phút = ... giây 4 thế kỉ = ... năm

b) 2 giờ 37 phút = ... phút 8 giờ 5 phút = ... phút

12 phút 15 giây = ... giây

c) $\frac{1}{6}$ giờ = ... phút $\frac{1}{2}$ phút = ... giây $\frac{1}{5}$ thế kỉ = ... năm

3 Năm nay chị Lan 13 tuổi, chị Lan kém mẹ 28 tuổi. Hỏi mẹ của chị Lan sinh năm nào và năm đó thuộc thế kỉ bao nhiêu?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $4\ m^2$ = ... dm^2

$16\ cm^2$ = ... mm^2

$21\ dm^2$ = ... cm^2

b) $300\ cm^2$ = ... dm^2

$90\ 000\ cm^2$ = ... dm^2

$4\ 500\ mm^2$ = ... cm^2

c) $3\ m^2\ 26\ dm^2$ = ... dm^2

$9\ dm^2\ 30\ cm^2$ = ... cm^2

$8\ cm^2\ 8\ mm^2$ = ... mm^2

$7\ m^2\ 50\ cm^2$ = ... cm^2

5 a) Người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 60 cm để lát nền một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch men loại đó để vừa đủ lát kín nền căn phòng? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể.)

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nếu dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 30 cm thì số viên gạch men cần dùng để lát kín nền căn phòng ở câu a là:

A. 300 viên B. 400 viên C. 500 viên D. 600 viên

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 72

ÔN TẬP MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

1 Cho biết chiều cao của bốn vận động viên Tùng, Hoà, Việt, Bình theo thứ tự là: 182 cm, 187 cm, 178 cm, 185 cm.

a) Số ?

Tên vận động viên	Hoà	Bình	Việt	Tùng
Chiều cao (cm)				

b) Viết số đo chiều cao của các vận động viên theo thứ tự từ lớn đến bé:

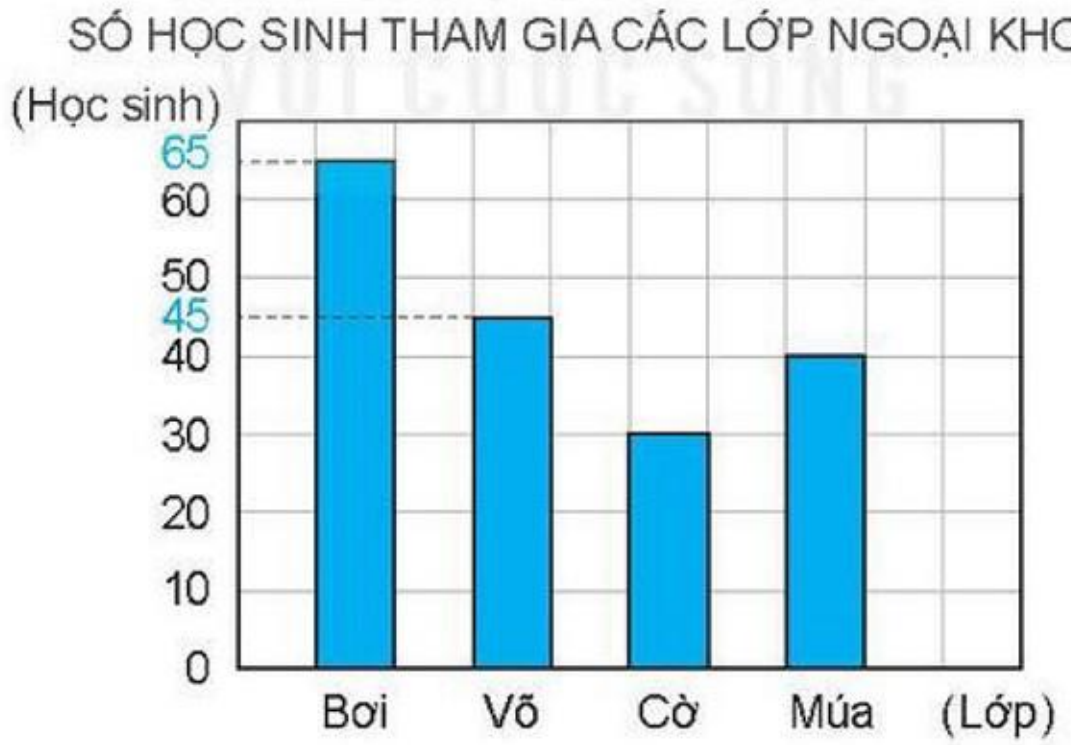
.....

c) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

• Vận động viên thấp nhất là: .....

• Các vận động viên cao hơn 182 cm là: .....

2 Biểu đồ dưới đây cho biết số học sinh tham gia các lớp ngoại khoá của một trường tiểu học.



Dựa vào biểu đồ, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Mỗi lớp ngoại khoá có bao nhiêu học sinh?

.....

.....

b) Các lớp ngoại khoá nào có nhiều hơn 30 học sinh?

.....

c) Trung bình mỗi lớp ngoại khoá có bao nhiêu học sinh?

.....

.....

3 Trong một hộp có 4 quả bóng gồm 1 quả màu đỏ, 1 quả màu vàng, 1 quả màu trắng và 1 quả màu xanh. Không nhìn vào hộp, Rô-bốt lấy ra 1 quả bóng bất kì, ghi lại màu của quả bóng đó rồi trả lại vào hộp. Bóng màu đỏ ghi Đ, bóng màu xanh ghi X, bóng màu vàng ghi V, bóng màu trắng ghi T.

Rô-bốt đã thực hiện 40 lần lấy bóng như trên và ghi lại kết quả xuất hiện màu của mỗi quả bóng, được bảng sau:

Bóng màu đỏ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	
Bóng màu xanh	X	X	X	X	X	X	X	X				
Bóng màu vàng	V	V	V	V	V	V	V	V	V			
Bóng màu trắng	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T

Dựa vào bảng trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Mỗi loại bóng (theo màu) xuất hiện bao nhiêu lần?

.....

.....

b) Bóng màu nào xuất hiện nhiều lần nhất?

.....

c) Bóng màu nào xuất hiện ít lần nhất?

.....

BÀI 73

ÔN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Viết, đọc số (theo mẫu).

Số gồm có	Viết số	Đọc số
5 triệu, 1 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 7 nghìn, 6 trăm và 5 đơn vị	5 137 605	năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm linh năm
3 chục nghìn, 7 nghìn, 7 chục và 1 đơn vị		
2 triệu, 5 chục nghìn, 8 trăm, 3 chục và 9 đơn vị		
8 nghìn, 5 trăm, 6 chục và 1 đơn vị		

2 Đặt tính rồi tính.

12 667 + 30 825 ....

89 162 – 8 407 ....

2 824 × 23 ....

20 710 : 5 ....

3 Viết các số 4 253; 3 524; 3 542; 4 532:

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

4 Trong ba ngày, mỗi ngày cửa hàng bán được số ki-lô-gam đường lần lượt là 52 kg, 45 kg, 59 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường?

Bài giải

.....

.....

.....

5 Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 54 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi và diện tích của mảnh đất đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

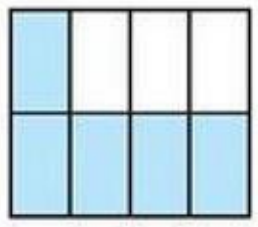
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

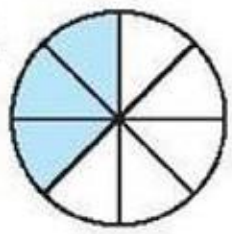
Tiết 2

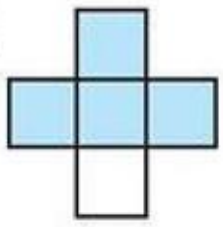
1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hình nào dưới đây đã tô màu $\frac{3}{8}$ hình đó?

A. 

B. 

C. 

D. 

2 Rút gọn các phân số.

$\frac{15}{35}$ = ... $\frac{27}{45}$ = ...

$\frac{24}{36}$ = ... $\frac{75}{100}$ = ...

3 Tính.

a) $\frac{4}{7} + \frac{8}{21}$ = ... b) $\frac{9}{16} - \frac{7}{48}$ = ...

c) $\frac{16}{39} \times \frac{13}{5}$ = ... d) $\frac{25}{33} : \frac{25}{27}$ = ...

4 Có 45 bạn tham gia lớp học bơi. Trong đó, số bạn nam hơn số bạn nữ là 7 bạn. Hỏi lớp học bơi đó có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Việt đo chiều dài mặt bàn được 1 m 20 cm. Biết chiều rộng mặt bàn bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài mặt bàn. Hỏi chu vi mặt bàn đó bằng bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

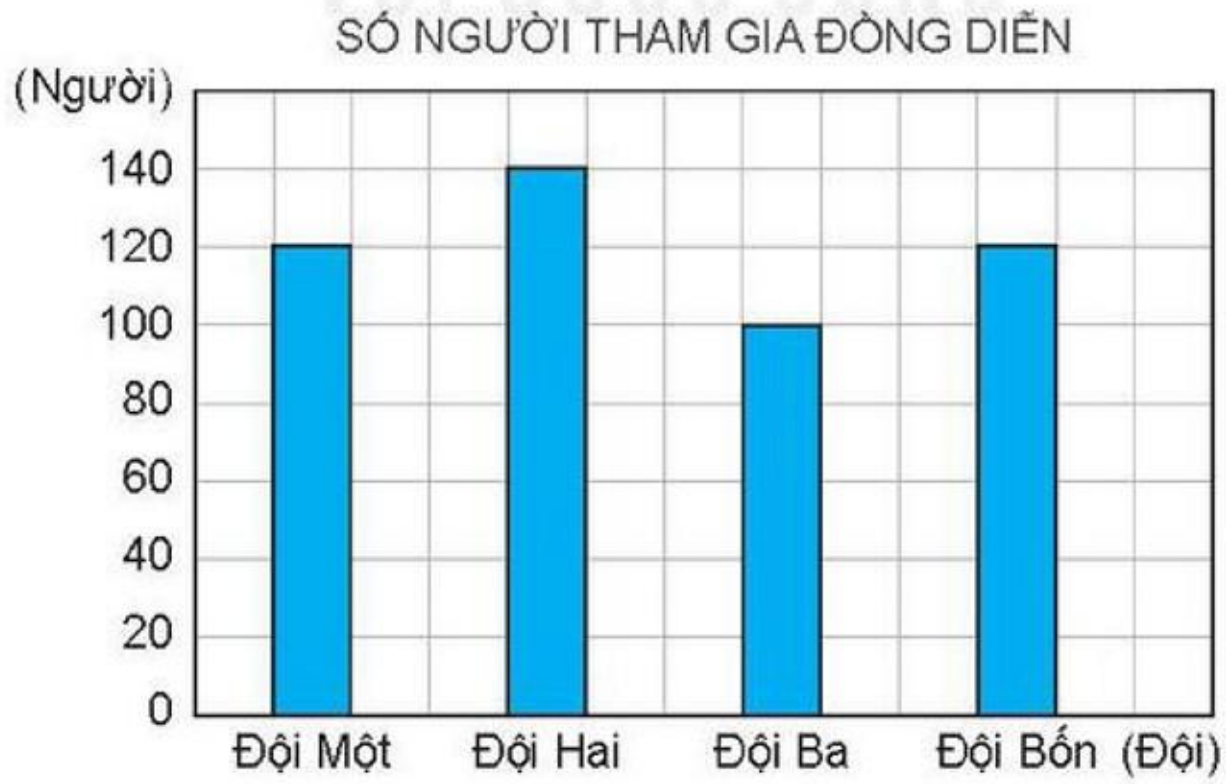
.....

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

45 278 + 37 305	82 405 – 37 284	51 605 × 4	7 224 : 24
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2 Biểu đồ sau cho biết số người tham gia đồng diễn của bốn đội trong một hội thao.



Dựa vào biểu đồ, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Mỗi đội có bao nhiêu người tham gia đồng diễn?

.....

.....

b) Trung bình mỗi đội có bao nhiêu người tham gia đồng diễn?

.....

.....

c) Hai đội nào có số người tham gia đồng diễn bằng nhau?

.....

.....

d) Hai đội nào có số người tham gia đồng diễn hơn kém nhau 40 người?

.....

.....

.....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cùng đi một quãng đường, ô tô màu đỏ đi hết $\frac{2}{3}$ giờ, ô tô màu xanh đi hết 2 400 giây, ô tô màu đen đi hết $\frac{7}{12}$ giờ, ô tô màu trắng đi hết 42 phút.

Hỏi ô tô nào đi hết ít thời gian nhất?

A. Ô tô màu đỏ

B. Ô tô màu xanh

C. Ô tô màu đen

D. Ô tô màu trắng

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho ABCD là hình vuông, MNPQ là hình thoi, AEQM và MNGB là hai hình bình hành. Bốn hình đó tạo thành hình $\mathcal{H}$.

Trong hình $\mathcal{H}$ có:

a) Hai đoạn thẳng vuông góc với nhau là:

.....

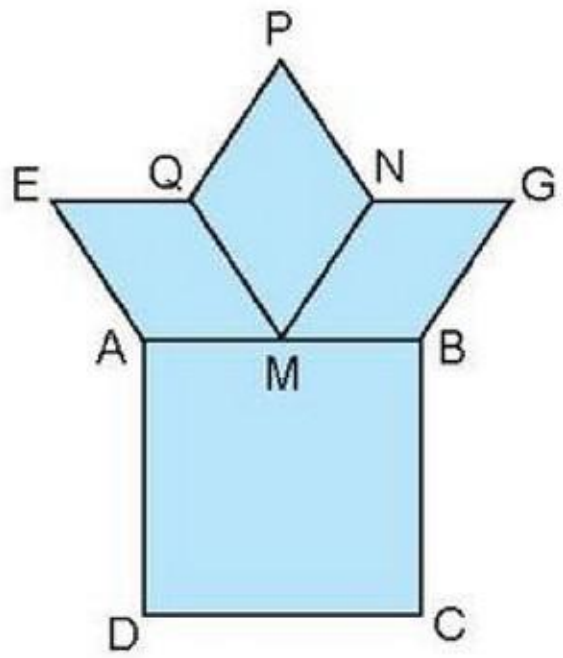
.....

b) Các đoạn thẳng bằng đoạn thẳng AE là: .....

.....

c) Các đoạn thẳng song song với đoạn thẳng AB là: .....

.....



Hình $\mathcal{H}$

5 Trong thùng có 128 cái bánh. Người ta lấy ra $\frac{3}{4}$ số cái bánh trong thùng để chia đều vào 4 hộp. Hỏi 16 hộp như vậy có bao nhiêu cái bánh?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: LƯU THẾ SƠN – BÙI THU TRANG
Thiết kế sách: LƯU THẾ SƠN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM – PHẠM THỊ TÌNH
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP TOÁN 4 - TẬP HAI
Mã số: G1BH4T002H23
In ..... cuốn (QĐ .....), khổ 17 x 24cm.
In tại .....
Số ĐKXB: 8-2023/CXBIPH/6-2097/GD
Số QĐXB: ..... /QĐ-GD ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-34949-1
Tập hai: 978-604-0-34950-7



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một
2. Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập hai
3. Vở bài tập Toán 4, tập một
4. Vở bài tập Toán 4, tập hai
5. Vở bài tập Khoa học 4
6. Vở bài tập Đạo đức 4
7. Vở bài tập Mĩ thuật 4
8. Vở bài tập Âm nhạc 4
9. Vở bài tập Công nghệ 4
10. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4
11. Vở bài tập Tin học 4
12. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4
13. Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách bài tập

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-34950-7

9 786040 349507

Giá: ..... đ